SỞ TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 0304934883

Đăng ký lần đầu: ngày 20 tháng 04 năm 2007

Đăng ký thay đổi lần thứ: 21, ngày 31 tháng 12 năm 2025

CÔNG TY C˚ PHЫN V⁎N TЧI VÀ TIɛP V⁎N PHh ч NG ŋÔNG VI˙T

Digitally signed by CÔNG TY C˚ PHЫN V⁎N TЧI VÀ TIɛP V⁎N PHh ч NG ŋÔNG VI˙T
DN: cn=CÔNG TY C˚ PHЫN V⁎N TЧI VÀ TIɛP V⁎N PHh ч NG ŋÔNG VI˙T c=VN l=TPHCM e=ACCOUNTING@PVTLOGISTICS.VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026-11-11 18:28+07:00

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHUONG DONG VIET SHIPPING AND LOGISTICS CORPORATION

Tên công ty viết tắt: PVT LOGISTICS

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lầu 8, cao ốc Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: *028.62911281* Số Fax: *02862911280*

Thư điện tử: *info@pvtlogistics.vn* Website: *www.pvtlogistics.vn*

3. Vốn điều lệ: 793.149.260.000 đồng.

Bằng chữ: Bảy trăm chín mươi ba tỷ một trăm bốn mươi chín triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 79.314.926

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 26 tháng 10 năm 2026

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: LÊ TRÚC LÂM Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: *25/10/1981* *Quốc tịch: Việt Nam*

Số định danh cá nhân: *001081013933*

Chức danh: Giám đốc

Địa chỉ liên lạc: *14B9 Ngô Tất Tố, Khu phố 9, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

GIÁM ĐỐC

Lê Trúc Lâm

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Hồ Hoành Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 02-2026/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 10 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
(Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản)

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản số 02-2026/BB-PĐV-ĐHĐCĐ ngày 26/10/2026.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua những nội dung sau:

1. Tờ trình số 01/2026/TTr – ĐHĐCĐ ngày 08/10/2026 về việc thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2026.

2. Tờ trình số 02/2026/TTr – ĐHĐCĐ ngày 8/10/2026 về việc thông qua Dự án đầu tư tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 19.000 - 26.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HC-08/26) thuộc kế hoạch năm 2026.

Điều 2. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và các đơn vị, cá nhân có liên quan của Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nơi nhận:
- Cổ đông PVT Logistics;
- Như Điều 3;
- Lưu VT, HĐQT, TH (4b).

Hồ Sĩ Thuận

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2026/TTr-ĐHĐCĐ	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 10 năm 2026*

TỜ TRÌNH
Về việc Thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ)

Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt.

Căn cứ:
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025;
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng và đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 115/2025/TT-BTC ngày 15/12/2025;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động CTCP Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt.

Hội đồng quản trị ("**HĐQT**") CTCP Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt ("**Công ty**" hoặc "**PDV**") kính trình Đại hội đồng cổ đông ("**ĐHĐCĐ**") xem xét, thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2026 của Công ty, cụ thể như sau:

A. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN

1. Tên tổ chức phát hành: CTCP Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt.
2. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu CTCP Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt.
3. Mã cổ phiếu: PDV.
4. Loại cổ phiếu chào bán: Cổ phiếu phổ thông.
5. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.
6. Vốn điều lệ đã góp: 793.149.260.000 đồng.
7. Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 79.314.926 cổ phiếu.

   Trong đó:
   - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 79.314.926 cổ phiếu.
   - Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.

8. Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán: 56.948.116 cổ phiếu.
9. Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán (theo mệnh giá): 569.481.160.000 đồng.
10. Vốn điều lệ dự kiến sau chào bán: 1.362.630.420.000 đồng.
11. Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu.
12. Cơ sở xác định giá chào bán: Giá chào bán được tính dựa trên căn cứ:

(i) Giá trị sổ sách tại ngày 30/06/2026 là 12.922 đồng/cổ phiếu.

Đvt: VNĐ

Stt	Nội dung	Giá trị tại 30/06/2026
1	Vốn chủ sở hữu	1.024.939.793.857
2	Số Cổ phần đang lưu hành	79.314.926
3	Giá trị sổ sách 1 Cổ phần (đồng/Cổ phần)	12.922

(ii) Giá thị trường của cổ phiếu, được xác định theo giá đóng cửa bình quân trong vòng 30 phiên giao dịch gần nhất của cổ phiếu PDV tại sàn HSX tính đến ngày 02/10/2026 là 8.459 đồng/cổ phiếu.

Căn cứ vào giá trị sổ sách và giá thị trường của cổ phiếu PDV nêu trên; căn cứ vào chiến lược phát triển và nhu cầu tăng vốn của PDV; khuyến khích cổ đông gắn bó và đóng góp cho sự phát triển của PDV và đảm bảo tính khả thi của đợt chào bán, HĐQT đề xuất giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu.

13. Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán: **569.481.160.000** đồng.
14. Hình thức chào bán: Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua.
15. Đối tượng chào bán: Cổ đông của PDV có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cấp theo quy định.
16. Tỷ lệ phát hành (số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán/số lượng cổ phiếu đang lưu hành): 71,8%.
17. Phương thức phân phối: Theo phương thức thực hiện quyền.
18. Tỷ lệ thực hiện quyền: 1.000 : 718 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền mua, cứ 1.000 quyền mua sẽ được mua 718 cổ phiếu mới).
19. Nguyên tắc làm tròn: Số cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được tổng hợp lại và xử lý theo phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết nêu tại mục 20.

Ví dụ: Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông A sở hữu 100 cổ phiếu với tỷ lệ thực hiện quyền là 1.000 : 718, cổ đông A sẽ được quyền mua (100:1.000) x 718 = 71,8 cổ phiếu mới. Như vậy, theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị, cổ đông A được quyền mua 71 cổ phiếu; 0,8 cổ phiếu lẻ sẽ được tổng hợp lại và xử lý theo phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết nêu tại mục 20.

20. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết (nếu có):

20.1. Cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết bao gồm:

(i) Cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

(ii) Số lượng cổ phiếu do cổ đông từ chối mua (bao gồm trường hợp cổ đông không đăng ký mua hoặc đã đăng ký mua nhưng không nộp tiền/không nộp đủ số tiền mua cổ phiếu đã đăng ký);

(iii) Số cổ phiếu chênh lệch phát sinh giữa số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán và số lượng cổ phiếu thực tế chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền của các cổ đông.

20.2. Xử lý đối với cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết (nếu có): Đại hội đồng cổ đông ủy quyền/giao cho Hội đồng quản trị quyết định phương án xử lý số cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết (nếu có)

HĐQT quyết định tiêu chí, danh sách nhà đầu tư, số lượng cổ phiếu phân phối cho từng nhà đầu tư và điều kiện, phương thức, giá chào bán cho nhà đầu tư với điều kiện không được ưu đãi hơn so với phương án chào bán cho cổ đông hiện hữu đã được ĐHĐCĐ thông qua việc phân phối được thực hiện đảm bảo các quy định sau:

(i) Việc xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết cho cổ đông hiện hữu đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành;

(ii) Số cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết khi phân phối cho nhà đầu tư khác theo quyết định của HĐQT sẽ hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

(iii) Trường hợp sau thời gian HĐQT quyết định tiếp tục chào bán mà vẫn còn cổ phiếu chưa chào bán hết, số cổ phiếu chưa chào bán hết này được hủy bỏ và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt chào bán.

21. Chuyển nhượng quyền mua: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông được phân bổ quyền mua có quyền chuyển nhượng quyền mua của mình cho người khác trong thời gian quy định. Quyền mua chỉ được phép chuyển nhượng một (01) lần. Người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng tiếp cho người thứ 3. Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng và thanh toán tiền chuyển nhượng.

22. Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu chào bán không bị hạn chế chuyển nhượng (trừ trường hợp quy định tại mục 20). Các cổ đông sở hữu cổ phiếu đang trong tình trạng hạn chế chuyển nhượng vẫn được nhận quyền mua cổ phiếu và số lượng cổ phiếu mua thêm từ quyền mua này không bị hạn chế chuyển nhượng.

23. Thời gian dự kiến chào bán: Dự kiến trong Quý IV/2026 – Quý II/2027, sau khi Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.

24. Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài: ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thông qua phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

25. Đăng ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu: Cổ phiếu phát hành thêm của CTCP Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt sẽ được đăng ký bổ sung tại Tổng công

ty lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) và được đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX) theo đúng quy định của pháp luật.

B. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán là **569.481.160.000 đồng**, Công ty sẽ sử dụng toàn bộ số tiền dự kiến huy động được từ đợt chào bán để sử dụng cho các mục đích như sau:

TT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền dự kiến (đồng)	Thời điểm giải ngân dự kiến
1	Bổ sung vốn để mua Tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 19.000 - 26.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HC-08/26) (*)	361.460.000.000	Trong năm 2027
2	Bổ sung vốn để mua Tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 19.000 - 26.000 DWT hoặc tàu hàng rời trọng tải 55.000 - 75.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HC/HR-07/25) (**)	208.021.160.000	
Tổng cộng		**569.481.160.000**	

(*) Tại nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 số 01-2026/NQ-PDV-ĐHĐCĐ ngày 25/06/2026 (Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01), Đại hội đồng cổ đông đã thông qua nội dung "Đối với Dự án đầu tư Tàu dầu/hóa chất trọng tải khoảng 19.000–26.000 DWT hoặc tàu hàng rời 55.000-75.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HC/HR-08/26) và Đầu tư kho cảng xăng dầu, hoá chất tổng hợp, Công ty sẽ có báo cáo phương án tăng vốn trình tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường để thông qua khi thị trường thuận lợi. Tuy nhiên do ảnh hưởng biến động của thị trường mua bán tàu và Dự án đầu tư kho cảng xăng dầu, hoá chất tổng hợp chưa triển khai được trong thời gian tới nên Công ty xin ý kiến cổ đông thông qua phương án tăng vốn để tập trung sử dụng vốn cho Dự án PDV-HC-08/26 và Dự án PDV-HC/HR-07/25.

(**) Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01 đã thông qua kế hoạch đầu tư Dự án PDV-HC/HR-07/25 (dự án chuyển tiếp của năm 2025). Theo đó, Công ty đã điều chỉnh tổng mức đầu tư và thông số trọng tải của Dự án so với thông tin đã được Đại hội Đồng cổ đông năm 2025 thông qua để phù hợp với nhu cầu thực tế của Công ty.

- ĐHĐCĐ giao/ủy quyền cho HĐQT xây dựng kế hoạch sử dụng vốn chi tiết của đợt chào bán, đảm bảo lợi ích của cổ đông và tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Đối với nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi do chưa giải ngân theo kế hoạch sử dụng vốn chi tiết do HĐQT thông qua, Công ty được mở (các) hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn để hưởng lãi đảm bảo phù hợp với tiến độ giải ngân thực tế của phương án sử dụng vốn.
- Trường hợp tiến độ huy động vốn từ đợt chào bán chậm hơn tiến độ thanh toán theo phương án sử dụng vốn đã được ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua, HĐQT được quyền phân bổ nguồn vốn khác của Công ty để thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo phương án sử dụng vốn, sau đó sẽ sử dụng nguồn vốn thu được từ đợt chào bán để thanh toán

bù đắp cho các nghĩa vụ thanh toán đến hạn phát sinh từ việc sử dụng nguồn vốn tự có nêu trên, đảm bảo đúng phương án sử dụng vốn huy động từ đợt chào bán.

- Trường hợp sau khi sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán để thực hiện việc mua tàu theo phương án sử dụng vốn đã được ĐHĐCĐ thông qua mà vẫn còn số tiền chưa sử dụng hết, HĐQT được quyết định phân bổ, sử dụng số tiền còn lại để bổ sung vốn lưu động của Công ty.

2. Phương án bù đắp thiếu hụt vốn trong trường hợp cổ phiếu không phân phối hết: Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán, Công ty không chào bán hết số cổ phiếu như đăng ký, số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ như dự kiến, để thực hiện mục đích đã được ĐHĐCĐ thông qua, tùy vào tình hình thực tế, ĐHĐCĐ giao/ủy quyền cho HĐQT thực hiện các giải pháp như sau:
   (i) Xin gia hạn đợt chào bán để tiếp tục chào bán nốt số cổ phiếu còn lại đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật;
   (ii) Tiến hành bổ sung nguồn vốn còn thiếu thông qua các hình thức khác như vay ngân hàng, các giải pháp khác phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty để thực hiện các kế hoạch đã đặt ra.

C. THÔNG QUA VIỆC GIAO/ỦY QUYỀN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THỰC HIỆN CÁC CÔNG VIỆC CÓ LIÊN QUAN

ĐHĐCĐ nhất trí thông qua việc giao/ủy quyền cho HĐQT thực hiện, bao gồm nhưng không giới hạn các công việc sau đây:

1. Chủ động xây dựng, phê duyệt hồ sơ chào bán chi tiết và giải trình hồ sơ xin phép chào bán chứng khoán gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác. Đồng thời, chủ động điều chỉnh Phương án chào bán và các hồ sơ khác có liên quan theo yêu cầu của Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và sẽ báo cáo lại Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp gần nhất;
2. Lựa chọn thời điểm thích hợp để chốt ngày thực hiện quyền và thời điểm triển khai việc thực hiện phát hành.
3. Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
4. Thực hiện việc xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết (nếu có).
5. Chủ động xây dựng và điều chỉnh phương án sử dụng vốn chi tiết cho từng mục đích; xác định thứ tự ưu tiên giải ngân. Chủ động điều chỉnh việc phân bổ, sử dụng nguồn vốn huy động được cho phù hợp với tình hình thực tế, lợi ích của Công ty nhưng phải đảm bảo không được gây thiệt hại cho Công ty, tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành và báo cáo ĐHĐCĐ gần nhất về các nội dung điều chỉnh này (nếu có).
6. Thực hiện đăng ký bổ sung cổ phiếu phát hành thêm tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đối với toàn bộ số lượng cổ phần phổ thông được phát hành thêm theo kết quả chào bán.
7. Thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty liên quan đến việc thay đổi cổ phần, vốn điều lệ tương ứng với số cổ phần, số tiền thu được (tính theo mệnh giá) từ đợt

chào bán và đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định.

8. Thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty để hoàn tất việc chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2026.

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

HỒ SĨ THUẬN

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP.HCM, ngày 08 tháng 10 năm 2026

Số: 02/2026/TTr-ĐHĐCĐ

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Dự án đầu tư mua tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 19.000 - 26.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HC-08/26) thuộc kế hoạch năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ)
Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt.

- *Căn cứ Luật doanh nghiệp;*
- *Căn cứ Điều lệ Công ty;*
- *Căn cứ tình hình và nhu cầu hoạt động thực tế của Công ty.*

Căn cứ định hướng phát triển đội tàu và mục tiêu nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị phần vận tải trong nước và quốc tế, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua Dự án đầu tư mua tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 19.000–26.000 DWT năm 2026 (Mã số dự án: PDV-HC-08/26) với các nội dung sau:

1. Thông qua dự án với các chỉ tiêu như sau:

Dự án đầu tư mua tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 19.000–26.000 (Mã số dự án: PDV-HC-08/26) nội dung chi tiết tại *Phụ lục đính kèm*, với các chỉ tiêu chính như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Giá trị
1	Trọng tải tàu chở dầu/hoá chất khoảng	DWT	19.000 - 26.000
2	Tổng mức đầu tư không vượt quá	USD	45.000.000
3	Hiện giá dòng ngân lưu thuần (NPV) không thấp hơn	USD	0
4	Suất thu lợi nội tại (IRR) dự án không thấp hơn	%	8,1
5	Tuổi tàu Phù hợp với quy định tại Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020 và Nghị định số 247/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025.		

Trên cơ sở khả năng tài chính và diễn biến thị trường mua bán, khai thác tàu, Công ty Phương Đông Việt sẽ xem xét, lựa chọn tàu đầu tư phù hợp.

2. Giao/Uỷ quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty thực hiện các quyền thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ trong việc phê duyệt, cập nhật và cụ thể hóa các thông số Dự án đầu tư mua tàu theo các chỉ tiêu đã được thông qua; đồng thời chỉ đạo triển khai đầu tư, thu xếp nguồn vốn và quyết định các nội dung liên quan trong quá trình thực hiện.

Trân trọng kính trình Đại hội./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Hồ Sĩ Thuận

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 38 /NQ-PDV-HĐQT	*Tp.Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT

V/v Chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án đầu tư mua tàu chở dầu/hoá chất trọng tải khoảng 19.000 – 26.000 DWT hoặc tàu hàng rời trọng tải khoảng 55.000 –75.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HC/HR-07/25) của Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

- *Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt;*
- *Căn cứ Quy chế về nguyên tắc làm việc và mối quan hệ công tác của HĐQT với Ban Điều hành và các tổ chức trong Công ty;*
- *Căn cứ Nghị quyết số 01-2026/NQ-PDV-ĐHĐCĐ ngày 25/6/2026 của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) Công ty CP Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt thông qua nội dung kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2026;*
- *Xét Tờ trình số 40/TTr-GĐ ngày 02/10/2026 của Giám đốc Công ty về việc chấp thuận Báo cáo Dự án đầu tư mua tàu chở dầu/hoá chất trọng tải khoảng 19.000 – 26.000 DWT hoặc tàu hàng rời trọng tải khoảng 55.000 – 75.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HC/HR-07/25) và trình ĐHĐCĐ chấp thuận thông qua Dự án đầu tư mua tàu chở dầu/hoá chất trọng tải khoảng 19.000 – 26.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HC-08/26);*
- *Căn cứ Biên bản họp số 25/BB-PDV-HĐQT ngày 06/10/2026 của HĐQT Công ty.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án đầu tư mua tàu chở dầu/hoá chất trọng tải khoảng 19.000 – 26.000 DWT hoặc tàu hàng rời trọng tải khoảng 55.000 –75.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HC/HR-07/25) một số nội dung chính như sau:

1. Các yêu cầu kỹ thuật cơ bản:

- Loại tàu và trọng tải: (i) Tàu chở dầu/hóa chất hầm hàng thép không gỉ (Stainless steel) trọng tải khoảng 19.000–26.000 DWT ; hoặc (ii) Tàu chở hàng rời có cẩu trọng tải khoảng 55.000–75.000 DWT.
- Tuổi tàu: Phù hợp với quy định tại Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020 và Nghị định số 247/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025.
- Nơi đóng tàu dầu/ hóa chất: Nhật Bản/Hàn Quốc.
- Nơi đóng tàu hàng rời: Nhật Bản/Hàn Quốc/các nhà máy của Nhật Bản, Hàn Quốc đặt tại Trung Quốc hoặc Đông Nam Á.
- Đăng kiểm (Class): IACS.

2. Tổng mức đầu tư dự án (đã bao gồm giá mua tàu, các loại thuế, phí, chi phí khảo sát, giám định tàu và giao nhận tàu, kiểm toán quyết toán dự án, chi phí tài chính và chi phí dự phòng khác (nếu có)) không vượt quá: 29.000.000 USD;

3. Hiệu quả kinh tế của dự án:

- Đối với tàu chở dầu/hoá chất trọng tải 19.000-26.000 DWT, chỉ số hiệu quả của dự án: IRR không thấp hơn 8.04%; NPV >0;
- Đối với tàu chở hàng rời trọng tải 55.000-75.000 DWT, chỉ số hiệu quả của dự án: IRR không thấp hơn 8.02%; NPV >0;

4. Nguồn vốn: Vốn vay: Không quá 70% giá mua tàu; còn lại sử dụng vốn Chủ sở hữu và/hoặc các nguồn vốn khả dụng khác.

5. Thời gian triển khai: Dự kiến từ Quý 4 năm 2026 cho đến khi hoàn thành.

Điều 2: Giao cho Giám đốc Công ty theo dõi, đánh giá tình hình thị trường để xác định thời điểm đầu tư phù hợp; đồng thời, rà soát, cập nhật Dự án đầu tư trước khi thực hiện, đảm bảo hiệu quả kinh tế, tính khả thi, kiểm soát rủi ro và tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định của Công ty.

Điều 3. Nghị Quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và các Phòng chức năng/bộ phận có liên quan của Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

Hồ Sĩ Thuận

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: VT, TH (2b).

CTCP VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 41/NQ-PĐV-HĐQT	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 10 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT

Về việc: Phê duyệt triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2026; Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;*
- *Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025;*
- *Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 115/2025/TT-BTC ngày 15/12/2025;*
- *Điều lệ tổ chức và hoạt động CTCP Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt ;*
- *Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2026 (lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) số 02-2026/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ ngày 26/10/2026 của CTCP Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt;*
- *Xét tờ trình số 44/Tr-GĐ ngày 26/10/2026 của Giám đốc Công ty về việc Phê duyệt triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2026; Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.*
- *Biên bản Hội đồng quản trị số 26/BB-PĐV-HĐQT ngày 26/10/2026 của Hội đồng quản trị CTCP Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt.*

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Phê duyệt triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2026 của CTCP Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt. Chi tiết như sau:

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu CTCP Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt.
2. Mã chứng khoán: PDV.
3. Loại cổ phiếu chào bán: Cổ phiếu phổ thông.
4. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.
5. Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 79.314.926 cổ phiếu. Trong đó:
   - Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 79.314.926 cổ phiếu.

6. Hình thức chào bán: Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua.
7. Số lượng cổ phiếu chào bán: 56.948.116 cổ phiếu.
8. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán (theo mệnh giá): 569.481.160.000 đồng.
9. Tỷ lệ phát hành (số lượng cổ phiếu chào bán/số lượng cổ phiếu đang lưu hành): 71,8%.
10. Đối tượng chào bán: Cổ đông của PDV có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cấp theo quy định .
11. Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu.
12. Cơ sở xác định giá chào bán: Giá chào bán được tính dựa trên căn cứ:

(i) Giá trị sổ sách tại ngày 30/06/2026 là 12.922 đồng/cổ phiếu.

Đvt: VNĐ

Stt	Nội dung	Giá trị tại 30/06/2026
1	Vốn chủ sở hữu	1.024.939.793.857
2	Số Cổ phần đang lưu hành	79.314.926
3	Giá trị sổ sách 1 Cổ phần (đồng/Cổ phần)	12.922

(ii) Giá thị trường của cổ phiếu, được xác định theo giá đóng cửa bình quân trong vòng 30 phiên giao dịch gần nhất của cổ phiếu PDV tại sàn HSX tính đến ngày 02/10/2026 là 8.459 đồng/cổ phiếu

Căn cứ vào giá trị sổ sách và giá thị trường của cổ phiếu PDV nêu trên; căn cứ vào chiến lược phát triển và nhu cầu tăng vốn của PDV; khuyến khích cổ đông gắn bó và đóng góp cho sự phát triển của PDV và đảm bảo tính khả thi của đợt chào bán, giá chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu được Công ty xác định bằng 10.000 đồng/cổ phiếu. Giá chào bán này đã được ĐHĐCĐ năm 2026 thông qua tại ngày 26/10/2026

13. Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán: 569.481.160.000 đồng.
14. Phương thức phân phối: Theo phương thức thực hiện quyền.
15. Tỷ lệ thực hiện quyền: 1.000 : 718 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền mua, cứ 1.000 quyền mua sẽ được mua 718 cổ phiếu mới).
16. Nguyên tắc làm tròn: Số cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được tổng hợp lại và xử lý theo phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết nêu tại mục 17.

Ví dụ: Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông A sở hữu 100 cổ phiếu với tỷ lệ thực hiện quyền là 1.000 : 718, cổ đông A sẽ được quyền mua (100:1.000) x 718 = 71,8 cổ phiếu mới. Như vậy, theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị, cổ đông A được quyền mua 71 cổ phiếu; 0,8 cổ phiếu lẻ sẽ được tổng hợp lại và xử lý theo phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết nêu tại mục 17.

17. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết (nếu có):

17.1 Cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết bao gồm:

(i) Cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống đến hàng đơn vị;

(ii) Số lượng cổ phiếu do cổ đông từ chối mua và/hoặc không đăng ký mua hết và/hoặc đến hạn đóng tiền mua cổ phiếu mà không đóng tiền mua;

(iii) Số cổ phiếu chênh lệch phát sinh giữa số lượng cổ phiếu chào bán (56.948.116 cổ phiếu) và số lượng cổ phiếu thực tế chào bán theo tỷ lệ thực hiện quyền.

17.2 Xử lý đối với cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết (nếu có):

Hội đồng quản trị được ĐHĐCĐ ủy quyền quyết định phương án xử lý số cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết đảm bảo các quy định sau:

(i) Toàn bộ số cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết nói trên sẽ được HĐQT chào bán cho các nhà đầu tư khác với điều kiện không được ưu đãi hơn so với phương án chào bán cho cổ đông hiện hữu đã được ĐHĐCĐ thông qua.

(ii) Việc xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết cho cổ đông hiện hữu hoặc nhà đầu tư bên ngoài đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành;

(iii) Số cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết khi phân phối cho nhà đầu tư khác theo quyết định của HĐQT sẽ hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán;

(iv) Trường hợp sau thời gian HĐQT quyết định tiếp tục chào bán mà vẫn còn cổ phiếu chưa chào bán hết, số cổ phiếu chưa chào bán hết này được hủy bỏ và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt chào bán.

18. Mục đích chào bán: Bổ sung vốn mua tàu.

19. Thời gian dự kiến chào bán: Dự kiến trong Quý IV/2026 – Quý II/2027, sau khi Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.

20. Chuyển nhượng quyền mua: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông được phân bổ quyền mua có quyền chuyển nhượng quyền mua của mình cho người khác trong thời gian quy định. Quyền mua chỉ được phép chuyển nhượng một (01) lần. Người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng tiếp cho người thứ 3. Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng và thanh toán tiền chuyển nhượng.

21. Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu chào bán không bị hạn chế chuyển nhượng (trừ trường hợp quy định tại mục 17). Các cổ đông sở hữu cổ phiếu đang trong tình trạng hạn chế chuyển

nhượng vẫn được nhận quyền mua cổ phiếu và số lượng cổ phiếu mua thêm từ quyền mua này không bị hạn chế chuyển nhượng.

22. Đăng ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu: Cổ phiếu phát hành thêm của CTCP Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt sẽ được đăng ký bổ sung tại Tổng công ty lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) và được đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX) theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 2: Thông qua phương án sử dụng vốn chi tiết thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2026. Cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán là 569.481.160.000 đồng (chưa trừ đi các chi phí của đợt chào bán) Công ty sẽ sử dụng toàn bộ số tiền dự kiến huy động được từ đợt chào bán để sử dụng cho các mục đích như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền dự kiến (đồng)	Thời điểm giải ngân dự kiến
1	Bổ sung vốn để mua Tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 19.000 - 26.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HC-08/26)	361.460.000.000	Trong năm 2027
2	Bổ sung vốn để mua Tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 19.000 - 26.000 DWT hoặc tàu hàng rời trọng tải 55.000 - 75.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HC/HR-07/25)	208.021.160.000	
	Tổng cộng	**569.481.160.000**	

- Số tiền thực tế thu được từ đợt chào bán sẽ được ưu tiên giải ngân theo thứ tự thời gian đến hạn thanh toán của các khoản phải trả cho đối tác theo hợp đồng mua bán của từng tàu, không phân biệt tàu nào được ưu tiên trước, đảm bảo nghĩa vụ thanh toán và tối ưu hiệu quả sử dụng vốn phù hợp với nhu cầu/tiến độ thực tế mua tàu của Công ty.
- Đối với nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi do chưa giải ngân theo kế hoạch sử dụng vốn chi tiết do HĐQT thông qua, Công ty được mở (các) hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn để hưởng lãi đảm bảo phù hợp với tiến độ giải ngân thực tế của phương án sử dụng vốn..
- Trường hợp tiến độ huy động vốn từ đợt chào bán chậm hơn tiến độ thanh toán theo phương án sử dụng vốn đã được ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua, HĐQT được quyền phân bổ nguồn vốn khác của Công ty để thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo phương án sử dụng vốn, sau đó sẽ sử dụng nguồn vốn thu được từ đợt chào bán để thanh toán bù đắp cho các nghĩa vụ thanh toán đến hạn phát sinh từ việc sử dụng nguồn vốn tự có nêu trên, đảm bảo đúng phương án sử dụng vốn huy động từ đợt chào bán.
- Trường hợp sau khi sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán để thực hiện việc mua tàu theo phương án sử dụng vốn đã được thông qua mà vẫn còn số tiền chưa sử dụng hết, HĐQT được quyết định phân bổ, sử dụng số tiền còn lại để bổ sung vốn lưu động của Công ty.

2. Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán để thực hiện mục đích chào bán:

Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán, Công ty không chào bán hết số cổ phiếu như đăng ký, số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ như dự kiến, để thực hiện mục đích đã được ĐHĐCĐ thông qua, tùy vào tình hình thực tế, HĐQT sẽ thực hiện các giải pháp như sau:

(i) Xin gia hạn đợt chào bán để tiếp tục chào bán nốt số cổ phiếu còn lại đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật;

(ii) Tiến hành bổ sung nguồn vốn còn thiếu thông qua các hình thức khác như vay ngân hàng, các giải pháp khác phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty để thực hiện các kế hoạch đã đặt ra.

Điều 3: Thông qua phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Theo văn bản số 4661/UBCK-PTTT ngày 25/07/2024 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt là 49%.

Theo thông tin về số liệu sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài do VSDC công bố ngày 20/10/2026, số lượng cổ phiếu PDV do nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ là 31.818 cổ phiếu, chiếm 0,04% vốn Điều lệ Công ty.

Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt cam kết sử dụng các biện pháp theo quy định của pháp luật để giữ tỷ lệ sở hữu nước ngoài sau khi thực hiện chào bán chứng khoán ra công chúng đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Để đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại PDV là 49% theo quy định, Công ty CP Vận tải và Tiếp Vận Phương Đông Việt sẽ phối hợp cùng VSDC thực hiện phân phối cổ phiếu chào bán thêm cho các nhà đầu tư nước ngoài theo tỷ lệ nắm giữ của các nhà đầu tư nước ngoài tại thời điểm chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền. Trong trường hợp các nhà đầu tư nước ngoài nhận chuyển nhượng quyền mua dẫn đến vượt tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định, PDV sẽ phối hợp cùng VSDC thông báo cho các nhà đầu tư nêu trên để hủy bỏ hoặc giảm quy mô giao dịch chuyển nhượng.

Đối với cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết, HĐQT sẽ quyết định phân phối tiếp cho các nhà đầu tư trong nước và/hoặc nhà đầu tư nước ngoài để đảm bảo tỷ lệ sở hữu của những nhà đầu tư nước ngoài được phân phối tiếp này không vượt quá tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Trong trường hợp nhà đầu tư nước ngoài đăng ký tham gia đợt phân phối tiếp dẫn đến vượt tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định, HĐQT sẽ thông báo với các nhà đầu tư nước ngoài để giảm quy mô đăng ký, đồng thời thực hiện phân phối cho nhà đầu tư trong nước hoặc hủy bỏ không phân phối nhằm đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài sau khi thực hiện phân phối tiếp không vượt mức 49% theo quy định.

Điều 4: Giao/Ủy quyền cho Giám đốc Công ty kiêm Người đại diện theo Pháp luật tổ chức chỉ đạo, triển khai ký kết các văn bản liên quan đến việc: (i) Các văn bản gửi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để hoàn tất đợt chào bán; (ii) Triển khai các công việc và thủ tục pháp lý cần thiết để thay đổi/cập nhật Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty theo vốn điều lệ mới; (iii) Đăng ký bổ sung cổ phiếu tại VSDC và (iv) Đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu của Công ty tại HSX.

Điều 5: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các Phòng chức năng có liên quan của Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- BKS; P.TCKTKH
- Lưu: HĐQT, TH (2b).

HỒ SĨ THUẬN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT (PVT LOGISTICS)

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 26 tháng 10 năm 2026

GIÁM ĐỐC

Lê Trúc Lâm

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 10 năm 2026

PHẦN MỞ ĐẦU 1
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ 1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY 2
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty 2
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty 2
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 2
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty 2
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty 7
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN 7
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần 7
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu 8
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác 8
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần 8
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT 8
Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát 8
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 9
Điều 11. Quyền của cổ đông: 9
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông 10
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông 11
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 13
Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông 14
Điều 16. Thay đổi các quyền 15
Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông 16
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 17
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 18
Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua 20
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 21
Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 23
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 24
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 24
Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 24
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 25

Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 27
Điều 27. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 29
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị 30
Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị 31
Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị 33
Điều 31. Người phụ trách quản trị Công ty 33
VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 34
Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý 34
Điều 33. Người điều hành công ty 34
Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc 34
IX. BAN KIỂM SOÁT 35
Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) 35
Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát 36
Điều 37. Trưởng Ban kiểm soát 36
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát 37
Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát 38
Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát 38
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 38
Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 38
Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 39
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY 40
Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ 40
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN 40
Điều 44. Công nhân viên và công đoàn 40
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 41
Điều 45. Phân phối lợi nhuận 41
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN 41
Điều 46. Tài khoản ngân hàng 41
Điều 47. Năm tài chính 42
Điều 48. Chế độ kế toán 42
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN 42
Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý 42
Điều 50. Báo cáo thường niên 42
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY 42
Điều 51. Kiểm toán 42

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP **43**
Điều 52. Dấu của doanh nghiệp 43
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY **43**
Điều 53. Giải thể Công ty 43
Điều 54. Gia hạn hoạt động 43
Điều 55. Thanh lý 43
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ **44**
Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ 44
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ **45**
Điều 57. Điều lệ Công ty 45
XXI. NGÀY HIỆU LỰC **45**
Điều 58. Ngày hiệu lực 45

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01-2026/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 06 năm 2026 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 30/NQ-PĐV-HĐQT ngày 08 tháng 10/2026.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

e) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

f) *Ngày thành lập* là ngày 20/04/2007 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu của Công ty;

g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;

h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ và quy định nội bộ có liên quan của Công ty;

i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

j) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt;

k) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại Khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

l) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

m) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
- Tên tiếng Anh: PHUONG DONG VIET SHIPPING AND LOGISTICS CORPORATION
- Tên giao dịch: PHUONG DONG VIET SHIPPING AND LOGISTICS CORPORATION
- Tên viết tắt: PVT LOGISTICS

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của công ty:

- Địa chỉ: Lầu 8, cao ốc Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại: (84-28) 6291 1281; Fax: (84-28) 6291 1280
- Email: info@pvtlogistics.vn; Website: www.pvtlogistics.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại Khoản 2 Điều 53 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 54 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật là Giám đốc.

2. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

Stt	Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
01	4312	Chuẩn bị mặt bằng (trừ dịch vụ nổ mìn)
02	**5012 (Chính)**	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương *Chi tiết: Kinh doanh vận tải biển*
03	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ *Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, vận tải hàng hóa bằng xe bồn chở chất lỏng (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)*
04	5022	Vận tải hàng hóa đường thuỷ nội địa *Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hoá đường thủy nội địa*
05	5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải *Chi tiết: Dịch vụ cung ứng tàu biển. Đại lý hàng hải* *(Trừ Dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải; dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải; dịch vụ khảo sát, xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước, cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải; xây dựng và phát hành tài liệu, ấn phẩm an toàn hàng hải; Dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải trong khu nước, vùng nước và luồng hàng hải công cộng; dịch vụ thông tin điện tử hàng hải; Dịch vụ hoa tiêu hàng hải)*
06	3315	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) *Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa tàu biển (không hoạt động tại trụ sở)*
07	7710	Cho thuê xe có động cơ *Chi tiết: Cho thuê phương tiện vận tải; tàu biển, xe ô tô, xe cơ giới*
08	0810	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét - (không hoạt động tại trụ sở)
09	0910	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên
10	4632	Bán buôn thực phẩm *(không hoạt động tại trụ sở)* *(Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ*

Stt	Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
		chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)
11	4633	Bán buôn đồ uống *Chi tiết: bán buôn đồ uống không cồn*
12	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác *Chi tiết: Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng phục vụ sản xuất; công nghiệp, hàng hải, khai khoáng, xây dựng, chế biến* *(Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)*
13	3290	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu *Chi tiết: Chế biến xăng dầu (trừ hóa chất có tính độc mạnh); Sản xuất vật liệu bảo ôn cách nhiệt, chế tạo các thiết bị nhiệt* *- (không hoạt động tại trụ sở).*
14	5222	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy *Chi tiết: Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa* (Trừ Dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải; dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải; dịch vụ khảo sát, xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước, cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải; xây dựng và phát hành tài liệu, ấn phẩm an toàn hàng hải; Dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải trong khu nước, vùng nước và luồng hàng hải công cộng; dịch vụ thông tin điện tử hàng hải; Dịch vụ hoa tiêu hàng hải)
15	5224	Bốc xếp hàng hóa *Chi tiết: bốc xếp hàng hóa đường bộ, cảng sông, cảng biển*
16	3700	Thoát nước và xử lý nước thải *(không hoạt động tại trụ sở)*
17	3812	Thu gom rác thải độc hại *(không hoạt động tại trụ sở)* *(trừ dịch vụ thu gom rác thải trực tiếp từ các hộ gia đình)*
18	3822	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại

Stt	Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
		(không hoạt động tại trụ sở)
19	3900	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác *(không hoạt động tại trụ sở)*
20	3821	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại *(không hoạt động tại trụ sở)*
21	8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu *Chi tiết: Dịch vụ cung cấp nước ngọt cho tàu biển*
22	4671	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (ngoại trừ dầu thô và dầu đã qua chế biến)
23	4673	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng *Chi tiết: Bán buôn xi măng, clanhke*
24	4679	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu *Chi tiết: Bán buôn hạt nhựa, sản phẩm nhựa công nghiệp, bao bì bằng nhựa. Bán buôn phân bón, hóa chất sử dụng trong nông nghiệp, công nghiệp. Bán buôn vật liệu bảo ôn cách nhiệt.* (Loại trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)
25	8559	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu - (trừ dạy về tôn giáo; các trường của các tổ chức Đảng - Đoàn thể)
26	5829	Xuất bản phần mềm khác *(trừ xuất bản phẩm)*
27	6290	Hoạt động dịch vụ máy tính và công nghệ thông tin khác
28	7020	Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác *Chi tiết: Tư vấn quản lý, kỹ thuật*

Stt	Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
29	7810	Hoạt động của các trung tâm giới thiệu việc làm *Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (trừ dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng)* (Theo Điều 12 nghị định 325/2025/NĐ-CP)
30	5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
31	7821	Cung ứng lao động tạm thời (trừ dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng)
32	4651	Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (Loại trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)
33	4610	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa *Chi tiết: Dịch vụ môi giới hải quan*
34	7822	Cung ứng nguồn nhân lực khác *Chi tiết: tham gia cung ứng thuyền viên cho các tàu vận tải; cho thuê lại lao động (hoạt động sau khi có giấy phép của Bộ LĐTBXH).* *(trừ dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng)* *(Theo Khoản 5, Điều 3 Nghị định số 29/2017/NĐ-CP)*
35	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Phát triển kinh doanh theo hướng đa ngành nghề trong đó lấy hoạt động dịch vụ vận tải dầu khí, vận tải hàng rời và dịch vụ hàng hải là nghành nghề kinh doanh chính, đồng thời phát triển mạnh lĩnh vực vận tải đường thủy, đường bộ, dịch vụ kho cảng, logistics và các dịch vụ khác, kinh doanh thương mại nhằm đưa Công ty trở thành một hãng tàu vận tải hoạt động hiệu quả và mạnh trong nước và trong khu vực, đáp ứng được kỳ vọng của các cổ đông, nâng cao điều kiện làm việc, thu nhập cho người lao động, tích cực đóng góp an sinh xã hội.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề mà luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là **793.149.260.000 VND.**

(Bằng chữ: Bảy trăm chín mươi ba tỷ, một trăm bốn mươi chín triệu, hai trăm sáu mươi nghìn đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **79.314.926 (*Bảy mươi chín triệu, ba trăm mười bốn nghìn, chín trăm hai mươi sáu)* cổ phần** với mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi Vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm:

79.314.926 (*Bảy mươi chín triệu, ba trăm mười bốn ngàn, chín trăm hai mươi sáu*) cổ phần phổ thông, các quyền và nghĩa vụ kèm theo được quy định tại Điều 11, Điều 12 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng kí mua hết sẽ do Hội đồng Quản trị của Công ty quyết định theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 2 (hai) tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát.

4. Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông:

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120, Khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ **5%** tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ **10%** tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho Công ty và các cổ đông dự họp năm (05) ngày làm việc trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thực hiện theo Điều 24 và Điều 35 của Điều lệ này.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị Công ty làm đại diện cho mình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng hình thức khác theo quy định của pháp luật và quy định cụ thể của công ty khi tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị có quyền quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại

hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp và Điều 11 của Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d Khoản 3 Điều này. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ công ty, Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3).

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b Khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c Khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty;

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại Khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a) Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc cổ phần của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của Pháp luật.

Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

4. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được uỷ quyền cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông Công ty không xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu ủy quyền cho từng người đại diện thì số cổ phần và số phiếu bầu ủy quyền sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại

diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, 19 và 20 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 13 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi

kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 2 Điều 11 và Khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện trên 50,0% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện từ 33,0% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba

được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội cổ đông lần thứ nhất.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một (01) phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên đại diện theo ủy quyền, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu/đại diện của cổ đông đó, các vấn đề cần được biểu quyết. Phiếu biểu quyết phải bao gồm các nội dung cần được thông qua tại Đại hội theo chương trình nghị sự đã được thông qua. Khi được phát phiếu biểu quyết, cổ đông/đại diện được ủy quyền phải kiểm tra thông tin trên phiếu nhận được, nếu có sai sót phải thông báo ngay tại thời điểm nhận phiếu. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết các vấn đề trong nội dung chương trình. Phiếu biểu quyết được coi là hợp lệ khi có đầy đủ, chính xác các thông tin theo yêu cầu trên phiếu biểu quyết. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền sẽ thực hiện biểu quyết bằng cách đánh dấu vào mục tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến nghị quyết theo hướng dẫn của ban kiểm phiếu. Ban kiểm phiếu sau đó đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

11. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65,0% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6 và Khoản 7 Điều này:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty khác với cơ cấu tổ chức quy định tại Điều 10 Điều lệ này và các thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều 26 Điều lệ này và theo quy định tại các quy chế nội bộ của Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty;

đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

3. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50,0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 2, Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6 và Khoản 7 Điều này.

4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu hoặc theo phương thức bầu dồn phiếu. Trước

khi họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu thành viên Hội đồng quản trị và/hoặc Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị sẽ quyết định phương thức biểu quyết phù hợp với các quy định tại Điều lệ này. Trường hợp bầu theo phương thức bầu dồn phiếu, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử của Đại hội.

5. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50,0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

7. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty đối với tất cả các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu, và Người đại diện pháp luật công ty.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới

chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50,0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

6. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Toà án, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 23 Điều lệ này thì nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi có quyết định huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Toà án có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 Điều 20 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Toà án, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công

ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có);

g) Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 2 Điều này, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một Công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ. Trường hợp tất cả thành

viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của Công ty đảm bảo quy định sau: Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên; Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên; Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty đảm bảo quy định sau: có tối thiểu một (01) thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị năm (05) thành viên; có tối thiểu hai (02) thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ sáu (06) đến tám (08) thành viên; có tối thiểu ba (03) thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên.

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Khoản 5, 6 và 7 Điều này.

5. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Thành viên đó không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng Quản trị;

b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;

c) Thành viên Hội đồng Quản trị mất năng lực hành vi dân sự;

6. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Thành viên đó không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ, quy định của Công ty;

d) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

7. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại Khoản 5 và Khoản 6 Điều này.

8. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

9. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

10. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư hàng năm của Công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại. Kiến nghị việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư, dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 14 của Điều lệ này và điểm d Khoản 2 Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ và quy định nội bộ của các Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng

và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó theo quy chế nội bộ của Công ty;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

r) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với Người điều hành Công ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người điều hành đó;

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a) Thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;

b) Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch phát triển hàng năm của Công ty.

c) Thành lập công ty con của Công ty; mục tiêu chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn của công ty con của Công ty.

d) Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 138 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng Quản trị quyết định việc ký kết, thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng của Công ty;

e) Việc vay nợ, thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty theo phân cấp tại các quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

f) Các khoản đầu tư, thanh lý tài sản dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty và theo phân cấp tại các quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

g) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các doanh nghiệp khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h) Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết công nghệ và các loại tài sản phi tiền tệ khác;

i.) Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

j) Quyết định mức giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

k) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng Quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

5. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 27. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả tiền lương, thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng tiền lương, thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí và căn cứ quy định nội bộ của Công ty. Tổng mức tiền lương, thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị . Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 12 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Biểu quyết:

a) Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết.

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người có liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết

12. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

13. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị/người được uỷ quyền có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Biên bản phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp và người ghi biên bản cuộc họp hoặc biên bản có thể lập thành nhiều bản và mỗi biên bản phải có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp và người ghi biên bản. Chủ toạ và người ghi biên bản

phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật liên quan.

Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là (03 người) bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 31. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 33. Người điều hành công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty.

2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định căn cứ quy định nội bộ của Công ty.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty.

4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Tuyển dụng lao động;

f) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

g) Quyết định các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng Quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

h) Kiến nghị số lượng Người điều hành Công ty mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ của Công ty và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với Người điều hành Công ty để Hội đồng Quản trị quyết định;

i) Quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của các chức danh thuộc thẩm quyền của Giám đốc theo quy định tại các quy chế nội bộ của Công ty;

k) Trình Hội đồng Quản trị phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư cho năm tài chính tiếp theo;

l) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, quy chế nội bộ của Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

6. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 24 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế

hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Kiểm soát viên của Công ty có từ ba (03) đến năm (05) người. Số lượng cụ thể các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức bằng văn bản gửi tới Công ty và được chấp thuận;

c) Kiểm soát viên mất năng lực hành vi dân sự;

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán,

luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của Công ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50,0% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông

hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này

trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Công ty được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 44. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách

quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ bao gồm Quỹ Đầu tư phát triển và quỹ khác được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 48. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 50. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 52. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 53. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Công ty mà không có quyết định gia hạn;

b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 54. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 55. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý

chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban chấp hành công đoàn Công ty chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 58 điều được Công ty cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt nhất trí thông qua ngày 08 tháng 10 năm 2026 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 02 (hai) bản, có giá trị như nhau và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc tối thiểu ½ tổng số thành viên Hội đồng quản trị Công ty.

HỌ, TÊN, CHỮ KÝ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



01 **Hồ Sĩ Thuận** .....

02 **Lê Trúc Lâm** .....

03 **Đoàn Đình Hiếu** .....

04 **Nguyễn Hoài Phương** .....

05 **Phan Thị Thu Hà** .....

Deloitte.

MAKING AN IMPACT THAT MATTERS since 1845

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN SAO

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Trúc Lâm	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024)
Ông Nguyễn Trọng Quý	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024)
Ông Hồ Sĩ Thuận	Thành viên
Ông Đoàn Đình Hiếu	Thành viên
Ông Nguyễn Hoài Phương	Thành viên
Ông Hoàng Minh Tuân	Thành viên HĐQT độc lập (bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024)

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Hồ Sĩ Thuận	Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Lộc	Phó Giám đốc
Ông Vũ Trọng Độ	Phó Giám đốc
Ông Trần Hồng Kiên	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 10 tháng 9 năm 2024)
Ông Phạm Văn Nghĩa	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2025)
Ông Nguyễn Thái Đạo	Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Bà Bùi Lan Anh	Trưởng Ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024)
Bà Võ Thị Thanh Tùng	Trưởng Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024)
Ông Nguyễn Đức Quân	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Vũ Thị Phượng	Thành viên Ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Hồ Sĩ Thuận
Giám đốc
Ngày 06 tháng 3 năm 2025

Deloitte.

MAKING AN IMPACT THAT MATTERS since 1845

Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam
Tầng 18, Tòa nhà Times Square,
57-69F Đồng Khởi, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +84 28 7101 4555
Fax: +84 28 3910 0750
www.deloitte.com/vn

Số: 0280 /VN1A-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát**
Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 06 tháng 3 năm 2025, từ trang 04 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM – QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 05078 quyển số 01/2026-SCT/BS
Ngày: 16-10-2026
CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Quang Trung	**Nguyễn Thanh Vương**
Phó Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0733-2023-001-1	số 5443-2022-001-1
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN	
DELOITTE VIỆT NAM	
Ngày 06 tháng 3 năm 2025	
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam	

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG – TÂN ĐỊNH – T.P HỒ CHÍ MINH

Bùi Toàn Việt Hưng

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited ("DTTL" hay "Deloitte Toàn cầu"), và mạng lưới các hãng thành viên trên toàn cầu (gọi chung là Tổ chức Deloitte). DTTL và mỗi thành viên trực thuộc là một pháp nhân riêng biệt và độc lập về mặt pháp lý, không bị ràng buộc lẫn nhau đối với các bên thứ ba. DTTL và mỗi thành viên trực thuộc chỉ chịu trách nhiệm cho hành vi và thiếu sót của mình, không phải chịu trách nhiệm lẫn nhau. DTTL không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**636.901.664.548**	**351.658.877.497**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**4**	**220.877.351.697**	**99.440.958.302**
1. Tiền	111		40.877.351.697	9.440.958.302
2. Các khoản tương đương tiền	112		180.000.000.000	90.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**190.000.000.000**	**81.000.000.000**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	190.000.000.000	81.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**119.382.879.882**	**78.259.036.015**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	66.065.320.579	45.950.153.028
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	6.711.072.999	4.494.998.829
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	56.938.843.719	47.070.396.365
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(10.332.357.415)	(19.256.512.207)
IV. Hàng tồn kho	**140**	**10**	**34.200.705.229**	**22.644.603.004**
1. Hàng tồn kho	141		34.200.705.229	22.644.603.004
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**72.440.727.740**	**70.314.280.176**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	15.961.733.613	16.537.070.992
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		56.468.727.972	53.767.443.029
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	10.266.155	9.766.155
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**1.527.788.990.670**	**959.727.584.651**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**16.030.944.910**	**14.793.640.000**
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	16.030.944.910	14.793.640.000
II. Tài sản cố định	**220**		**1.388.203.606.944**	**803.216.537.735**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.387.976.630.841	803.102.722.921
- Nguyên giá	*222*		1.630.775.235.014	1.034.782.472.086
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		(242.798.604.173)	(231.679.749.165)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	226.976.103	113.814.814
- Nguyên giá	*228*		*518.000.000*	*358.000.000*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(291.023.897)*	*(244.185.186)*
III. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**-**	**12.000.000**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	12.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	**260**		**123.554.438.816**	**141.705.406.916**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	121.602.115.903	139.753.084.003
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.952.322.913	1.952.322.913
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**2.164.690.655.218**	**1.311.386.462.148**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**1.165.515.017.795**	**716.914.502.870**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**376.285.526.511**	**266.473.374.267**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	133.305.952.010	101.429.853.677
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	531.677.010	38.329.802
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	21.705.286.491	2.359.897.832
4. Phải trả người lao động	314		32.578.096.046	32.682.303.074
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	7.406.252.669	7.123.961.417
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	18	16.369.555.412	18.828.784.667
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	21.370.558.640	16.116.218.683
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	136.396.814.492	82.864.946.668
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.621.333.741	5.029.078.447
II. Nợ dài hạn	**330**		**789.229.491.284**	**450.441.128.603**
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	789.229.491.284	450.441.128.603
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**999.175.637.423**	**594.471.959.278**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**22**	**999.175.637.423**	**594.471.959.278**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		660.959.660.000	430.873.310.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*660.959.660.000*	*430.873.310.000*
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(406.154.545)	(162.054.545)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		113.866.482.254	97.849.574.017
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		224.755.649.714	65.911.129.806
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	*421a*		*400.127.275*	*1.843.496.858*
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	*421b*		*224.355.522.439*	*64.067.632.948*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**2.164.690.655.218**	**1.311.386.462.148**

Tăng Kim Thụy Vi	**Nguyễn Thái Đạo**	**Hồ Sĩ Thuận**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
		Ngày 06 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**		**1.362.277.289.608**	**1.076.582.474.185**
2.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)**	**10**	**26**	**1.362.277.289.608**	**1.076.582.474.185**
3.	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	1.145.480.096.892	936.403.079.970
4.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)**	**20**		**216.797.192.716**	**140.179.394.215**
5.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	28.736.674.351	22.733.549.306
6.	Chi phí tài chính	22	30	64.274.442.501	45.270.406.196
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		*44.954.200.631*	*35.250.849.378*
7.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	61.404.665.626	52.582.627.136
8.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)**	**30**		**119.854.758.940**	**65.059.910.189**
9.	Thu nhập khác	31	32	161.042.352.349	15.644.848.227
10.	Chi phí khác	32		499.010.252	551.379.656
11.	**Lợi nhuận khác (40=31-32)**	**40**		**160.543.342.097**	**15.093.468.571**
12.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)**	**50**		**280.398.101.037**	**80.153.378.760**
13.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	56.042.578.598	16.085.745.812
14.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)**	**60**		**224.355.522.439**	**64.067.632.948**
15.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	4.111	1.923

Tăng Kim Thụy Vi	**Nguyễn Thái Đạo**	**Hồ Sĩ Thuận**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
		Ngày 06 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***	***280.398.101.037***	***80.153.378.760***
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	112.624.001.189	76.487.647.954
Các khoản dự phòng	03	(8.924.154.792)	-
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(2.310.017.420)	4.580.604.379
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(167.061.623.708)	(12.142.923.309)
Chi phí lãi vay	06	44.954.200.631	35.250.849.378
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***	***259.680.506.937***	***184.329.557.162***
Thay đổi các khoản phải thu	09	(32.614.419.659)	(3.342.839.166)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(20.674.023.216)	(5.229.457.399)
Thay đổi các khoản phải trả	11	30.091.287.602	9.012.701.326
Thay đổi chi phí trả trước	12	8.318.791.998	(78.372.288.104)
Tiền lãi vay đã trả	14	(42.502.961.657)	(38.389.899.142)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(37.300.723.827)	(26.125.276.326)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.814.508.000)	(4.413.689.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***160.183.950.178***	***37.468.809.351***
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định	21	(813.312.543.337)	(448.550.816.762)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	295.681.181.673	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(190.000.000.000)	(70.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	81.000.000.000	185.000.000.000
5. Thu lãi tiền gửi	27	5.941.108.231	13.616.265.777
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***(620.690.253.433)***	***(319.934.550.985)***
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	230.086.350.000	119.773.450.000
2. Tiền chi cho chi phí phát hành cổ phiếu	32	(244.100.000)	(171.600.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33	561.340.850.000	380.318.948.091
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(168.018.193.372)	(142.692.075.849)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(41.280.974.280)	(25.492.919.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***581.883.932.348***	***331.735.803.142***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	**50**	**121.377.629.093**	**49.270.061.508**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**99.440.958.302**	**50.125.745.540**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	58.764.302	45.151.254
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	**70**	**220.877.351.697**	**99.440.958.302**

Tăng Kim Thụy Vi	**Nguyễn Thái Đạo**	**Hồ Sĩ Thuận**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
		Ngày 06 tháng 3 năm 2025

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt (gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006478 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 4 năm 2007, các Giấy chứng nhận điều chỉnh. Trụ sở chính của Công ty đặt tại Lầu 8, Cao ốc Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết chính thức tại sàn giao dịch UPCOM vào ngày 20 tháng 4 năm 2017 với mã chứng khoán là PDV.

Trong năm 2024, Công ty đã nộp hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và đã nhận được thông báo về việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký niêm yết vào ngày 20 tháng 11 năm 2024 theo Thông báo số 1937/TB-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày báo cáo này, Công ty vẫn đang bổ sung và hoàn thiện các hồ sơ chờ sự phê duyệt từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh liên quan đến hồ sơ đăng ký niêm yết này.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 429 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 390 người).

Hoạt động chính

- Ngành nghề kinh doanh chính: Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Chi tiết: Kinh doanh vận tải biển. Mã ngành: 5012
- Sản phẩm/dịch vụ chính: Kinh doanh vận tải biển và kinh doanh thương mại; Khai thác tàu; Đại lý tàu biển; Quản lý và cung ứng thuyền viên; Quản lý tàu

Trong năm 2024, Công ty đã bán tàu PVT Synergy trong quý 3 năm 2024. Đồng thời, Công ty đã mua thêm 02 tàu mới là PVT Topaz trong quý 3 năm 2024 và PVT Coral trong quý 4 2024, nâng tổng số tàu do Công ty sở hữu lên 5 tàu (PVT Venus, PVT Neptune, PVT Jupiter, PVT Topaz và PVT Coral). Bên cạnh đó, Công ty cũng đang thuê từ Cổ đông lớn là Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí ("PVTrans") 04 tàu để sử dụng cho dịch vụ vận chuyển (PVT Saturn, PVT Diamond, PVT Flora và PVT Pearl).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 1 chi nhánh phụ thuộc với tên là Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt - Trung tâm thuyền viên PV Trans (gọi tắt là "Chi nhánh"), tại địa chỉ số 232 đường Nguyễn Văn Hưởng, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền đang chuyển, các khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để ghi nhận hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Phương tiện vận tải	07 - 12
Thiết bị văn phòng	03 - 05

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính. Phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm các khoản phí bảo hiểm, vật tư đội tàu và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ hoạt động. Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí thuê tàu, chi phí sửa chữa tàu định kỳ và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:
(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:
(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước liên quan đến một hay nhiều kỳ kế toán cho dịch vụ cho thuê phương tiện vận tải chưa được cung cấp. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh trong năm tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	347.321.795	418.142.064
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	40.530.029.902	9.022.816.238
Các khoản tương đương tiền	180.000.000.000	90.000.000.000
	220.877.351.697	**99.440.958.302**

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn từ một đến ba tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất được hưởng từ 3,7%/năm đến 4,75%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn từ một đến ba tháng với lãi suất được hưởng từ 3,8%/năm đến 4,55%/năm).

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn sáu (6) tháng và chín (9) tháng với lãi suất được hưởng là từ 4,8%/năm đến 5,7%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn sáu (6) tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất được hưởng là từ 3,8%/năm đến 5,3%/năm).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Bên thứ ba		
Marida Tankers INC	15.380.482.074	20.950.715.144
Elder Triumphant Shipping Lines Pte Limited	14.524.499.435	-
Công ty Cổ phần Stavian Hóa Chất	11.176.339.488	-
Norvic Shipping Asia Pte Ltd	11.079.060.582	-
Lynux Shipping Limited	9.245.015.659	220.227.252
Jade Union Shipping Co., Ltd	-	9.315.236.268
Prudensol Inc.	-	5.861.080.914
Các đối tượng khác	2.422.982.936	8.092.141.048
b. Bên liên quan		
Công ty Cổ Phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	1.652.867.652	1.510.752.402
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	584.072.753	-
	66.065.320.579	**45.950.153.028**

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Oriental Inspection & Service Co., Ltd	3.991.647.350	-
SAACKE GmbH	305.123.373	552.727.851
Musasino Marine and Offshore Pte Ltd	459.969.960	533.452.132
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Vận tải Phương Mai	-	470.085.809
Fleet Ship Management Inc.	-	460.736.149
Các đối tượng khác	1.954.332.316	2.477.996.888
	6.711.072.999	**4.494.998.829**

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn		
a. Bên thứ ba		
Tạm ứng cho nhân viên	4.393.377.765	3.214.302.845
Ký cược, ký quỹ (i)	21.308.350.530	26.048.467.800
Bhatt & Saldanha (ii)	9.761.614.565	9.761.614.565
Bồi thường bảo hiểm	-	5.900.000.000
Khác	4.116.021.499	1.843.097.185
b. Bên liên quan		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (iii)	17.277.725.935	-
Công ty Cổ Phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	-	65.229.038
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	81.753.425	237.684.932
	56.938.843.719	**47.070.396.365**
Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ phải thu từ bên thứ ba	1.259.304.910	22.000.000
Ký cược, ký quỹ phải thu từ bên liên quan (iv)	14.771.640.000	14.771.640.000
	16.030.944.910	**14.793.640.000**

(i) Đây là khoản tiền mà Công ty ứng trước để đảm bảo thực hiện hợp đồng khi cho các tàu PVT Neptune, PVT Venus và PVT Flora tham gia Womar Pool theo các hợp đồng Pool Agreement lần lượt ngày 05 tháng 5 năm 2021, ngày 01 tháng 11 năm 2021 và ngày 22 tháng 02 năm 2022 với tổng giá trị là 803.000 Đô la Mỹ tương đương với 20.276.553.000 đồng trong 12 tháng; và các khoản tiền đặt cọc khác với giá trị 1.031.797.530 đồng.

(ii) Đây là khoản tiền đặt cọc để giải phóng tàu PV Oil Jupiter và tàu PV Oil Venus thông qua luật sư Bhatt & Saldanha. Tàu PV Oil Jupiter và tàu PV Oil Venus bị bắt giữ theo yêu cầu của Monjasa bởi tòa án tại Kolkata và theo yêu cầu của Bunkernet bởi toà án tại Haldia của Ấn Độ vào tháng 02 năm 2018 và tháng 10 năm 2018 do hai tàu này bị kiện liên quan đến công nợ cấp nhiên liệu chưa được thanh toán của người thuê tàu là Seahub Shipping & Logistics PV LTD và Stella Tankers (Sigapore) Pte Ltd. Liên quan đến các vụ bắt giữ tàu này, Công ty đã chỉ định luật sư Bhatt & Saldanha và Dzung & Associates thực hiện thủ tục bảo lãnh thả tàu. Công ty đã chuyển số tiền bảo lãnh là 275.096,52 Đô la Mỹ (cho tàu PV Oil Jupiter) và 136.265,24 Đô la Mỹ (cho tàu PV Oil Venus) để tòa giải phóng tàu thông qua luật sư Bhatt & Saldanha. Thủ tục bảo lãnh thả tàu được hoàn tất và tàu PV Oil Jupiter đã được thả vào ngày 23 tháng 02 năm 2018, tàu PV Oil Venus được thả vào ngày 31 tháng 10 năm 2018. Tại ngày báo cáo này, các vụ việc vẫn chưa được giải quyết xong bởi tòa án Ấn Độ, Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi vụ kiện. Dựa trên các thông tin mới nhất về tình hình vụ kiện, Ban Giám đốc Công ty đánh giá khoản đặt cọc này khó có khả năng thu hồi được và Công ty đã lập dự phòng 100% cho khoản tiền này.

(iii) Đây là tiền cước thuê tàu của tàu PVT Flora từ ngày 26 tháng 11 năm 2024 đến ngày 26 tháng 12 năm 2024 và tàu PVT Diamond từ ngày 02 tháng 01 năm 2025 đến ngày 17 tháng 01 năm 2025 mà Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí thu hộ Công ty từ khách hàng Stainless Tankers Inc. và Jade Alliance Shipping Pte Ltd.

(iv) Đây là khoản tiền mà Công ty đặt cọc để đảm bảo thuê tàu PVT Saturn và PVT Pearl từ Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí lần lượt theo phụ lục hợp đồng số 02 ngày 12 tháng 9 năm 2022 của hợp đồng thuê tàu số 100/HD2017/PVT-PDV và hợp đồng thuê tàu số 152/HD2023/PVT-PVTL ngày 27 tháng 9 năm 2023.

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

Đối tượng Nợ	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Số lập dự phòng	Giá gốc	Số lập dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu khách hàng	**66.065.320.579**	-	**45.950.153.028**	**7.883.238.986**
Marida Tankers INC	15.380.482.074	-	20.950.715.144	-
Elder Triumphant Shipping Lines Pte Limited	14.524.499.435	-	-	-
Công ty Cổ phần Stavian Hóa Chất	11.176.339.488	-	-	-
Norvic Shipping Asia Pte Ltd	11.079.060.582	-	-	-
Lynux Shipping Limited	9.245.015.659	-	220.227.252	-
Jade Union Shipping Co., Ltd	-	-	9.315.236.268	-
Prudensol Inc.	-	-	5.861.080.914	5.861.080.914
Phải thu khách hàng khác	2.422.982.936	-	8.092.141.048	2.022.158.072
Bên liên quan	2.236.940.405	-	1.510.752.402	-
Khác	**56.938.843.719**	**10.332.357.415**	**47.070.396.365**	**11.373.273.221**
Văn phòng luật sư BHATT & SALDANHA	9.761.614.565	9.761.614.565	9.761.614.565	9.761.614.565
Các khoản phải thu khác	47.177.229.154	570.742.850	37.308.781.800	1.611.658.656
	123.004.164.298	**10.332.357.415**	**93.020.549.393**	**19.256.512.207**

Trong năm, Công ty đã xóa số các khoản dự phòng phải thu khó đòi với số tiền là 8.924.154.792 đồng theo Tờ trình số 41.1/PDV-GD ngày 30 tháng 9 năm 2024. Chi tiết tại Thuyết minh số 23.

10. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho thể hiện giá trị nhiên liệu, vật tư và phụ tùng tồn trên các tàu tại ngày kết thúc niên độ, được sử dụng trong quá trình vận hành tàu. Ban Giám đốc Công ty đánh giá hàng tồn kho không có khả năng giảm giá trị hay hư hỏng nên không cần thiết phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	6.822.305.990	5.459.019.906
Vật tư đội tàu	2.430.727.258	1.790.868.954
Các khoản khác	6.708.700.365	9.287.182.132
	15.961.733.613	**16.537.070.992**
b. Dài hạn		
Chi phí thuê tàu		
Cước thuê tàu trả trước 6 năm tàu PVT Flora	18.493.781.378	24.254.397.535
Cước thuê tàu trả trước 7 năm tàu PVT Diamond	10.924.557.889	14.229.010.945
Chi phí sửa chữa lớn		
Chi phí sửa chữa lớn tàu PVT Pearl	26.242.084.468	-
Chi phí sửa chữa lớn tàu PVT Jupiter	7.946.662.573	14.361.009.044
Chi phí sửa chữa tàu lớn PVT Flora	10.603.176.885	18.673.046.642
Chi phí sửa chữa lớn tàu PVT Synergy	-	14.415.536.226
Chi phí sửa chữa lớn tàu PVT Venus	5.730.072.662	11.223.853.667
Chi phí sửa chữa tàu lớn PVT Saturn	9.015.744.572	21.184.128.099
Chi phí sửa chữa lớn tàu PVT Diamond	17.062.367.319	4.355.832.556
Chi phí sửa chữa lớn tàu PVT Neptune	9.912.410.170	16.896.153.700
Các khoản khác	5.671.257.987	160.115.589
	121.602.115.903	**139.753.084.003**

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	1.033.472.694.369	1.309.777.717	1.034.782.472.086
Tăng trong năm	814.169.412.322	412.785.000	814.582.197.322
Thanh lý, nhượng bán	(218.589.434.394)	-	(218.589.434.394)
Số cuối năm	1.629.052.672.297	1.722.562.717	1.630.775.235.014
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	230.800.280.787	879.468.378	231.679.749.165
Khấu hao trong năm	112.395.952.967	181.209.511	112.577.162.478
Thanh lý, nhượng bán	(101.458.307.470)	-	(101.458.307.470)
Số dư cuối năm	241.737.926.284	1.060.677.889	242.798.604.173
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu năm	**802.672.413.582**	**430.309.339**	**803.102.722.921**
Số dư cuối năm	**1.387.314.746.013**	**661.884.828**	**1.387.976.630.841**

Như trình bày tại Thuyết minh số 21, Công ty đã thế chấp phương tiện vận tải của Công ty là các tàu biển với tổng nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 lần lượt là 1.629.052.672.297 đồng và 1.387.314.746.013 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: lần lượt là 1.029.145.118.144 đồng và 799.442.492.553 đồng) dùng để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm phương tiện vận tải và thiết bị văn phòng đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 753.392.579 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 381.192.579 đồng).

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	358.000.000
Tăng trong năm	160.000.000
Số dư cuối năm	518.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	244.185.186
Khấu hao trong năm	46.838.711
Số dư cuối năm	291.023.897
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Số dư đầu năm	**113.814.814**
Số dư cuối năm	**226.976.103**

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 218.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 218.000.000 đồng).

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Bên thứ ba		
Chengxi Shipyard Co.Ltd	13.986.952.118	
Công ty TNHH Stanex	11.168.671.250	
International Marine & Energy DMCC	9.454.272.428	
Công ty Cổ phần Đầu tư GLC	1.626.343.931	4.167.034.796
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hoàng Sa	-	4.288.518.543
The Swedish Club	383.265.000	3.627.610.292
Cty TNHH MTV Đóng Tàu và Công Nghiệp Hàng Hải Sài Gòn	-	4.495.432.014
Công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Đại Dương Xanh	-	4.676.474.130
Công ty TNHH Kỹ thuật Hàng hải Bách Lâm	253.955.345	3.606.269.247
Phải trả cho các đối tượng khác	90.115.811.759	70.077.973.804
b. Bên liên quan		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	6.230.994.329	6.447.632.451
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương tại TP. Hồ Chí Minh	32.940.000	31.320.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	52.745.850	11.588.400
	133.305.952.010	**101.429.853.677**

Công ty có khả năng thanh toán toàn bộ số dư các khoản phải trả người bán ngắn hạn tại ngày kết thúc niên độ.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải thu/nộp trong năm	Số đã thu/nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	9.766.155	-	-	9.766.155
Thuế khác		500.000	-	500.000
	9.766.155	**500.000**	**-**	**10.266.155**
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	293.881.174	293.881.174	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	178.512.806	178.512.806	-
Thuế thu nhập cá nhân	376.462.550	2.803.744.603	2.200.210.715	979.996.438
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.983.435.282	56.042.578.598	37.300.723.827	20.725.290.053
Thuế nhà thầu	-	1.683.962.952	1.683.962.952	-
Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
Thuế khác	-	365.492.152	365.492.152	-
	2.359.897.832	**61.373.172.285**	**42.027.783.626**	**21.705.286.491**

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Bên thứ ba		
China Resource Chartering Pte Ltd	333.494.915	-
Lighthouse Navigation Singapore Pte Ltd	114.392.849	-
Các đối tượng khác	33.789.246	38.329.802
b. Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Hàng hải Thăng Long	50.000.000	-
	531.677.010	**38.329.802**

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Lãi vay phải trả	5.232.938.857	2.827.536.350
Chi phí phải trả khác	2.173.313.812	4.296.425.067
	7.406.252.669	**7.123.961.417**

18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 thể hiện giá trị cước thuê tàu mà Công ty đã nhận trước từ các khách hàng thuê tàu. Chi tiết như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Cước thuê tàu PVT Jupiter	8.383.829.950	7.995.034.858
Cước thuê tàu PVT Synergy	-	6.581.003.800
Cước thuê tàu PVT Diamond	5.475.370.783	4.252.746.009
Cước thuê tàu PVT Topaz	2.103.261.087	-
Cước thuê tàu PVT Pearl	407.093.592	-
	16.369.555.412	**18.828.784.667**

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Bên thứ ba		
Nhận ký quỹ của thuyền viên	9.006.458.418	7.290.182.418
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp	26.405.036	155.712.539
Kinh phí công đoàn	493.571.803	505.296.917
Phải trả khác	6.602.127.085	4.562.302.299
b. Bên liên quan		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	296.972.932	296.972.932
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	836.442.466	527.046.798
Các cổ đông Công ty	4.108.580.900	2.778.704.780
	21.370.558.640	**16.116.218.683**

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm	Biến động trong năm			Số cuối năm
		Chuyển từ vay dài hạn	Trả vay	Chênh lệch tỷ giá	
	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	35.700.793.359	-	35.700.793.359	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 21)	47.164.153.309	167.431.908.966	78.070.868.217	(128.379.566)	136.396.814.492
	82.864.946.668	**167.431.908.966**	**113.771.661.576**	**(128.379.566)**	**136.396.814.492**

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu năm	Biến động trong năm				Số cuối năm
		Nhận vay	Chuyển sang vay ngắn hạn	Trả vay	Chênh lệch tỷ giá	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	450.441.128.603	561.340.850.000	167.431.908.966	58.275.441.317	3.154.862.964	789.229.491.284

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn (i)		
- Vay dài hạn	215.573.940.000	263.479.260.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	23.952.660.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh		
- Vay dài hạn	-	65.594.329.155
- Nợ dài hạn đến hạn trả	-	15.433.959.169
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành (ii)		
- Vay dài hạn	33.543.977.450	50.315.966.174
- Nợ dài hạn đến hạn trả	16.771.988.724	16.771.988.724
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông (iii)		
- Vay dài hạn	58.770.723.834	71.051.573.274
- Nợ dài hạn đến hạn trả	15.672.165.768	14.958.205.416
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển - Chi nhánh Tràng Tiền (iv)		
- Vay dài hạn	481.340.850.000	-
- Nợ dài hạn đến hạn trả	80.000.000.000	-
	925.626.305.776	**497.605.281.912**
Trong đó:		
- Vay dài hạn	789.229.491.284	450.441.128.603
- Nợ dài hạn đến hạn trả	136.396.814.492	47.164.153.309

(i) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn được giải ngân theo Hợp đồng cho vay số 017/23/02/0085 ký ngày 17 tháng 5 năm 2023 với hạn mức tín dụng tối đa là tương đương 12.740.000 Đô la Mỹ nhưng tối đa không quá 309.523.200.000 Việt Nam đồng để đầu tư mua tàu PVT Jupiter. Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên là ngày 17 tháng 5 năm 2023. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu PVT Jupiter. Lãi suất vay được áp dụng riêng cho từng thời điểm theo thỏa thuận giữa ngân hàng và Công ty tại thời điểm nhận nợ.

(ii) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Bến Thành được giải ngân theo Hợp đồng cho vay số 570/2020/HDTD/BTA/01 ký ngày 30 tháng 11 năm 2020 với hạn mức tín dụng là 5.250.000 Đô la Mỹ để đầu tư mua tàu PVT Venus. Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là ngày 03 tháng 12 năm 2020. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu PVT Venus. Lãi suất vay được áp dụng riêng cho từng thời điểm và được xác định trên cơ sở lãi suất cơ sở dài hạn đồng USD 3 tháng cộng 2,2%/năm.

(iii) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông được giải ngân theo Hợp đồng tín dụng số 0675/2019/HĐTD-OCB-DN ký ngày 20 tháng 8 năm 2019 với số tiền vay là 5.827.000 Đô la Mỹ để đầu tư mua tàu PVT Neptune. Thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là ngày 26 tháng 8 năm 2019. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu PVT Neptune. Lãi suất vay được áp dụng riêng cho từng thời điểm và được xác định trên cơ sở SOFR 6 tháng cộng α (0,17028%/năm) cộng biên độ tối thiểu 3,2%/năm. Theo Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0675.02/SĐBS-HĐTD ký ngày 10 tháng 10 năm 2024, biên độ tối thiểu được điều chỉnh thành 1,6%/năm.

(iv) Khoản vay dài hạn từ Thương mại Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển - Chi nhánh Tràng Tiền được giải ngân theo Hợp đồng tín dụng số 01/2024/5472615/HĐTD ký ngày 15 tháng 8 năm 2024 và Hợp đồng tín dụng số 03/2024/5472615/HĐTD ký ngày 22 tháng 10 năm 2024 với hạn mức tín dụng tối đa lần lượt là 275.000.000.000 đồng và 300.000.000.000 đồng để đầu tư mua tàu PVT Topaz và PVT Coral. Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên lần lượt là ngày 29 tháng 8 năm 2024 và ngày 01 tháng 11 năm 2024. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu PVT Topaz và PVT Coral. Lãi suất vay được áp dụng cố định cho 02 năm kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên là 6,5%/năm. Đối với khoản vay mua tàu PVT Topaz, các năm tiếp theo lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ tối thiểu 2,2%/năm, trong đó lãi suất cơ sở được tính bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân bằng Việt Nam đồng kỳ hạn 12 tháng trả sau do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam công bố tại thời điểm điều chỉnh. Đối với khoản vay mua tàu PVT Coral, các năm tiếp theo lãi suất cho vay được xác định trên lãi suất cơ sở cộng biên độ 2,0%/năm, trong đó lãi suất cơ sở được tính bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân bằng Việt Nam đồng kỳ hạn 12 tháng trả sau bình quân của 04 ngân hàng TMCP Nhà nước là BIDV, Vietcombank, Vietinbank, Agribank công bố tại thời điểm điều chỉnh.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	136.396.814.492	47.164.153.309
Trong năm thứ hai	160.349.474.492	95.069.473.309
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	443.586.506.792	268.436.431.205
Sau năm năm	185.293.510.000	86.935.224.089
	925.626.305.776	**497.605.281.912**
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (trình bày tại khoản mục vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn)	(136.396.814.492)	(47.164.153.309)
	789.229.491.284	**450.441.128.603**

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phần	VND	Số cổ phần	VND
Được phép phát hành	66.095.966	660.959.660.000	43.087.331	430.873.310.000
Đã phát hành và góp vốn đủ	66.095.966	660.959.660.000	43.087.331	430.873.310.000

Cổ phần	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phần đã chào bán ra công chúng	**66.095.966**	**43.087.331**
+ Cổ phần phổ thông	66.095.966	43.087.331
- Số lượng cổ phần đang lưu hành	**66.095.966**	**43.087.331**
+ Cổ phần phổ thông	66.095.966	43.087.331

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	**311.099.860.000**	**9.545.455**	**10.150.494.993**	**125.360.472.584**	**446.620.373.032**
Tăng vốn trong năm	119.773.450.000	-	-	-	119.773.450.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	64.067.632.948	64.067.632.948
Điều chỉnh thặng dư vốn cổ phần	-	(171.600.000)	-	-	(171.600.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	87.699.079.024	(87.699.079.024)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(6.264.219.930)	(6.264.219.930)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	(2.505.687.972)	(2.505.687.972)
Chia cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	(27.047.988.800)	(27.047.988.800)
Số dư cuối năm nay	**430.873.310.000**	**(162.054.545)**	**97.849.574.017**	**65.911.129.806**	**594.471.959.278**
Tăng vốn trong năm	230.086.350.000	-	-	-	230.086.350.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	224.355.522.439	224.355.522.439
Điều chỉnh thặng dư vốn cổ phần	-	(244.100.000)	-	-	(244.100.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	16.016.908.237	(16.016.908.237)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(4.484.734.306)	(4.484.734.306)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	(1.922.028.988)	(1.922.028.988)
Chia cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	(43.087.331.000)	(43.087.331.000)
Số dư cuối năm	**660.959.660.000**	**(406.154.545)**	**113.866.482.254**	**224.755.649.714**	**999.175.637.423**

Công ty thực hiện trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ nêu trên, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ Công ty từ 431 tỷ đồng lên 661 tỷ đồng. Trong tháng 9 năm 2024, Công ty đã hoàn thành đợt tăng vốn với 23.008.635 cổ phiếu phổ thông được chào bán. Theo phương án sử dụng vốn và phương án phát hành cổ phiếu được phê duyệt, Công ty đã sử dụng tiền từ nguồn vốn khác (vốn lưu động, dòng tiền nhàn rỗi, dòng tiền khác...) để đầu tư trước cho dự án mua tàu hàng rời có trọng tải khoảng 25.000 – 75.000 DWT (mã số dự án: PDV-HR-04/24), hiện tại là tàu PVT Topaz, và sau đó đã sử dụng số tiền vốn huy động từ đợt chào bán thêm cổ phiếu để bù đắp cho nguồn vốn đã sử dụng để mua tàu. Công ty đang triển khai sử dụng nguồn vốn còn lại để đầu tư cho dự án mua tàu hàng rời Handysize/Ultramax có trọng tải khoảng 25.000 – 75.000 DWT (mã số dự án: PDV-HR-02/22) theo như kế hoạch đầu tư đã được phê duyệt.

Trong năm 2024, Công ty đã công bố chia cổ tức năm 2023 bằng tiền mặt cho cổ đông theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 37/NQ-HĐQT ngày 05 tháng 8 năm 2024 và đã thực hiện chi trả trong Quý 3 và 4 năm 2024. Tỷ lệ thực hiện chia cổ tức là 10% vốn điều lệ.

Chi tiết các cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	342.852.740.000	51,87	223.502.440.000	51,87
Công ty TNHH Tân Long	150.817.030.000	22,82	111.354.000.000	25,84
Các cổ đông khác	167.289.890.000	25,31	96.016.870.000	22,29
	660.959.660.000	**100**	**430.873.310.000**	**100**

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ ("USD")	1.038.796	300.832
Euro ("EUR")	1.937	1.936

Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Prudensol Inc.	5.861.080.914	-
Victory Tankers Ltd	1.201.399.233	-
Khác	1.861.674.645	-
	8.924.154.792	-

24. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	173.182.742.703	126.814.634.780

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	171.439.808.500	171.145.775.800
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	500.283.857.100	596.558.709.600
Trên năm năm	37.939.216.000	101.264.699.000
	709.662.881.600	**868.969.184.400**

Chi phí thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê phải trả cho các hợp đồng thuê như sau:

- Thuê văn phòng tại Lầu 8, Cao ốc Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn thuê là 03 năm đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2027;
- Thuê xe phải trả cho thời gian sử dụng trong năm;
- Thuê tàu từ Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí ("PVTrans"):
  - Thuê tàu PVT Saturn theo hợp đồng số 100/HD2017/PVT-PĐV ký ngày 22 tháng 6 năm 2017 và phụ lục hợp đồng ký ngày 18 tháng 10 năm 2022 với thời hạn thuê là 7 (bảy) năm + 4 (bốn) năm (theo quyền lựa chọn của bên cho thuê) tính từ ngày 22 tháng 6 năm 2022. Theo phụ lục hợp đồng thuê, sau thời hạn cho thuê 07 (bảy) năm đầu, PVTrans được quyền quyết định việc bán tàu hoặc cho thuê tiếp và Công ty phải có nghĩa vụ thực hiện theo phương án do PVTrans lựa chọn. Trong trường hợp PVTrans quyết định bán tàu, PVTrans sẽ thực hiện bán theo quy định hiện hành của pháp luật và Công ty có thể tham gia mua theo giá thị trường. Việc mua bán (nếu có) sẽ tuân thủ theo quy định của Pháp luật tại thời điểm thực hiện giao dịch.

- Thuê tàu PVT Diamond theo hợp đồng số 50/HD2021/PVT-PVOS ký ngày 19 tháng 4 năm 2021 và thuê tàu PVT Flora theo hợp đồng số 143/HD2021/PVT-PVOS ký ngày 29 tháng 10 năm 2021 với thời hạn thuê lần lượt là 7 năm và 6 năm tính từ ngày ký kết hợp đồng. Theo hợp đồng thuê PVTrans có quyền quyết định việc bán tàu hoặc cho thuê tiếp và Công ty phải thực hiện theo phương án do PVTrans lựa chọn. Trong trường hợp PVTrans quyết định bán tàu, Công ty sẽ tham gia mua tàu PVT Diamond với giá mua tại thời điểm năm thứ 7 sau thời điểm bàn giao tàu là 4.500.000 Đô la mỹ và mua tàu PVT Flora với giá mua tại thời điểm năm thứ 5 hoặc năm thứ 6 sau thời điểm bàn giao tàu với giá lần lượt là 6.750.000 Đô la Mỹ và 5.000.000 Đô la Mỹ. Đồng thời, trong năm 2021 Công ty cũng đã ký kết 02 Biên bản thỏa thuận bán tàu PVT Diamond và tàu PVT Flora với cổ đông lớn là Công ty TNHH Tân Long ("Tân Long"), trong đó quy định khi Công ty có nhu cầu bán, Tân Long cam kết mua lại. Việc mua bán (nếu có) sẽ tuân thủ theo quy định của Pháp luật tại thời điểm thực hiện giao dịch.

- Thuê tàu PVT Pearl theo hợp đồng số 152/HD2023/PVT-PVTL ký ngày 27 tháng 9 năm 2023 với thời hạn thuê là 7 (bảy) năm + 4 (bốn) năm (theo quyền lựa chọn của PVTrans) tính từ ngày ký kết hợp đồng. Theo phụ lục hợp đồng thuê, sau thời hạn cho thuê 07 (bảy) năm đầu, PVTrans được quyền quyết định việc bán tàu hoặc cho thuê tiếp và Công ty phải có nghĩa vụ thực hiện theo phương án do PVTrans lựa chọn. Trong trường hợp PVTrans quyết định bán tàu, PVTrans sẽ thực hiện bán theo quy định hiện hành của pháp luật và Công ty có thể tham gia mua theo giá thị trường. Việc mua bán (nếu có) sẽ tuân thủ theo quy định của Pháp luật tại thời điểm thực hiện giao dịch.

Cam kết vốn

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt kế hoạch tăng vốn từ phát hành thêm cổ phiếu từ 431 tỷ đồng lên 661 tỷ đồng để bổ sung nguồn vốn đầu tư thêm tàu nhằm mở rộng và trẻ hóa đội tàu, tăng năng lực vận tải và sức cạnh tranh trên thị trường. Trong năm 2024, Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn và sử dụng một phần nguồn vốn để đầu tư mua tàu PVT Topaz. Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty đang trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư mua thêm 01 tàu hàng rời Handysize/Ultramax có trọng tải khoảng 25.000 – 75.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HR-02/22).

25. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành bốn bộ phận hoạt động - Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận chuyển; Bộ phận kinh doanh thương mại; Bộ phận kinh doanh dịch vụ đại lý và Bộ phận kinh doanh các hoạt động khác. Công ty lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận theo bốn bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của bốn bộ phận kinh doanh như sau:

- Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận chuyển - kinh doanh vận tải bằng tàu. Toàn bộ doanh thu dịch vụ vận chuyển – kinh doanh vận tải bằng tàu đều là doanh thu phát sinh từ hoạt động vận tải quốc tế.
- Bộ phận kinh doanh thương mại - kinh doanh mua bán mặt hàng xăng dầu và hàng hóa khác được thực hiện toàn bộ ở thị trường Việt Nam.
- Bộ phận kinh doanh dịch vụ đại lý - kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển được thực hiện toàn bộ ở thị trường Việt Nam.
- Bộ phận kinh doanh các hoạt động khác - kinh doanh từ cấp dầu, chuyển tải, cảng phí ,v.v. được thực hiện ở cả thị trường quốc tế và thị trường Việt Nam.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán

SỐ CUỐI NĂM	Dịch vụ vận chuyển VND	Thương mại VND	Hoạt động khác VND	Tổng VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	1.681.170.678.759	11.176.339.488	2.146.107.303	1.694.493.125.550
Tài sản không phân bổ				470.197.529.668
Tổng tài sản				**2.164.690.655.218**
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	1.106.866.333.718	11.367.191.950	18.433.542.079	1.136.667.067.747
Nợ phải trả không phân bổ				28.847.950.048
Tổng nợ phải trả				**1.165.515.017.795**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

NĂM NAY	Dịch vụ vận chuyển VND	Thương mại VND	Hoạt động khác VND	Tổng VND
Doanh thu				
Doanh thu thuần ra bên ngoài	1.103.372.469.226	239.305.479.073	19.599.341.309	1.362.277.289.608
Doanh thu thuần cho các bộ phận khác	-	-	-	-
Tổng doanh thu	1.103.372.469.226	239.305.479.073	19.599.341.309	1.362.277.289.608
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận gộp	212.925.196.768	232.223.387	3.639.772.561	216.797.192.716
Chi phí không phân bổ				(61.404.665.626)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				155.392.527.090
Doanh thu hoạt động tài chính				28.736.674.351
Lợi nhuận khác				160.543.342.097
Chi phí tài chính				(64.274.442.501)
Lợi nhuận trước thuế				280.398.101.037
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				(56.042.578.598)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận trong năm				224.355.522.439

Bảng cân đối kế toán

SỐ ĐẦU NĂM	Dịch vụ vận chuyển VND	Thương mại VND	Hoạt động khác VND	Tổng VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	1.067.854.298.869	-	6.599.997.692	1.074.454.296.561
Tài sản không phân bổ				236.932.165.587
Tổng tài sản				**1.311.386.462.148**
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	695.748.639.693	198.520.700	12.620.383.810	708.567.544.203
Nợ phải trả không phân bổ				8.346.958.667
Tổng nợ phải trả				**716.914.502.870**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

NĂM TRƯỚC	Dịch vụ vận chuyển VND	Thương mại VND	Hoạt động khác VND	Tổng VND
Doanh thu				
Doanh thu thuần ra bên ngoài	775.088.759.208	271.957.642.038	29.536.072.939	1.076.582.474.185
Doanh thu thuần cho các bộ phận khác	-	-	-	-
Tổng doanh thu	775.088.759.208	271.957.642.038	29.536.072.939	1.076.582.474.185
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận gộp	134.204.521.002	465.242.671	5.509.630.542	140.179.394.215
Chi phí không phân bổ				(52.582.627.136)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				87.596.767.079
Doanh thu hoạt động tài chính				22.733.549.306
Lợi nhuận khác				15.093.468.571
Chi phí tài chính				(45.270.406.196)
Lợi nhuận trước thuế				80.153.378.760
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				(16.085.745.812)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận trong năm				64.067.632.948

26. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thương mại	239.305.479.073	271.957.642.038
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	1.103.372.469.226	775.088.759.208
Doanh thu hoạt động khác	19.599.341.309	29.536.072.939
	1.362.277.289.608	**1.076.582.474.185**

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn thương mại	239.073.255.686	271.492.399.367
Giá vốn dịch vụ vận chuyển	890.447.272.458	640.884.238.206
Giá vốn hoạt động khác	15.959.568.748	24.026.442.397
	1.145.480.096.892	**936.403.079.970**

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	174.979.026.493	95.848.310.467
Chi phí nhân công	169.377.364.784	138.622.527.437
Chi phí khấu hao tài sản cố định	112.624.001.189	76.487.647.954
Chi phí dịch vụ mua ngoài	339.126.136.187	290.363.092.862
Chi phí khác bằng tiền	171.704.978.179	116.171.729.019
	967.811.506.832	**717.493.307.739**

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	8.265.316.454	12.142.923.309
Lãi chênh lệch tỷ giá	20.471.357.897	10.590.625.997
	28.736.674.351	**22.733.549.306**

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	44.954.200.631	35.250.849.378
Lỗ chênh lệch tỷ giá	19.320.241.870	10.019.556.818
	64.274.442.501	**45.270.406.196**

31. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lương nhân viên	33.832.575.150	28.685.228.466
Chi phí mua ngoài	8.134.967.726	21.061.630.444
Các khoản khác	19.437.122.750	2.835.768.226
	61.404.665.626	**52.582.627.136**

32. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu từ bồi thường tổn thất tàu	968.948.414	12.639.305.676
Thu từ thanh lý tài sản cố định (*)	158.796.307.254	-
Thu nhập khác	1.277.096.681	3.005.542.551
	161.042.352.349	**15.644.848.227**

(*) Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định trong năm liên quan đến bán tàu PVT Synergy và các nhiên liệu, vật tư còn tồn trên tàu tại ngày chuyển giao.

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	56.042.578.598	15.377.663.026
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	708.082.786
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**56.042.578.598**	**16.085.745.812**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	**280.398.101.037**	**80.153.378.760**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.073.707.301	936.092.089
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(1.258.915.347)	(4.201.155.720)
Thu nhập chịu thuế	**280.212.892.991**	**76.888.315.129**
Thuế suất	*20%*	*20%*
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	**56.042.578.598**	**15.377.663.026**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế.

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	224.355.522.439	64.067.632.948
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	15.704.886.571	4.484.734.306
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành (*)	6.730.665.673	1.922.028.988
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	201.919.970.195	57.660.869.654
Số bình quân gia quyền của cổ phần đang lưu hành trong năm (cổ phiếu)	49.122.383	29.991.774
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**4.111**	**1.923**

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được trích theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 được phê duyệt theo Nghị quyết số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024. Theo đó, quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích theo tỷ lệ là 7% trên lợi nhuận sau thuế và quỹ khen thưởng Ban điều hành được trích theo tỷ lệ là 3% trên lợi nhuận sau thuế.

Quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ khen thưởng Ban điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được ước tính dựa trên tỷ lệ trích thực tế của năm 2023 lần lượt là 7% và 3% trên lợi nhuận sau thuế.

Cho mục đích trình bày số liệu so sánh với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đã thực hiện trình bày lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 căn cứ vào số quỹ khen thưởng, phúc lợi thực tế và cổ tức cổ phiếu ưu đãi được phân phối từ lợi nhuận năm 2023. Chi tiết như sau:

	Số đã báo cáo VND	Thay đổi VND	Số sau trình bày lại VND
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.203.381.647	1.281.352.659	4.484.734.306
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	1.281.352.659	640.676.329	1.922.028.988
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	59.582.898.642	(1.922.028.988)	57.660.869.654
Số bình quân gia quyền của cổ phần đang lưu hành trong năm (cổ phiếu)	29.991.774	-	29.991.774
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.987	(64)	1.923

Trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này, không có giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Cổ đông lớn của Công ty mẹ
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí - Công ty Dịch vụ Hàng hải Dầu khí	Cùng Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Hàng hải Thăng Long	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	Cùng Công ty mẹ

Bên liên quan	Mối quan hệ
Chi nhánh công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương tại Thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	Cùng Công ty mẹ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Người điều hành Lô 01/97 & 02/97	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Thành viên tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH Tân Long	Cổ đông lớn

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu quản lý tàu		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	14.358.307.219	16.622.207.070
Công ty Cổ phần Hàng hải Thăng Long	-	4.281.744.759
Doanh thu khác		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	540.808.105	3.224.043.303
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	66.729.217	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	31.500.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	14.000.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Khí Đông Dương	3.500.000	3.000.000
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí - Công ty Dịch vụ Hàng hải Dầu khí	3.500.000	-
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	3.500.000	-
Thu nhập tài chính (lãi tiền gửi ngân hàng)		
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	1.672.808.029	336.450.023
Mua hàng hóa/dịch vụ trong năm		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	176.903.899.239	142.476.472.275
Chi nhánh Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương tại Thành phố Hồ Chí Minh	362.204.000	383.820.000
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	264.338.253	175.669.427
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Khí Đông Dương	82.188.750	45.181.200
Thu hộ chi hộ		
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	1.035.438.832	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Người điều hành Lô 01/97 & 02/97	1.761.130.000	-
Nhận tiền mua cổ phiếu từ các cổ đông lớn:		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	119.350.300.000	62.128.830.000
Công ty TNHH Tân Long	39.463.030.000	30.954.000.000
Lợi nhuận chia cho		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	22.350.244.000	14.109.888.800
Công ty TNHH Tân Long	11.135.400.000	7.392.000.000

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	6.926.467.541	6.125.890.252

Chi tiết thu nhập (theo quỹ lương của Công ty) của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng trong năm theo từng đối tượng như sau:

Tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
Ông Lê Trúc Lâm	Chủ tịch HĐQT	703.704.000	80.000.000
Ông Nguyễn Trọng Quý	Thành viên HĐQT	240.000.000	1.005.898.651
Ông Hồ Sĩ Thuận	Thành viên HĐQT/ Giám đốc	1.711.418.182	1.418.490.908
Ông Đoàn Đình Hiếu	Thành viên HĐQT	210.000.000	260.000.000
Ông Nguyễn Hoài Phương	Thành viên HĐQT	240.000.000	290.000.000
Ông Nguyễn Thế Anh	Thành viên HĐQT	40.000.000	20.000.000
Ông Hoàng Minh Tuấn	Thành viên HĐQT độc lập	40.000.000	-
Ông Vũ Trọng Độ	Phó Giám đốc	1.090.764.182	929.055.054
Ông Nguyễn Xuân Lộc	Phó Giám đốc	1.101.439.600	919.208.254
Ông Trần Hồng Kiên	Phó Giám đốc	537.960.520	365.830.605
Ông Nguyễn Thái Đạo	Kế toán trưởng	823.181.057	643.406.780
Bà Bùi Lan Anh	Trưởng Ban Kiểm soát	62.000.000	58.000.000
Bà Võ Thị Thanh Tùng	Trưởng Ban Kiểm soát	56.000.000	85.000.000
Ông Nguyễn Đức Quân	Thành viên Ban Kiểm soát	50.000.000	51.000.000
Bà Vũ Thị Phượng	Thành viên Ban Kiểm soát	20.000.000	-

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính được trình bày trong các Thuyết minh số 6, 8, 9, 14, 16 và 19.

36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm số tiền 5.232.938.857 đồng (năm 2023: 2.827.536.350 đồng), là số tiền lãi vay phải trả phát sinh trong năm nay nhưng chưa thanh toán, và đã bao gồm số tiền 2.827.536.350 đồng (năm 2023: 2.463.008.611 đồng) là số tiền lãi vay phải trả chưa thanh toán vào cuối năm trước. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền thu lãi tiền gửi trong năm không bao gồm số tiền 3.286.863.016 đồng (năm 2023: 962.654.793 đồng) là số tiền thu nhập lãi tiền gửi phát sinh trong năm chưa nhận được, và đã bao gồm số tiền 962.654.793 đồng (năm 2023: 2.435.997.261 đồng) là số tiền thu nhập lãi tiền gửi phát sinh trong năm trước đã nhận được trong năm nay.

Tiền chi mua tài sản trong năm không bao gồm số tiền 1.429.653.985 đồng (2023: 0 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền chi trả cổ tức đã trả cho chủ sở hữu trong năm không bao gồm số tiền 4.108.580.900 đồng (2023: 2.778.704.780 đồng) là số tiền dùng để chi trả cổ tức cho cổ đông phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định không bao gồm số tiền 228.313.023 đồng (2023: 0 đồng) là số tiền dùng để chi cho việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định trong năm nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tăng Kim Thụy Vi	**Nguyễn Thái Đạo**	**Hồ Sĩ Thuận**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
		Ngày 06 tháng 3 năm 2025

Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN SAO

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hồ Sĩ Thuận	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2025)
Ông Lê Trúc Lâm	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2025) Thành viên từ ngày 01 tháng 7 năm 2025
Ông Nguyễn Hoài Phương	Thành viên
Ông Đoàn Đình Hiếu	Thành viên
Bà Phan Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT độc lập (bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2025)
Ông Hoàng Minh Tuân	Thành viên HĐQT độc lập (miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2025)

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Lê Trúc Lâm	Giám đốc kiêm Người đại diện pháp luật (bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2025)
Ông Hồ Sĩ Thuận	Giám đốc kiêm Người đại diện pháp luật (miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2025)
Ông Nguyễn Xuân Lộc	Phó Giám đốc
Ông Vũ Trọng Độ	Phó Giám đốc
Ông Phạm Văn Nghĩa	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 08 tháng 1 năm 2025)
Ông Nguyễn Thái Đạo	Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Bà Bùi Lan Anh	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Đức Quân	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Vũ Thị Phượng	Thành viên Ban Kiểm soát

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Lê Trúc Lâm
Giám đốc
Ngày 23 tháng 3 năm 2026

Deloitte.

Chi nhánh Công ty TNHH
Kiểm toán Deloitte Việt Nam
Tầng 18, Tòa nhà Times Square
57-69F Đồng Khởi, Phường Sài Gòn
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam
Điện thoại: +84 28 710 14555
www.deloitte.com/vn

Số: 0366 /VN1A-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát**
Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23 tháng 3 năm 2026, từ trang 4 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 5 0 0 7 9 quyển số 01/2026-SCT/BS
Ngày: 16 -10- 2026
CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Thị Thu Sông
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1144-2023-001-1
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 23 tháng 3 năm 2026
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Phan Thị Hồng Nhung
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 4310-2023-001-1

Bùi Toán Việt Hưng

Deloitte là tên gọi dùng để chỉ Deloitte Touche Tohmatsu Limited ("DTTL"), hoặc mạng lưới các hãng thành viên trên toàn cầu, và các đơn vị liên quan của các hãng thành viên (gọi chung là "Tổ chức Deloitte"). DTTL (hay còn gọi là "Deloitte Toàn cầu") và mỗi hãng thành viên cũng như các đơn vị liên quan là các pháp nhân riêng biệt và độc lập về mặt pháp lý, không chịu trách nhiệm hoặc bị ràng buộc lẫn nhau đối với các bên thứ ba. DTTL và mỗi hãng thành viên cũng như các đơn vị liên quan chỉ chịu trách nhiệm cho các hành vi và thiếu sót của riêng mình, không chịu trách nhiệm cho hành vi hoặc thiếu sót của các bên còn lại. DTTL không cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Vui lòng truy cập www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**583.475.230.175**	**636.901.664.548**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**248.068.287.470**	**220.877.351.697**
1. Tiền	111		38.068.287.470	40.877.351.697
2. Các khoản tương đương tiền	112		210.000.000.000	180.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**20.000.000.000**	**190.000.000.000**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	20.000.000.000	190.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**168.060.011.879**	**119.382.879.882**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	96.705.554.865	66.065.320.579
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	2.153.167.172	6.711.072.999
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	79.533.647.257	56.938.843.719
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(10.332.357.415)	(10.332.357.415)
IV. Hàng tồn kho	**140**		**49.725.236.965**	**34.200.705.229**
1. Hàng tồn kho	141	11	49.725.236.965	34.200.705.229
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**97.621.693.861**	**72.440.727.740**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	16.155.657.506	15.961.733.613
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		81.456.270.200	56.468.727.972
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	9.766.155	10.266.155
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**1.650.557.527.014**	**1.527.788.990.670**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**16.082.198.448**	**16.030.944.910**
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	16.082.198.448	16.030.944.910
II. Tài sản cố định	**220**		**1.512.817.154.046**	**1.388.203.606.944**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.512.668.844.615	1.387.976.630.841
- Nguyên giá	*222*		*1.941.927.077.976*	*1.630.775.235.014*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(429.258.233.361)*	*(242.798.604.173)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	148.309.431	226.976.103
- Nguyên giá	*228*		*518.000.000*	*518.000.000*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(369.690.569)*	*(291.023.897)*
III. Tài sản dài hạn khác	**260**		**121.658.174.520**	**123.554.438.816**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	119.032.216.196	121.602.115.903
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.625.958.324	1.952.322.913
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**2.234.032.757.189**	**2.164.690.655.218**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**1.192.920.299.619**	**1.165.515.017.795**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**389.147.014.109**	**376.285.526.511**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	97.417.759.759	133.305.952.010
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	83.789.246	531.677.010
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	9.578.739.363	21.705.286.491
4. Phải trả người lao động	314		20.790.365.490	32.578.096.046
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	27.616.218.578	7.406.252.669
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19	5.901.784.712	16.369.555.412
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	20.188.149.800	21.370.558.640
8. Vay ngắn hạn	320	21	190.856.116.461	136.396.814.492
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		16.714.090.700	6.621.333.741
II. Nợ dài hạn	**330**		**803.773.285.510**	**789.229.491.284**
1. Vay dài hạn	338	21	803.773.285.510	789.229.491.284
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**1.041.112.457.570**	**999.175.637.423**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**22**	**1.041.112.457.570**	**999.175.637.423**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		793.149.260.000	660.959.660.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*793.149.260.000*	*660.959.660.000*
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(406.154.545)	(406.154.545)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		113.866.482.254	113.866.482.254
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		134.502.869.861	224.755.649.714
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	*421a*		*44.934.957.755*	*400.127.275*
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	*421b*		*89.567.912.106*	*224.355.522.439*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**2.234.032.757.189**	**2.164.690.655.218**

Lê Thị Thu Hồng	Nguyễn Thái Đạo	Lê Trúc Lâm
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
		Ngày 23 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**		**1.937.573.661.632**	**1.362.277.289.608**
2.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)**	**10**	**26**	**1.937.573.661.632**	**1.362.277.289.608**
3.	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	1.769.673.441.986	1.145.480.096.892
4.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)**	**20**		**167.900.219.646**	**216.797.192.716**
5.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	25.213.016.797	28.736.674.351
6.	Chi phí tài chính	22	30	68.431.579.000	64.274.442.501
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		*62.639.901.298*	*44.954.200.631*
7.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	54.122.844.310	61.404.665.626
8.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)**	**30**		**70.558.813.133**	**119.854.758.940**
9.	Thu nhập khác	31	32	43.988.370.314	161.042.352.349
10.	Chi phí khác	32		3.549.351.554	499.010.252
11.	**Lợi nhuận khác (40=31-32)**	**40**		**40.439.018.760**	**160.543.342.097**
12.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)**	**50**		**110.997.831.893**	**280.398.101.037**
13.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	22.103.555.198	56.042.578.598
14.	Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(673.635.411)	-
15.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)**	**60**		**89.567.912.106**	**224.355.522.439**
16.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	1.255	3.145

Lê Thị Thu Hồng	**Nguyễn Thái Đạo**	**Lê Trúc Lâm**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
		Ngày 23 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***	***110.997.831.893***	***280.398.101.037***
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	186.538.295.860	112.624.001.189
Các khoản dự phòng	03	-	(8.924.154.792)
Lỗ/(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	873.738.227	(2.310.017.420)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(13.802.924.236)	(167.061.623.708)
Chi phí lãi vay	06	62.639.901.298	44.954.200.631
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***	***347.246.843.042***	***259.680.506.937***
Thay đổi các khoản phải thu	09	(74.812.152.483)	(32.614.419.659)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(15.524.531.736)	(20.674.023.216)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(40.751.313.159)	30.091.287.602
Thay đổi chi phí trả trước	12	2.375.975.814	8.318.791.998
Tiền lãi vay đã trả	14	(61.370.902.105)	(42.502.961.657)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(33.383.777.906)	(37.300.723.827)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.490.352.000)	(4.814.508.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***119.289.789.467***	***160.183.950.178***
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định	21	(312.361.881.118)	(813.312.543.337)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-	295.681.181.673
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(40.000.000.000)	(190.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	210.000.000.000	81.000.000.000
5. Thu lãi tiền gửi	27	16.137.581.772	5.941.108.231
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***(126.224.299.346)***	***(620.690.253.433)***
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	230.086.350.000
2. Tiền chi cho chi phí phát hành cổ phiếu	32	-	(244.100.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33	211.000.000.000	561.340.850.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(144.196.828.112)	(168.018.193.372)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(32.445.989.470)	(41.280.974.280)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***34.357.182.418***	***581.883.932.348***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	**50**	**27.422.672.539**	**121.377.629.093**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**220.877.351.697**	**99.440.958.302**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(231.736.766)	58.764.302
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	**70**	**248.068.287.470**	**220.877.351.697**

Lê Thị Thu Hồng	**Nguyễn Thái Đạo**	**Lê Trúc Lâm**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
		Ngày 23 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt (gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006478 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 4 năm 2007, các Giấy chứng nhận điều chỉnh. Trụ sở chính của Công ty đặt tại Lầu 8, Cao ốc Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết chính thức lần đầu tiên tại sàn giao dịch UpCom vào ngày 20 tháng 4 năm 2017 với mã chứng khoán là PDV. Theo Quyết định số 969/QĐ-SGDHCM ngày 24 tháng 10 năm 2025, Công ty đã hoàn tất chuyển sàn giao dịch Cổ phiếu công ty sang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là PDV và chính thức giao dịch trên sàn từ ngày 19 tháng 11 năm 2025.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 449 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 429 người).

Hoạt động chính

- Ngành nghề kinh doanh chính: Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Chi tiết: Kinh doanh vận tải biển. Mã ngành: 5012
- Sản phẩm/dịch vụ chính: Kinh doanh vận tải biển và kinh doanh thương mại; Khai thác tàu; Đại lý tàu biển; Quản lý và cung ứng thuyền viên; Quản lý tàu

Trong năm 2025, Công ty đã mua thêm 01 tàu mới là PVT Emerald trong quý 3 năm 2025, nâng tổng số tàu do Công ty sở hữu lên 06 tàu (PVT Venus, PVT Neptune, PVT Jupiter, PVT Topaz, PVT Coral và PVT Emerald). Bên cạnh đó, Công ty cũng đang thuê từ Cổ đông lớn là Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí ("PVTrans") 04 tàu để sử dụng cho dịch vụ vận chuyển (PVT Saturn, PVT Diamond, PVT Flora và PVT Pearl).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 1 chi nhánh phụ thuộc với tên là Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt - Trung tâm thuyền viên PV Trans (gọi tắt là "Chi nhánh"), tại địa chỉ số 232 đường Nguyễn Văn Hưởng, Phường Thảo Điền, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ ĐƯỢC BAN HÀNH

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các văn bản như sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (trừ các nội dung liên quan đến kế toán cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước),
- Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư 200,
- Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 200, và
- Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư.

Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các báo cáo tài chính của Công ty cho các kỳ kế toán trong tương lai, bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền đang chuyển, các khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 03 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để ghi nhận hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Phương tiện vận tải	07 - 12
Thiết bị văn phòng	03 - 05

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính. Phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 đến 05 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm các khoản phí bảo hiểm, vật tư đội tàu và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ hoạt động. Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí thuê tàu, chi phí sửa chữa tàu định kỳ và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:
(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (04) điều kiện sau:
(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước liên quan đến một hay nhiều kỳ kế toán cho dịch vụ cho thuê phương tiện vận tải chưa được cung cấp. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh trong năm tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty để dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động. Việc trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi tuân thủ theo các quy định về kế toán và tài chính hiện hành.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Việc trích và sử dụng quỹ đầu tư phát triển tuân thủ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được phân phối bao gồm chia cổ tức cho các cổ đông và trích lập các quỹ theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông đã được phê duyệt. Số cổ tức được công bố và chi trả từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của cổ đông trong Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	261.312.432	347.321.795
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	37.806.975.038	40.530.029.902
Các khoản tương đương tiền	210.000.000.000	180.000.000.000
	248.068.287.470	**220.877.351.697**

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn từ một (01) tuần đến ba (03) tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất được hưởng từ 0,5%/năm đến 4,75%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn từ một (01) đến ba (03) tháng với lãi suất được hưởng từ 3,7%/năm đến 4,75%/năm).

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn sáu (06) tháng với lãi suất được hưởng là 5,2%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn sáu (06) tháng và chín (09) tháng với lãi suất được hưởng là từ 4,8%/năm đến 5,7%/năm).

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Bên thứ ba		
Argo Navigation S.A.	17.602.015.941	-
Xianglong Shipping Pte. Ltd.	17.309.981.705	-
Stainless Tankers Inc.	12.616.909.490	2.160.879.071
Jeyst Shipping Pte. Ltd.	11.992.280.068	-
Asiana Marine Inc.	10.698.036.835	-
Marida Tankers Inc.	9.683.149.723	15.380.482.074
Jade Alliance Shipping Pte. Ltd.	9.613.385.664	220.205.133
Elder Triumphant Shipping Lines Pte Limited	-	14.524.499.435
Công ty Cổ phần Stavian Hóa Chất	-	11.176.339.488
Norvic Shipping Asia Pte Ltd	-	11.079.060.582
Lynux Shipping Limited	-	9.245.015.659
Các đối tượng khác	6.026.880.306	41.898.732
b. Bên liên quan		
Công ty Cổ Phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	1.153.915.133	1.652.867.652
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	9.000.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	-	584.072.753
	96.705.554.865	**66.065.320.579**

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
SAACKE GmbH	357.194.867	305.123.373
Shanghai Tide Ship Technology Co., Ltd.	220.735.200	-
Oceania Marine Engineering Works	214.392.282	-
Oriental Inspection & Service Co., Ltd	-	3.991.647.350
Musasino Marine and Offshore Pte., Ltd	-	459.969.960
Các đối tượng khác	1.360.844.823	1.954.332.316
	2.153.167.172	**6.711.072.999**

9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn		
a. Bên thứ ba		
Tạm ứng cho nhân viên	2.823.633.092	4.393.377.765
Ký cược, ký quỹ (i)	26.099.442.250	21.308.350.530
Bhatt & Saldanha (ii)	9.761.614.565	9.761.614.565
West of England (Hellas) SARL (iii)	22.641.824.636	-
Bồi thường bảo hiểm	4.302.244.217	-
Khác	2.361.727.846	4.116.021.499
b. Bên liên quan		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (iv)	11.343.400.377	17.277.725.935
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	199.760.274	81.753.425
	79.533.647.257	**56.938.843.719**
Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ phải thu từ bên thứ ba	1.310.558.448	1.259.304.910
Ký cược, ký quỹ phải thu từ bên liên quan (v)	14.771.640.000	14.771.640.000
	16.082.198.448	**16.030.944.910**

(i) Đây là khoản tiền mà Công ty ứng trước để đảm bảo thực hiện hợp đồng khi cho các tàu PVT Neptune, PVT Venus, PVT Flora và PVT Jupiter tham gia Womar Pool theo các hợp đồng Pool Agreement lần lượt ngày 05 tháng 5 năm 2021, ngày 01 tháng 11 năm 2021, ngày 22 tháng 02 năm 2022 và ngày 16 tháng 01 năm 2025 với tổng giá trị là 950.000 Đô la Mỹ tương đương với 24.773.150.000 đồng trong 12 tháng; và các khoản tiền đặt cọc khác với giá trị 1.326.292.250 đồng.

(ii) Đây là khoản tiền đặt cọc để giải phóng tàu PV Oil Jupiter và tàu PV Oil Venus thông qua luật sư Bhatt & Saldanha. Tàu PV Oil Jupiter và tàu PV Oil Venus bị bắt giữ theo yêu cầu của First Fuel và Monjasa bởi tòa án tại Calcutta và theo yêu cầu của Bunkernet bởi toà án tại Hyderabad của Ấn Độ vào tháng 02 năm 2018 và tháng 10 năm 2018 do hai tàu này bị kiện liên quan đến công nợ cấp nhiên liệu chưa được thanh toán của người thuê tàu là Seahub Shipping & Logistics PV LTD và Stella Tankers (Sigapore) Pte Ltd. Liên quan đến các vụ bắt giữ tàu này, Công ty đã chỉ định luật sư Bhatt & Saldanha và Dzung & Associates thực hiện thủ tục bảo lãnh thả tàu. Công ty đã chuyển số tiền bảo lãnh là 275.096,52 Đô la Mỹ (cho tàu PV Oil Jupiter) và 136.265,24 Đô la Mỹ (cho tàu PV Oil Venus) để tòa giải phóng tàu thông qua luật sư Bhatt & Saldanha. Thủ tục bảo lãnh thả tàu được hoàn tất và tàu PV Oil Jupiter đã được thả vào ngày 23 tháng 02 năm 2018, tàu PV Oil Venus được thả vào ngày 31 tháng 10 năm 2018. Tại ngày báo cáo này, các vụ việc vẫn chưa được giải quyết xong bởi tòa án Ấn Độ, Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi vụ kiện. Dựa trên các thông tin mới nhất về tình hình vụ kiện, Ban Giám đốc Công ty đánh giá khoản đặt cọc này khó có khả năng thu hồi được và Công ty đã lập dự phòng 100% cho khoản tiền này.

(iii) Đây là khoản bồi thường phải thu từ các bên có liên quan đến sự cố va chạm tàu PVT Saturn tại khu neo đậu CJK, Thượng Hải, Trung Quốc vào ngày 23 tháng 11 năm 2022.

(iv) Đây là tiền cước thuê tàu của tàu PVT Flora từ ngày 26 tháng 11 năm 2025 đến ngày 26 tháng 12 năm 2025 mà Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí thu hộ Công ty từ khách hàng Stainless Tankers Inc.

(v) Đây là khoản tiền mà Công ty đặt cọc để đảm bảo thuê tàu PVT Saturn và PVT Pearl từ Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí lần lượt theo phụ lục hợp đồng số 02 ngày 12 tháng 9 năm 2022 của hợp đồng thuê tàu số 100/HD2017/PVT-PDV và hợp đồng thuê tàu số 152/HD2023/PVT-PVTL ngày 27 tháng 9 năm 2023.

10. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm		Số đầu năm	
Đối tượng Nợ	Giá gốc	Số lập dự phòng	Giá gốc	Số lập dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khác				
Văn phòng luật sư Bhatt & Saldanha	9.761.614.565	9.761.614.565	9.761.614.565	9.761.614.565
Khác	570.742.850	570.742.850	570.742.850	570.742.850
	10.332.357.415	**10.332.357.415**	**10.332.357.415**	**10.332.357.415**

11. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho thể hiện giá trị nhiên liệu, vật tư và phụ tùng tồn trên các tàu tại ngày kết thúc niên độ, được sử dụng trong quá trình vận hành tàu. Ban Giám đốc Công ty đánh giá hàng tồn kho không có khả năng giảm giá trị hay hư hỏng nên không cần thiết phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	7.719.384.222	6.822.305.990
Vật tư đội tàu	2.384.610.497	2.430.727.258
Các khoản khác	6.051.662.787	6.708.700.365
	16.155.657.506	**15.961.733.613**
b. Dài hạn		
Chi phí thuê tàu		
Cước thuê tàu trả trước tàu PVT Flora	12.748.904.610	18.493.781.378
Cước thuê tàu trả trước tàu PVT Diamond	7.620.104.833	10.924.587.889
Chi phí sửa chữa lớn		
Chi phí sửa chữa lớn tàu Pearl	35.634.707.053	26.242.084.468
Chi phí sửa chữa tàu lớn Flora	20.803.778.681	10.603.176.885
Chi phí sửa chữa lớn tàu Venus	20.193.818.975	5.730.072.662
Chi phí sửa chữa lớn tàu Diamond	9.758.338.962	17.062.367.319
Chi phí sửa chữa lớn tàu Neptune	2.928.666.641	9.912.410.170
Chi phí sửa chữa tàu lớn Saturn	2.796.866.414	9.015.744.572
Chi phí sửa chữa lớn tàu Jupiter	1.532.316.101	7.946.662.573
Các khoản khác	5.014.713.926	5.671.257.987
	119.032.216.196	**121.602.115.903**

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	1.629.052.672.297	1.722.562.717	1.630.775.235.014
Tăng trong năm	311.119.761.144	32.081.818	311.151.842.962
Số cuối năm	1.940.172.433.441	1.754.644.535	1.941.927.077.976
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	241.737.926.284	1.060.677.889	242.798.604.173
Khấu hao trong năm	186.176.368.135	283.261.053	186.459.629.188
Số dư cuối năm	427.914.294.419	1.343.938.942	429.258.233.361
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu năm	**1.387.314.746.013**	**661.884.828**	**1.387.976.630.841**
Số dư cuối năm	**1.512.258.139.022**	**410.705.593**	**1.512.668.844.615**

Như trình bày tại Thuyết minh số 21, Công ty đã thế chấp phương tiện vận tải của Công ty là các tàu biển với tổng nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 lần lượt là 1.940.172.433.441 đồng và 1.512.258.139.022 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: lần lượt là 1.629.052.672.297 đồng và 1.387.314.746.013 đồng) dùng để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm phương tiện vận tải và thiết bị văn phòng đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 949.260.919 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 753.392.579 đồng).

Nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 đang chờ thanh lý nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị lần lượt là 204.943.501.469 đồng và 98.271.009.838 đồng.

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm và cuối năm	518.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	291.023.897
Khấu hao trong năm	78.666.672
Số dư cuối năm	369.690.569
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Số dư đầu năm	**226.976.103**
Số dư cuối năm	**148.309.431**

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 218.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 218.000.000 đồng).

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Thương mại Và Dịch vụ VOSCO	4.798.641.232	7.376.373.376
Công ty Cổ phần Inter Petro	4.578.169.011	4.242.733.360
Integr8 Fuels Pte Ltd	4.155.277.747	-
Công ty Cổ phần Đầu tư GLC	3.729.297.727	1.626.343.931
Công ty TNHH Kỹ thuật Hàng hải Bách Lâm	1.328.433.480	253.955.345
Chengxi Shipyard Co.Ltd	-	13.986.952.118
Công ty TNHH Stanex	-	11.168.671.250
International Marine & Energy DMCC	-	9.454.272.428
Phải trả cho các đối tượng khác	71.951.664.093	78.879.970.023
b. Bên liên quan		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	6.737.959.249	6.230.994.329
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương tại TP. Hồ Chí Minh	75.524.400	32.940.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	62.792.820	52.745.850
	97.417.759.759	**133.305.952.010**

Công ty có khả năng thanh toán toàn bộ số dư các khoản phải trả người bán ngắn hạn tại ngày kết thúc niên độ.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải thu/nộp trong năm	Số đã thu/nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	9.766.155	-	-	9.766.155
Thuế khác	500.000	3.500.000	4.000.000	-
	10.266.155	**3.500.000**	**4.000.000**	**9.766.155**
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	298.419.969	298.419.969	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	367.716.784	367.716.784	-
Thuế thu nhập cá nhân	979.996.438	1.515.138.346	2.361.462.766	133.672.018
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.725.290.053	22.103.555.198	33.383.777.906	9.445.067.345
Thuế nhà thầu	-	277.525.164	277.525.164	-
Thuế khác	-	160.000	160.000	-
	21.705.286.491	**24.562.515.461**	**36.689.062.589**	**9.578.739.363**

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Bên thứ ba		
China Resource Chartering Pte Ltd	-	333.494.915
Lighthouse Navigation Singapore Pte Ltd	-	114.392.849
Công ty Cổ phần Mega Market	33.789.246	33.789.246
b. Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Hàng hải Thăng Long	50.000.000	50.000.000
	83.789.246	**531.677.010**

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lãi vay phải trả	6.715.053.370	5.232.938.857
Chi phí phải trả khác	20.901.165.208	2.173.313.812
	27.616.218.578	**7.406.252.669**

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 thể hiện giá trị cước thuê tàu mà Công ty đã nhận trước từ các khách hàng thuê tàu. Chi tiết như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cước thuê tàu PVT Coral	2.907.939.886	-
Cước thuê tàu PVT Saturn	1.940.047.440	-
Cước thuê tàu PVT Neptune	1.053.797.386	-
Cước thuê tàu PVT Jupiter	-	8.383.829.950
Cước thuê tàu PVT Diamond	-	5.475.370.783
Cước thuê tàu PVT Topaz	-	2.103.261.087
Cước thuê tàu PVT Pearl	-	407.093.592
	5.901.784.712	**16.369.555.412**

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Bên thứ ba		
Nhận ký quỹ của thuyền viên	9.620.330.586	9.006.458.418
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp	39.474.630	26.405.036
Kinh phí công đoàn	189.148.452	493.571.803
Phải trả khác	4.692.144.837	6.602.127.085
b. Bên liên quan		
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (trước đây là "Tập đoàn Dầu khí Việt Nam")	296.972.932	296.972.932
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	639.503.933	836.442.466
Các cổ đông Công ty	4.710.574.430	4.108.580.900
	20.188.149.800	**21.370.558.640**

21. VAY

	Số đầu năm	Biến động trong năm				Số cuối năm
		Nhận vay	Phân loại lại vay dài hạn đến hạn trả	Trả vay	Chênh lệch tỷ giá	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn đến hạn trả	136.396.814.492	-	198.226.389.126	(144.196.828.112)	429.740.955	190.856.116.461
Vay dài hạn	789.229.491.284	211.000.000.000	(198.226.389.126)	-	1.770.183.352	803.773.285.510

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn (i)		
- Vay dài hạn	167.668.620.000	215.573.940.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	47.905.320.000	23.952.660.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành (ii)		
- Vay dài hạn	16.771.988.728	33.543.977.450
- Nợ dài hạn đến hạn trả	16.771.988.725	16.771.988.724
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông (iii)		
- Vay dài hạn	44.491.826.782	58.770.723.834
- Nợ dài hạn đến hạn trả	16.178.807.736	15.672.165.768
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển - Chi nhánh Tràng Tiền (iv)		
- Vay dài hạn	401.340.850.000	481.340.850.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	80.000.000.000	80.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa (v)		
- Vay dài hạn	173.500.000.000	-
- Nợ dài hạn đến hạn trả	30.000.000.000	-
	994.629.401.971	**925.626.305.776**
Trong đó:		
- Vay dài hạn	803.773.285.510	789.229.491.284
- Nợ dài hạn đến hạn trả	190.856.116.461	136.396.814.492

(i) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn được giải ngân theo Hợp đồng cho vay số 017/23/02/0085 ký ngày 17 tháng 5 năm 2023 với hạn mức tín dụng tối đa là tương đương 12.740.000 Đô la Mỹ nhưng tối đa không quá 309.523.200.000 Việt Nam đồng để đầu tư mua tàu PVT Jupiter. Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên là ngày 17 tháng 5 năm 2023. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu PVT Jupiter. Lãi suất vay được áp dụng riêng cho từng thời điểm theo thỏa thuận giữa ngân hàng và Công ty tại thời điểm nhận nợ.

(ii) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Bến Thành được giải ngân theo Hợp đồng cho vay số 570/2020/HDTD/BTA/01 ký ngày 30 tháng 11 năm 2020 với hạn mức tín dụng là 5.250.000 Đô la Mỹ để đầu tư mua tàu PVT Venus. Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là ngày 03 tháng 12 năm 2020. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu PVT Venus. Lãi suất vay được áp dụng riêng cho từng thời điểm và được xác định trên cơ sở lãi suất cơ sở dài hạn đồng USD 3 tháng cộng 2,2%/năm.

(iii) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông được giải ngân theo Hợp đồng tín dụng số 0675/2019/HĐTD-OCB-DN ký ngày 20 tháng 8 năm 2019 với số tiền vay là 5.827.000 Đô la Mỹ để đầu tư mua tàu PVT Neptune. Thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là ngày 26 tháng 8 năm 2019. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu PVT Neptune. Lãi suất vay được áp dụng riêng cho từng thời điểm và được xác định trên cơ sở SOFR 6 tháng cộng a (0,17028%/năm) cộng biên độ tối thiểu 3,2%/năm. Theo Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0675.02/SĐBS-HĐTD ký ngày 10 tháng 10 năm 2024, biên độ tối thiểu được điều chỉnh thành 1,6%/năm.

(iv) Khoản vay dài hạn từ Thương mại Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển - Chi nhánh Tràng Tiền được giải ngân theo Hợp đồng tín dụng số 01/2024/5472615/HĐTD ký ngày 15 tháng 8 năm 2024 và Hợp đồng tín dụng số 03/2024/5472615/HĐTD ký ngày 22 tháng 10 năm 2024 với hạn mức tín dụng tối đa lần lượt là 275 tỷ đồng và 300 tỷ đồng để đầu tư mua tàu PVT Topaz và PVT Coral. Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên lần lượt là ngày 29 tháng 8 năm 2024 và ngày 01 tháng 11 năm 2024. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu PVT Topaz và PVT Coral. Lãi suất vay được áp dụng cố định cho 02 năm kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên là 6,5%/năm. Đối với khoản vay mua tàu PVT Topaz, các năm tiếp theo lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ tối thiểu 2,2%/năm, trong đó lãi suất cơ sở được tính bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân bằng Việt Nam đồng kỳ hạn 12 tháng trả sau do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam công bố tại thời điểm điều chỉnh. Đối với khoản vay mua tàu PVT Coral, các năm tiếp theo lãi suất cho vay được xác định trên lãi suất cơ sở cộng biên độ 2,0%/năm, trong đó lãi suất cơ sở được tính bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân bằng Việt Nam đồng kỳ hạn 12 tháng trả sau bình quân của 04 ngân hàng TMCP Nhà nước là BIDV, Vietcombank, Vietinbank, Agribank công bố tại thời điểm điều chỉnh.

(v) Khoản vay dài hạn từ Thương mại Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa được giải ngân theo Hợp đồng tín dụng số 01/2025/5472615/HĐTD ký ngày 30 tháng 7 năm 2025 với hạn mức tín dụng tối đa là 211 ty đồng để đầu tư mua tàu PVT Emerald. Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là ngày 31 tháng 7 năm 2025. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu PVT Emerald. Lãi suất vay được áp dụng cố định là 6,1%/năm trong 02 năm kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên. Các năm tiếp theo lãi suất cho vay được xác định trên lãi suất cơ sở cộng biên độ 2,0%/năm, trong đó lãi suất cơ sở được tính bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân bằng Việt Nam đồng kỳ hạn 12 tháng trả sau do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam công bố tại thời điểm điều chỉnh.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	190.856.116.461	136.396.814.492
Trong năm thứ hai	190.856.116.464	160.349.474.492
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	478.076.319.046	443.586.506.792
Sau năm năm	134.840.850.000	185.293.510.000
	994.629.401.971	**925.626.305.776**
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (trình bày tại khoản mục vay ngắn hạn)	(190.856.116.461)	(136.396.814.492)
	803.773.285.510	**789.229.491.284**

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phần	VND	Số cổ phần	VND
Được phép phát hành	79.314.926	793.149.260.000	66.095.966	660.959.660.000
Đã phát hành và góp vốn đủ	79.314.926	793.149.260.000	66.095.966	660.959.660.000

Cổ phần	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phần đã chào bán ra công chúng	**79.314.926**	**66.095.966**
+ Cổ phần phổ thông	79.314.926	66.095.966
- Số lượng cổ phần đang lưu hành	**79.314.926**	**66.095.966**
+ Cổ phần phổ thông	79.314.926	66.095.966

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	**430.873.310.000**	**(162.054.545)**	**97.849.574.017**	**65.911.129.806**	**594.471.959.278**
Tăng vốn trong năm	230.086.350.000	-	-	-	230.086.350.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	224.355.522.439	224.355.522.439
Điều chỉnh thặng dư vốn cổ phần	-	(244.100.000)	-	-	(244.100.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	16.016.908.237	(16.016.908.237)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(4.484.734.306)	(4.484.734.306)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	(1.922.028.988)	(1.922.028.988)
Chia cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	(43.087.331.000)	(43.087.331.000)
Số dư cuối năm nay	**660.959.660.000**	**(406.154.545)**	**113.866.482.254**	**224.755.649.714**	**999.175.637.423**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	89.567.912.106	89.567.912.106
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (i)	132.189.600.000	-	-	(132.189.600.000)	-
Chia cổ tức bằng tiền mặt (i)	-	-	-	(33.047.983.000)	(33.047.983.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii)	-	-	-	(11.217.776.122)	(11.217.776.122)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành (ii)	-	-	-	(3.365.332.837)	(3.365.332.837)
Số dư cuối năm	**793.149.260.000**	**(406.154.545)**	**113.866.482.254**	**134.502.869.861**	**1.041.112.457.570**

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 6 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc cổ tức cho cổ đông hiện hữu, bao gồm:

- chi trả cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 5% vốn điều lệ, tương ứng với số tiền là 33.047.983.000 đồng; và
- chi trả cổ tức bằng việc phát hành cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2024 với tỷ lệ 20% vốn điều lệ, tương ứng với số tiền là 132.189.600.000 đồng.

Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt trong Quý 3 và Quý 4 năm 2025. Đồng thời, trong tháng 12 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc phát hành thêm 13.218.960 cổ phiếu phổ thông để trả cổ tức cho cổ đông.

(ii) Công ty thực hiện trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ nêu trên.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ nêu trên, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Báo cáo tiến độ sử dụng vốn từ đợt chào bán 23.008.635 cổ phiếu phổ thông để tăng vốn điều lệ Công ty từ 431 tỷ đồng lên 661 tỷ đồng trong năm 2024 và đề xuất tiếp tục sử dụng số tiền vốn huy động từ đợt chào bán này để thực hiện dự án đầu tư mua tàu hàng rời Handysize trọng tải khoảng 25.000 – 39.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HR-02/22) trong năm 2025. Theo đó, ngày 04 tháng 8 năm 2025, Công ty đã hoàn thành triển khai sử dụng nguồn vốn này để thực hiện mua và nhận bàn giao tàu hàng rời Sea Dolphin C (IMO No. 9486427, trọng tải 33.802 DWT, đóng năm 2011 tại Hàn Quốc). Tàu sau khi mua đã được đổi tên thành PVT Emerald.

Chi tiết các cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	411.423.280.000	51,87	342.852.740.000	51,87
Công ty TNHH Tân Long	180.980.430.000	22,82	150.817.030.000	22,82
Các cổ đông khác	200.745.550.000	25,31	167.289.890.000	25,31
	793.149.260.000	**100**	**660.959.660.000**	**100**

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ ("USD")	1.093.944	1.038.796
Euro ("EUR")	100	1.937

Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Prudensol Inc.	5.861.080.914	5.861.080.914
Victory Tankers Ltd.	1.201.399.233	1.201.399.233
Khác	1.861.674.645	1.861.674.645
	8.924.154.792	**8.924.154.792**

24. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	176.729.599.789	173.182.742.703

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	169.280.243.500	171.439.808.500
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	369.411.829.600	500.283.857.100
Trên năm năm	-	37.939.216.000
	538.692.073.100	**709.662.881.600**

Chi phí thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê phải trả cho các hợp đồng thuê như sau:

- Thuê văn phòng tại Lầu 8, Cao ốc Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn thuê là 03 năm đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2027;
- Thuê xe phải trả cho thời gian sử dụng trong năm;
- Thuê tàu từ Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí ("PVTrans"):
  - Thuê tàu PVT Saturn theo hợp đồng số 100/HD2017/PVT-PĐV ký ngày 22 tháng 6 năm 2017 và phụ lục hợp đồng ký ngày 18 tháng 10 năm 2022 với thời hạn thuê là 07 năm + 04 năm (theo quyền lựa chọn của bên cho thuê) tính từ ngày 22 tháng 6 năm 2022. Theo phụ lục hợp đồng thuê, sau thời hạn cho thuê 07 năm đầu, PVTrans được quyền quyết định việc bán tàu hoặc cho thuê tiếp và Công ty phải có nghĩa vụ thực hiện theo phương án do PVTrans lựa chọn. Trong trường hợp PVTrans quyết định bán tàu, PVTrans sẽ thực hiện bán theo quy định hiện hành của pháp luật và Công ty có thể tham gia mua theo giá thị trường. Việc mua bán (nếu có) sẽ tuân thủ theo quy định của Pháp luật tại thời điểm thực hiện giao dịch.

  - Thuê tàu PVT Diamond theo hợp đồng số 50/HD2021/PVT-PVOS ký ngày 19 tháng 4 năm 2021 và thuê tàu PVT Flora theo hợp đồng số 143/HD2021/PVT-PVOS ký ngày 29 tháng 10 năm 2021 với thời hạn thuê lần lượt là 07 năm và 06 năm tính từ ngày ký kết hợp đồng. Theo hợp đồng thuê PVTrans có quyền quyết định việc bán tàu hoặc cho thuê tiếp và Công ty phải thực hiện theo phương án do PVTrans lựa chọn. Trong trường hợp PVTrans quyết định bán tàu, Công ty sẽ tham gia mua tàu PVT Diamond với giá mua tại thời điểm năm thứ 07 sau thời điểm bàn giao tàu là 4.500.000 Đô la mỹ và mua tàu PVT Flora với giá mua tại thời điểm năm thứ 05 hoặc năm thứ 06 sau thời điểm bàn giao tàu với giá lần lượt là 6.750.000 Đô la Mỹ và 5.000.000 Đô la Mỹ. Đồng thời, trong năm 2021 Công ty cũng đã ký kết 02 Biên bản thỏa thuận bán tàu PVT Diamond và tàu PVT Flora với cổ đông lớn là Công ty TNHH Tân Long ("Tân Long"), trong đó quy định khi Công ty có nhu cầu bán, Tân Long cam kết mua lại. Việc mua bán (nếu có) sẽ tuân thủ theo quy định của Pháp luật tại thời điểm thực hiện giao dịch.

  - Thuê tàu PVT Pearl theo hợp đồng số 152/HD2023/PVT-PVTL ký ngày 27 tháng 9 năm 2023 với thời hạn thuê là 07 năm + 04 năm (theo quyền lựa chọn của PVTrans) tính từ ngày ký kết hợp đồng. Theo phụ lục hợp đồng thuê, sau thời hạn cho thuê 07 năm đầu, PVTrans được quyền quyết định việc bán tàu hoặc cho thuê tiếp và Công ty phải có nghĩa vụ thực hiện theo phương án do PVTrans lựa chọn. Trong trường hợp PVTrans quyết định bán tàu, PVTrans sẽ thực hiện bán theo quy định hiện hành của pháp luật và Công ty có thể tham gia mua theo giá thị trường. Việc mua bán (nếu có) sẽ tuân thủ theo quy định của Pháp luật tại thời điểm thực hiện giao dịch.

Cam kết vốn

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 6 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt các dự án đầu tư trong năm như sau:

- Dự án đầu tư chuyển tiếp gồm:
  - 01 tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 19.000 – 25.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HC-03/23) với tổng mức đầu tư 25 triệu Đô la Mỹ, trong đó, vốn chủ sở hữu là 7,64 triệu Đô la Mỹ và vốn vay là 17,36 triệu Đô la Mỹ
  - 01 tàu chở hàng rời trọng tải khoảng 25.000-75.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HR-02/22) với tổng mức đầu tư 12 triệu Đô la Mỹ, trong đó, vốn chủ sở hữu là 8,4 triệu Đô la Mỹ và vốn vay là 3,6 triệu Đô la Mỹ.

- Dự án đầu tư mới gồm 02 tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 19.000-25.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HC-06/25 và PDV-HC-07/25) hoặc 02 tàu hàng rời 25.000-75.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HR-06/25 và PDV-HR-07/25) với tổng mức đầu tư 50 triệu Đô la Mỹ. Trong đó, vốn chủ sở hữu là 15,28 triệu Đô la Mỹ và vốn vay là 34,72 triệu Đô la Mỹ.

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, ngoại trừ dự án PDV-HR-02/22 đã hoàn thành đầu tư trong năm 2025 (chi tiết tại Thuyết minh số 22), Công ty vẫn đang tiến hành triển khai, thực hiện các chủ trương đầu tư nêu trên, chưa có bất kỳ thỏa thuận nào với đối tác được ký kết.

25. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành bốn bộ phận hoạt động - Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận chuyển; Bộ phận kinh doanh thương mại; Bộ phận kinh doanh dịch vụ đại lý và Bộ phận kinh doanh các hoạt động khác. Công ty lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận theo bốn bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của các bộ phận kinh doanh như sau:

- Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận chuyển - kinh doanh vận tải bằng tàu. Toàn bộ doanh thu dịch vụ vận chuyển – kinh doanh vận tải bằng tàu đều là doanh thu phát sinh từ hoạt động vận tải quốc tế.

- Bộ phận kinh doanh thương mại - kinh doanh mua bán mặt hàng hạt nhựa và hàng hóa khác được thực hiện toàn bộ ở thị trường Việt Nam.

- Bộ phận kinh doanh các hoạt động khác bao gồm kinh doanh dịch vụ đại lý - kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển được thực hiện toàn bộ ở thị trường Việt Na và kinh doanh từ cấp dầu, chuyển tải, cảng phí,.v.v. được thực hiện ở cả thị trường quốc tế và thị trường Việt Nam.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán

SỐ CUỐI NĂM	Dịch vụ vận chuyển VND	Thương mại VND	Hoạt động khác VND	Tổng VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	2.729.263.980.351	-	1.108.015.133	2.730.371.995.484
Tài sản không phân bổ				(496.339.238.295)
Tổng tài sản				**2.234.032.757.189**
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	1.161.430.247.208	-	5.197.222.348	1.166.627.469.556
Nợ phải trả không phân bổ				26.292.830.063
Tổng nợ phải trả				**1.192.920.299.619**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

NĂM NAY	Dịch vụ vận chuyển VND	Thương mại VND	Hoạt động khác VND	Tổng VND
Doanh thu				
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.140.258.691.228	783.306.867.565	14.008.102.839	1.937.573.661.632
Lợi nhuận gộp				
Lợi nhuận gộp	165.266.974.570	291.708.635	2.341.536.441	167.900.219.646
Chi phí không phân bổ				(54.122.844.310)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				113.777.375.336
Doanh thu hoạt động tài chính				25.213.016.797
Lợi nhuận khác				40.439.018.760
Chi phí tài chính				(68.431.579.000)
Lợi nhuận trước thuế				110.997.831.893
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				(22.103.555.198)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				673.635.411
Lợi nhuận trong năm				89.567.912.106

Bảng cân đối kế toán

SỐ ĐẦU NĂM	Dịch vụ vận chuyển VND	Thương mại VND	Hoạt động khác VND	Tổng VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	1.681.170.678.759	11.176.339.488	2.146.107.303	1.694.493.125.550
Tài sản không phân bổ				470.197.529.668
Tổng tài sản				**2.164.690.655.218**
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	1.106.866.333.718	11.367.191.950	18.433.542.079	1.136.667.067.747
Nợ phải trả không phân bổ				28.847.950.048
Tổng nợ phải trả				**1.165.515.017.795**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

NĂM TRƯỚC	Dịch vụ vận chuyển VND	Thương mại VND	Hoạt động khác VND	Tổng VND
Doanh thu				
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.103.372.469.226	239.305.479.073	19.599.341.309	1.362.277.289.608
Lợi nhuận gộp				
Lợi nhuận gộp	212.925.196.768	232.223.387	3.639.772.561	216.797.192.716
Chi phí không phân bổ				(61.404.665.626)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				155.392.527.090
Doanh thu hoạt động tài chính				28.736.674.351
Lợi nhuận khác				160.543.342.097
Chi phí tài chính				(64.274.442.501)
Lợi nhuận trước thuế				280.398.101.037
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				(56.042.578.598)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận trong năm				224.355.522.439

26. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thương mại	783.306.867.565	239.305.479.073
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	1.140.258.691.228	1.103.372.469.226
Doanh thu hoạt động khác	14.008.102.839	19.599.341.309
	1.937.573.661.632	**1.362.277.289.608**

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn thương mại	783.015.158.930	239.073.255.686
Giá vốn dịch vụ vận chuyển	974.991.716.658	890.447.272.458
Giá vốn hoạt động khác	11.666.566.398	15.959.568.748
	1.769.673.441.986	**1.145.480.096.892**

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	183.185.731.639	174.979.026.493
Chi phí nhân công	165.928.555.826	169.377.364.784
Chi phí khấu hao tài sản cố định	186.538.295.860	112.624.001.189
Chi phí dịch vụ mua ngoài	320.000.506.194	339.126.136.187
Chi phí khác bằng tiền	185.128.037.847	171.704.978.179
	1.040.781.127.366	**967.811.506.832**

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	13.802.924.236	8.265.316.454
Lãi chênh lệch tỷ giá	11.410.092.561	20.471.357.897
	25.213.016.797	**28.736.674.351**

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	62.639.901.298	44.954.200.631
Lỗ chênh lệch tỷ giá	5.791.677.702	19.320.241.870
	68.431.579.000	**64.274.442.501**

31. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lương nhân viên	28.655.052.880	33.832.575.150
Chi phí mua ngoài	11.912.698.600	8.134.967.726
Các khoản khác	13.555.092.830	19.437.122.750
	54.122.844.310	**61.404.665.626**

32. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu từ bồi thường tổn thất tàu	39.096.723.433	968.948.414
Thu từ thanh lý TSCĐ	-	158.796.307.254
Thu nhập khác	4.891.646.881	1.277.096.681
	43.988.370.314	**161.042.352.349**

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	**110.997.831.893**	**280.398.101.037**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.888.121.153	1.073.707.301
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(3.368.177.054)	(1.258.915.347)
Thu nhập chịu thuế	**110.517.775.992**	**280.212.892.991**
Thuế suất	20%	*20%*
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	**22.103.555.198**	**56.042.578.598**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế.

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	89.567.912.106	224.355.522.439
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	4.478.395.605	11.217.776.122
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành (*)	1.343.518.682	3.365.332.837
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	83.745.997.819	209.772.413.480
Số bình quân gia quyền của cổ phần đang lưu hành trong năm (cổ phiếu)	66.709.961	66.709.961
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**1.255**	**3.145**

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được trích theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 được phê duyệt theo Nghị quyết số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 6 năm 2025. Theo đó, quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích theo tỷ lệ là 5% trên lợi nhuận sau thuế và quỹ khen thưởng Ban điều hành được trích theo tỷ lệ là 1,5% trên lợi nhuận sau thuế.

Quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ khen thưởng Ban điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được ước tính dựa trên tỷ lệ trích thực tế của năm 2024 lần lượt là 5% và 1,5% trên lợi nhuận sau thuế.

Cho mục đích trình bày số liệu so sánh với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đã thực hiện trình bày lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 căn cứ vào số quỹ khen thưởng, phúc lợi thực tế và cổ tức cổ phiếu ưu đãi được phân phối từ lợi nhuận năm 2024. Chi tiết như sau:

	Số đã báo cáo	Thay đổi	Số sau trình bày lại
	VND	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	224.355.522.439	-	224.355.522.439
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	15.704.886.571	(4.487.110.449)	11.217.776.122
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	6.730.665.673	(3.365.332.836)	3.365.332.837
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	201.919.970.195	7.852.443.285	209.772.413.480
Số bình quân gia quyền của cổ phần đang lưu hành trong năm (cổ phiếu)	49.122.383	17.587.579	66.709.961
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.111	(966)	3.145

Trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này, không có giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (trước đây là "Tập đoàn Dầu khí Việt Nam")	Cổ đông lớn của Công ty mẹ
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí - Công ty Dịch vụ Hàng hải Dầu khí	Cùng Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Hàng hải Thăng Long	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	Cùng Công ty mẹ
Chi nhánh công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương tại Thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	Cùng Công ty mẹ
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam - Người điều hành Lô 01/97 & 02/97	Thành viên Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Thành viên Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam
Công ty TNHH Tân Long	Cổ đông lớn

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu quản lý tàu		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	13.700.878.517	14.358.307.219
Công ty Cổ phần Hàng hải Thăng Long	6.000.000	-
Doanh thu khác		
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	9.000.000	3.500.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	2.000.000	31.500.000
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	-	540.808.105
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	-	66.729.217
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	-	14.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Khí Đông Dương	-	3.500.000
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí - Công ty Dịch vụ Hàng hải Dầu khí	-	3.500.000
Công ty Bảo Hiểm PVI Phía Nam	4.701.084.475	-
Thu nhập tài chính (lãi tiền gửi ngân hàng)		
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	2.842.224.762	1.672.808.029
Mua hàng hóa/dịch vụ trong năm		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	185.027.110.415	176.903.899.239
Công ty Bảo Hiểm PVI Phía Nam	16.654.358.032	-
Công ty Bảo Hiểm PVI Bến Thành	884.665.850	-
Chi nhánh công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương tại TP.HCM	550.480.000	362.204.000
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	228.903.543	264.338.253
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Khí Đông Dương	116.253.500	82.188.750
Thu hộ chi hộ		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	11.343.400.377	17.277.725.935
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	-	1.035.438.832
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam – Người điều hành Lô 01/97 & 02/97	-	1.761.130.000
Nhận tiền mua cổ phiếu từ các cổ đông lớn		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	-	119.350.300.000
Công ty TNHH Tân Long	-	39.463.030.000
Cổ tức chi trả bằng tiền mặt		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	17.142.637.000	22.350.244.000
Công ty TNHH Tân Long	7.540.851.500	11.135.400.000
Cổ tức chi trả bằng cổ phiếu		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	68.570.540.000	-
Công ty TNHH Tân Long	30.163.400.000	-

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	5.093.819.035	6.926.467.541

Chi tiết thu nhập (theo quỹ lương của Công ty) của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng trong năm theo từng đối tượng như sau:

Tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
Ông Hồ Sĩ Thuận	Chủ tịch HĐQT (từ ngày 01 tháng 7 năm 2025)	457.300.000	1.711.418.182
	Giám đốc (đến ngày 01 tháng 7 năm 2025)	471.000.000	-
Ông Lê Trúc Lâm	Thành viên HĐQT/Giám đốc (từ ngày 01 tháng 7 năm 2025)	434.842.000	703.704.000
	Chủ tịch HĐQT (đến ngày 01 tháng 7 năm 2025)	410.760.000	-
Ông Đoàn Đình Hiếu	Thành viên HĐQT	30.000.000	210.000.000
Ông Nguyễn Hoài Phương	Thành viên HĐQT	60.000.000	240.000.000
Ông Nguyễn Trọng Quý	Thành viên HĐQT	-	240.000.000
Ông Nguyễn Thế Anh	Thành viên HĐQT	-	40.000.000
Ông Hoàng Minh Tuân	Thành viên HĐQT độc lập	60.000.000	40.000.000
Bà Phan Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT độc lập	30.000.000	-
Ông Vũ Trọng Độ	Phó Giám đốc	808.699.600	1.090.764.182
Ông Nguyễn Xuân Lộc	Phó Giám đốc	790.316.800	1.101.439.600
Ông Phạm Văn Nghĩa	Phó Giám đốc	737.140.078	-
Ông Trần Hồng Kiên	Phó Giám đốc	-	537.960.520
Ông Nguyễn Thái Đạo	Kế toán trưởng	695.760.557	823.181.057
Bà Bùi Lan Anh	Trưởng Ban Kiểm Soát	48.000.000	62.000.000
Ông Nguyễn Đức Quân	Thành viên Ban Kiểm Soát	30.000.000	50.000.000
Bà Vũ Thị Phượng	Thành viên Ban Kiểm Soát	30.000.000	20.000.000
Bà Võ Thị Thanh Tùng	Trưởng Ban Kiểm Soát	-	56.000.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính được trình bày trong các Thuyết minh số 7, 9, 15, 17 và 20.

36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm số tiền 6.715.053.370 đồng (năm 2024: 5.232.938.857 đồng), là số tiền lãi vay phải trả phát sinh trong năm nay nhưng chưa thanh toán, và đã bao gồm số tiền 5.232.938.857 đồng (năm 2024: 2.827.536.350 đồng) là số tiền lãi vay phải trả chưa thanh toán vào cuối năm trước. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền thu lãi tiền gửi trong năm không bao gồm số tiền 952.205.480 đồng (năm 2024: 3.286.863.016 đồng) là số tiền thu nhập lãi tiền gửi phát sinh trong năm chưa nhận được, và đã bao gồm số tiền 3.286.863.016 đồng (năm 2024: 962.654.793 đồng) là số tiền thu nhập lãi tiền gửi phát sinh trong năm trước đã nhận được trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền chi mua tài sản trong năm không bao gồm số tiền 300.201.225 đồng (năm 2024: 1.429.653.985 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền chi mua tài sản trong năm đã bao gồm số tiền 80.585.396 đồng (năm 2024: 0 đồng) là số tiền đã thanh toán trước để mua sắm tài sản cố định. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền chi trả cổ tức đã trả cho chủ sở hữu trong năm không bao gồm số tiền 4.710.574.430 đồng (2024: 4.108.580.900 đồng) là số tiền dùng để chi trả cổ tức cho cổ đông phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

37. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trên Báo cáo tài chính của Công ty.

Lê Thị Thu Hồng	**Nguyễn Thái Đạo**	**Lê Trúc Lâm**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
		Ngày 23 tháng 3 năm 2026

Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động 6 tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

BẢN SAO

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt (trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt) (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hồ Sĩ Thuận	Chủ tịch
Ông Lê Trúc Lâm	Thành viên
Ông Nguyễn Hoài Phương	Thành viên
Ông Đoàn Đình Hiếu	Thành viên
Bà Phan Thị Thu Hà	Thành viên độc lập

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Lê Trúc Lâm	Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Lộc	Phó Giám đốc
Ông Vũ Trọng Độ	Phó Giám đốc
Ông Phạm Văn Nghĩa	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Thái Đạo	Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Bà Bùi Lan Anh	Trưởng Ban
Ông Nguyễn Đức Quân	Thành viên
Bà Vũ Thị Phượng	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này là Ông Lê Trúc Lâm.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PDV PVT LOGISTICS PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

Lê Trúc Lâm
Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật
Phê duyệt, ngày 14 tháng 8 năm 2026

Deloitte.

Chi nhánh Công ty TNHH
Kiểm toán Deloitte Việt Nam
Tầng 18, Tòa nhà Times Square
57-69F Đồng Khởi, Phường Sài Gòn
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam
Điện thoại: +84 28 710 14555
www.deloitte.com/vn

Số: 0154 /VN1A-HC-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát**
Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2026, từ trang 4 đến trang 36, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – "Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện".

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 5008 quyển số 01/2026-SCT/BS
Ngày: 16-10-2026
CÔNG CHỨNG VIÊN

M.S.C.N: 0100112500-002-C.T.T.N
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Nguyễn Thị Mỹ Sang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1144-2023-001-1
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH
KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 14 tháng 8 năm 2026
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN KIM CHI

Bùi Toàn Việt Hưng

Deloitte là tên gọi dùng để chỉ Deloitte Touche Tohmatsu Limited ("DTTL"), hoặc mạng lưới các hãng thành viên trên toàn cầu, và các đơn vị liên quan của các hãng thành viên (gọi chung là "Tổ chức Deloitte"). DTTL (hay còn gọi là "Deloitte Toàn cầu") và mỗi hãng thành viên cũng như các đơn vị liên quan là các pháp nhân riêng biệt và độc lập về mặt pháp lý, không chịu trách nhiệm hoặc bị ràng buộc lẫn nhau đối với các bên thứ ba. DTTL và mỗi hãng thành viên cũng như các đơn vị liên quan chỉ chịu trách nhiệm cho các hành vi và thiếu sót của riêng mình, không chịu trách nhiệm cho hành vi hoặc thiếu sót của các bên còn lại. DTTL không cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Vui lòng truy cập www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ (Phân loại lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**704.457.243.431**	**583.475.230.175**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**193.103.234.234**	**248.755.506.649**
1. Tiền	111		42.731.042.454	38.068.287.470
2. Các khoản tương đương tiền	112		150.372.191.780	210.687.219.179
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**102.280.602.740**	**20.264.986.301**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	6	102.280.602.740	20.264.986.301
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**228.868.918.036**	**167.107.806.399**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	141.495.410.688	96.705.554.865
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	4.806.946.612	2.153.167.172
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	9	92.898.918.151	78.581.441.777
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	10	(10.332.357.415)	(10.332.357.415)
IV. Hàng tồn kho	**140**		**67.254.244.163**	**49.725.236.965**
1. Hàng tồn kho	141	11	67.254.244.163	49.725.236.965
V. Tài sản ngắn hạn khác	**160**		**112.950.244.258**	**97.621.693.861**
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	12	18.531.579.907	16.155.657.506
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		94.408.898.196	81.456.270.200
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	17	9.766.155	9.766.155
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**1.542.828.582.910**	**1.650.557.527.014**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**16.086.132.664**	**16.082.198.448**
1. Phải thu dài hạn khác	215	9	16.086.132.664	16.082.198.448
II. Tài sản cố định	**220**		**1.410.525.293.348**	**1.512.817.154.046**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.410.412.428.360	1.512.668.844.615
- Nguyên giá	*222*		*1.942.078.465.976*	*1.941.927.077.976*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(531.666.037.616)*	*(429.258.233.361)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	112.864.988	148.309.431
- Nguyên giá	*228*		*518.000.000*	*518.000.000*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(405.135.012)*	*(369.690.569)*
III. Tài sản dài hạn khác	**270**		**116.217.156.898**	**121.658.174.520**
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	12	113.591.198.574	119.032.216.196
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		2.625.958.324	2.625.958.324
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**280**		**2.247.285.826.341**	**2.234.032.757.189**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ (Phân loại lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**1.222.346.032.484**	**1.192.920.299.619**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**514.126.392.666**	**389.147.014.109**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	181.484.850.226	97.417.759.759
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		708.705.250	83.789.246
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	16	52.234.015.275	4.710.574.430
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	3.845.592.922	9.578.739.363
5. Phải trả người lao động	315		12.715.581.975	20.790.365.490
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	18	34.582.124.951	27.616.218.578
7. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319	19	11.840.699.560	5.901.784.712
8. Phải trả ngắn hạn khác	320	20	14.131.887.401	15.477.575.370
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	21	190.800.299.975	190.856.116.461
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		11.782.635.131	16.714.090.700
II. Nợ dài hạn	**330**		**708.219.639.818**	**803.773.285.510**
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	21	708.219.639.818	803.773.285.510
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**	**22**	**1.024.939.793.857**	**1.041.112.457.570**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		793.149.260.000	793.149.260.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*793.149.260.000*	*793.149.260.000*
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(406.154.545)	(406.154.545)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		185.866.482.254	113.866.482.254
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		46.330.206.148	134.502.869.861
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*420a*		*9.913.914.261*	*44.934.957.755*
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/ năm trước	*420b*		*36.416.291.887*	*89.567.912.106*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**2.247.285.826.341**	**2.234.032.757.189**

Lê Thị Thu Hồng	**Nguyễn Thái Đạo**	**Lê Trúc Lâm**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
		Người đại diện theo pháp luật
		Phê duyệt, ngày 14 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**		**1.122.741.122.864**	**821.629.637.417**
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	**10**	**26**	**1.122.741.122.864**	**821.629.637.417**
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	1.041.010.043.093	769.187.948.126
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**81.731.079.771**	**52.441.689.291**
5. Doanh thu hoạt động tài chính	22	29	10.699.410.470	12.999.650.331
6. Chi phí tài chính	23	30	35.611.974.622	34.048.329.853
Trong đó: Chi phí lãi vay	*24*		*31.420.646.417*	*29.672.894.171*
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	25.453.540.888	22.052.940.471
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(22-23)-26)	**30**		**31.364.974.731**	**9.340.069.298**
9. Thu nhập khác	31	32	14.677.128.091	13.935.497.138
10. Chi phí khác	32		161.025.636	3.173.147.200
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**		**14.516.102.455**	**10.762.349.938**
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**45.881.077.186**	**20.102.419.236**
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	9.464.785.299	3.961.419.227
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	**60**		**36.416.291.887**	**16.141.000.009**
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	434	172

Lê Thị Thu Hồng	**Nguyễn Thái Đạo**	**Lê Trúc Lâm**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
		Người đại diện theo pháp luật
		Phê duyệt, ngày 14 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***	***45.881.077.186***	***20.102.419.236***
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	102.443.248.698	86.919.880.126
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	108.158.671	1.858.909.500
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.533.671.233)	(8.377.901.380)
Chi phí lãi vay	06	31.420.646.417	29.672.894.171
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***	***177.319.459.739***	***130.176.201.653***
Thay đổi các khoản phải thu	09	(76.061.339.334)	(111.268.183.505)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(17.529.007.198)	(5.009.212.176)
Thay đổi các khoản phải trả	11	88.966.185.460	31.172.280.357
Thay đổi chi phí chờ phân bổ	12	3.065.095.221	6.592.141.206
Tiền lãi vay đã trả	14	(32.162.187.659)	(30.245.946.569)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(15.173.408.611)	(24.216.050.483)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(9.931.455.569)	(1.931.752.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***118.493.342.049***	***(4.730.521.517)***
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định	21	(371.003.829)	(1.727.321.476)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(90.000.000.000)	(40.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	24	10.000.000.000	70.000.000.000
4. Tiền thu lãi tiền gửi	27	518.054.794	8.428.261.757
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***(79.852.949.035)***	***36.700.940.281***
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(94.465.990.520)	(68.259.437.361)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(65.514.755)	(239.135.520)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***(94.531.505.275)***	***(68.498.572.881)***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	**50**	**(55.891.112.261)**	**(36.528.154.117)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**248.755.506.649**	**220.877.351.697**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	238.839.846	(307.425.000)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	**70**	**193.103.234.234**	**184.041.772.580**

Lê Thị Thu Hồng	Nguyễn Thái Đạo	Lê Trúc Lâm
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
		Người đại diện theo pháp luật
		Phê duyệt, ngày 14 tháng 8 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt (gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006478 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 4 năm 2007, các Giấy chứng nhận điều chỉnh. Trụ sở chính của Công ty đặt tại Lầu 8, Cao ốc Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết chính thức lần đầu tiên tại sàn giao dịch UpCom vào ngày 20 tháng 4 năm 2017 với mã chứng khoán là PDV. Theo Quyết định số 969/QĐ-SGDHCM ngày 24 tháng 10 năm 2025, Công ty đã hoàn tất chuyển sàn giao dịch Cổ phiếu công ty sang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là PDV và chính thức giao dịch trên sàn từ ngày 19 tháng 11 năm 2025.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 436 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: 449 người).

Hoạt động chính

- Ngành nghề kinh doanh chính: Vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương. Chi tiết: Kinh doanh vận tải biển. Mã ngành: 5012
- Sản phẩm/dịch vụ chính: Kinh doanh vận tải biển và kinh doanh thương mại; Khai thác tàu; Đại lý tàu biển; Quản lý và cung ứng thuyền viên; Quản lý tàu.

Công ty sở hữu tổng 06 tàu (PVT Venus, PVT Neptune, PVT Jupiter, PVT Topaz, PVT Coral và PVT Emerald). Bên cạnh đó, Công ty cũng đang thuê từ Cổ đông lớn là Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí ("PVTrans") 04 tàu để sử dụng cho dịch vụ vận chuyển (PVT Saturn, PVT Diamond, PVT Flora và PVT Pearl).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 1 chi nhánh phụ thuộc với tên là Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt - Trung tâm thuyền viên PV Trans (gọi tắt là "Chi nhánh"), tại địa chỉ số 232 đường Nguyễn Văn Hưởng, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ

Dữ liệu tương ứng cho báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán và dữ liệu tương ứng trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 đã được soát xét.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"). Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư 99 thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200"), và các Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 200.

Do ảnh hưởng của các thay đổi của Thông tư 99, một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính giữa niên độ đã được bổ sung mới, sửa đổi, gộp hoặc chia tách, một số mã chỉ tiêu cũng được thay đổi. Vì vậy, các dữ liệu tương ứng trên báo cáo tài chính kỳ này cũng đã được trình bày lại phù hợp với các quy định của Thông tư 99.

Ban Giám đốc áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 99 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 99 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Ban Giám đốc cũng đã trình bày lại dữ liệu tương ứng của kỳ trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 99 như được trình bày dưới đây:

Trích từ Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ

Đơn vị: VND

Mã số	Chỉ tiêu		Ngày 31 tháng 12 năm 2025 (số liệu đã trình bày theo Thông tư 200)	Phân loại lại	Ngày 01 tháng 01 năm 2026 (số liệu phân loại lại theo Thông tư 99)
110	**Tiền và các khoản tương đương tiền**		**248.068.287.470**	**687.219.179**	**248.755.506.649**
112	Các khoản tương đương tiền	[1]	210.000.000.000	687.219.179	210.687.219.179
120	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**		**20.000.000.000**	**264.986.301**	**20.264.986.301**
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	[1]	20.000.000.000	264.986.301	20.264.986.301
130	**Các khoản phải thu ngắn hạn**		**168.060.011.879**	**(952.205.480)**	**167.107.806.399**
135	Phải thu ngắn hạn khác	[1]	79.533.647.257	(952.205.480)	78.581.441.777
310	**Nợ ngắn hạn**		**(389.147.014.109)**	**-**	**(389.147.014.109)**
313	Phải trả cố tức, lợi nhuận	[2]	-	(4.710.574.430)	(4.710.574.430)
320	Phải trả ngắn hạn khác	[2]	(20.188.149.800)	4.710.574.430	(15.477.575.370)

[1] Điều chỉnh phân loại lại dự thu lãi tiền gửi từ "Phải thu ngắn hạn khác" sang "Các khoản tương đương tiền" và "Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn".

[2] Điều chỉnh phân loại lại cổ tức phải trả từ "Phải trả ngắn hạn khác" sang "Phải trả cổ tức, lợi nhuận"

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị và không bị hạn chế sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, lãi nhận sau hoặc lãi nhận định kỳ được ghi nhận vào đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và doanh thu hoạt động tài chính tương ứng với kỳ hưởng lãi.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi thu mua có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty xác định giá trị hàng xuất kho theo từng lần phát sinh để hạch toàn hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái cần thiết để có khả năng hoạt động.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	Số năm
Phương tiện vận tải	07 - 12
Thiết bị văn phòng	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản vô hình và khấu hao

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của doanh nghiệp.

Tài sản vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính. Phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ là các chi phí thực tế đã phát sinh và có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn

Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn bao gồm các khoản phí bảo hiểm, vật tư đội tàu và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí chờ phân bổ dài hạn

Chi phí chờ phân bổ dài hạn bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ hoạt động. Các khoản chi phí chờ phân bổ dài hạn bao gồm chi phí thuê tàu, chi phí sửa chữa tàu định kỳ và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ một năm đến ba năm.

Phải trả người bán

Phải trả người bán là các khoản nợ phải trả phát sinh từ việc mua hàng hóa, dịch vụ hoặc tài sản từ người bán trong hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp. Các khoản phải trả người bán được thể hiện theo giá gốc.

Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Phải trả cổ tức, lợi nhuận phản ánh số cổ tức phải trả cho các cổ đông. Các khoản phải trả cổ tức được ghi nhận khi Công ty không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quy định của pháp luật.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ mà Công ty đã nhận được nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ hồ sơ, chứng từ, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán

Doanh thu chờ phân bổ

Doanh thu chờ phân bổ bao gồm các khoản nhận trước về dịch vụ cho thuê phương tiện vận tải liên quan đến một hay nhiều kỳ kế toán. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chờ phân bổ tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chờ phân bổ sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ trong kỳ kế toán tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ, có khả năng Công ty sẽ phải thanh toán nghĩa vụ đó và giá trị của nghĩa vụ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán/năm tài chính.

Vay

Vay được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ đi vay trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Vốn chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá. Cổ phiếu phát hành để tăng vốn điều lệ, vốn góp của cổ đông được ghi nhận theo số tiền thực tế thu được tương ứng với mệnh giá cổ phiếu phát hành thành công.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu.

Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu được phân bổ theo số lượng cổ phiếu phát hành thành công và không thành công:

- Phần chi phí phân bổ cho cổ phiếu phát hành thành công được bù trừ vào thặng dư vốn.
- Phần chi phí liên quan đến cổ phiếu phát hành không thành công được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Số cổ tức được công bố và chi trả từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của cổ đông trong Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty để dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty. Việc trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi tuân thủ theo các quy định về kế toán và tài chính hiện hành.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Việc trích và sử dụng quỹ đầu tư phát triển được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy định hiện hành.

Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:
(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:
(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập khác là các khoản thu nhập từ các hoạt động không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu từ các hoạt động chính.

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ và được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong kỳ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các khoản chi phí phát sinh liên quan hoạt động quản lý chung của doanh nghiệp, không trực tiếp gắn với hoạt động bán hàng hoặc sản xuất và được ghi nhận vào chi phí trong kỳ/năm theo cơ sở dồn tích.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này, ngoại trừ số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tiền gửi. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản đó vào sử dụng hoặc bán

đã hoàn thành. Các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vốn vay riêng biệt trong khi chờ được sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang được ghi giảm trừ vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hóa.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong kỳ. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Báo cáo tình hình tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các giả định và ước tính quan trọng

Các giả định và ước tính quan trọng liên quan đến tương lai tạo ra sự không chắc chắn trong ước tính tại thời điểm lập báo cáo, có thể dẫn đến rủi ro đáng kể làm điều chỉnh trọng yếu giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả trong năm tài chính tiếp theo, được trình bày dưới đây.

Dự phòng phải thu khó đòi
Công ty ghi nhận dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản phải thu có rủi ro tổn thất tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ. Mức dự phòng được xác định dựa trên khả năng thanh toán và các thông tin khác liên quan đến khả năng thu hồi của các khoản phải thu.

Việc xác định dự phòng phải thu khó đòi đòi hỏi Ban Giám đốc sử dụng xét đoán dựa trên các thông tin hiện có tại thời điểm lập báo cáo. Do đó, kết quả thực tế có thể khác với các ước tính đã ghi nhận khi có những thay đổi về tình hình tài chính, khả năng thanh toán của bên nợ hoặc điều kiện kinh tế thị trường trong tương lai. Ban Giám đốc sẽ tiếp tục rà soát và cập nhật các giả định này trong các kỳ báo cáo tiếp theo nhằm phản ánh đầy đủ khả năng thu hồi của các khoản phải thu.

Thời gian hữu dụng của tài sản cố định hữu hình
Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Chi phí khấu hao được ghi nhận nhằm phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình đó theo phương pháp khấu hao đường thẳng.

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét, đánh giá lại vào cuối mỗi kỳ báo cáo. Việc xác định thời gian hữu dụng của tài sản cố định hữu hình đòi hỏi Ban Giám đốc phải thực hiện các xét đoán và ước tính đáng kể. Các ước tính này được xây dựng dựa trên tuổi thọ kỹ thuật dự kiến, tình trạng khai thác thực tế, lịch trình bảo dưỡng và các yêu cầu đăng kiểm (nếu có). Mọi thay đổi trong các ước tính này, được ghi nhận theo phương pháp phi hồi tố.

Mức độ không chắc chắn liên quan đến ước tính thời gian hữu dụng chịu ảnh hưởng bởi những tình hình sử dụng và tình hình khai thác thực tế của tài sản đó.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ (Phân loại lại) VND
Tiền mặt	621.378.003	261.312.432
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	42.109.664.451	37.806.975.038
Các khoản tương đương tiền	150.372.191.780	210.687.219.179
	193.103.234.234	**248.755.506.649**

Chi tiết số dư tiền gửi không kỳ hạn theo từng ngân hàng như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ (Phân loại lại) VND
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	3.743.939.049	14.752.953.617
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	12.626.788.596	9.290.960.978
Ngân hàng TMCP Phương Đông	9.844.670.150	164.827.985
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	15.697.952.744	13.221.060.675
Các ngân hàng khác	196.313.912	377.171.783
	42.109.664.451	**37.806.975.038**

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn không quá ba tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất được hưởng 4,75%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn không quá ba tháng với lãi suất được hưởng từ 0,5%/năm đến 4,75%/năm)

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn sáu tháng với lãi suất được hưởng là từ 7,8%/năm đến 8,6%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn sáu tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất được hưởng là 5,2%/năm).

Chi tiết các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn theo từng ngân hàng như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ (Phân loại lại) VND
Ngân hàng TMCP Phương Đông	20.386.410.959	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	10.111.780.822	-
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	20.756.493.151	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	51.025.917.808	20.264.986.301
	102.280.602.740	**20.264.986.301**

Công ty có khả năng thu hồi toàn bộ đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Giá trị dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị dự phòng VND
a. Bên thứ ba				
Argo Navigation S.A.	28.347.194.347	-	17.602.015.941	-
Công ty Cổ phần Stavian Hóa chất	24.396.709.680	-	-	-
Stainless Tankers Inc.	19.518.344.142	-	12.616.909.490	-
BPG Shipping Company DMCC	19.190.706.501	-	1.608.258.556	-
Xianglong Shipping Pte. Ltd.	17.448.716.458	-	17.309.981.705	-
Reachy International (HK) Co., Ltd.	15.574.683.162	-	-	-
Marida Tankers Inc.	9.695.873.675	-	9.683.149.723	-
Jade Alliance Shipping Pte. Ltd.	144.910.250	-	9.613.385.664	-
Asiana Marine Inc.	9.839.376	-	10.698.036.835	-
Jeyst Shipping Pte. Ltd.	-	-	11.992.280.068	-
Các khách hàng khác	6.703.656.544	-	4.418.621.750	-
b. Bên liên quan				
Công ty Cổ Phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	464.776.553	-	1.153.915.133	-
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	-	-	9.000.000	-
	141.495.410.688	**-**	**96.705.554.865**	**-**

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty TNHH TMDV Sửa Chữa Tàu Biển Phương Nam	930.401.640	-
ZWT Asia Pte. Ltd.	667.387.031	-
SAACKE GmbH	-	357.194.867
Shanghai Tide Ship Technology Co., Ltd.	-	220.735.200
Oceania Marine Engineering Works	-	214.392.282
Các đối tượng khác	3.209.157.941	1.360.844.823
	4.806.946.612	**2.153.167.172**

9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ (Phân loại lại)	
	Giá gốc VND	Giá trị dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị dự phòng VND
Ngắn hạn				
a. Bên thứ ba				
Tạm ứng cho nhân viên	4.256.727.137	-	2.823.633.092	-
Ký cược, ký quỹ (i)	26.641.291.660	-	26.099.442.250	-
Bhatt & Saldanha (ii)	9.761.614.565	9.761.614.565	9.761.614.565	9.761.614.565
West of England (Hellas) SARL (iii)	-	-	22.641.824.636	-
Bồi thường bảo hiểm	5.358.205.768	-	4.302.244.217	-
Chi trả hộ tiền nhiên liệu	14.013.751.775	-	628.571.743	-
Phải thu khác từ bên thứ ba	1.640.557.948	570.742.850	980.710.897	570.742.850
b. Bên liên quan				
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (iv)	25.642.011.236	-	11.343.400.377	-
Tổng công ty Bảo hiểm PVI	5.584.758.062	-	-	-
	92.898.918.151	**10.332.357.415**	**78.581.441.777**	**10.332.357.415**
Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ từ bên thứ ba	1.314.492.664	-	1.310.558.448	-
Ký cược, ký quỹ từ bên liên quan (v)	14.771.640.000	-	14.771.640.000	-
	16.086.132.664	**-**	**16.082.198.448**	**-**

(i) Đây là khoản tiền mà Công ty ứng trước để đảm bảo thực hiện hợp đồng khi cho các tàu PVT Venus, PVT Flora và PVT Jupiter tham gia Womar Pool theo các hợp đồng Pool Agreement lần lượt ngày 01 tháng 11 năm 2021, ngày 22 tháng 02 năm 2022 và ngày 16 tháng 01 năm 2025 với tổng giá trị là 950.000 Đô la Mỹ tương đương với 24.971.700.000 đồng trong 12 tháng; và các khoản tiền đặt cọc khác với giá trị 1.669.591.660 đồng.

(ii) Đây là khoản tiền đặt cọc để giải phóng tàu PV Oil Jupiter và tàu PV Oil Venus thông qua luật sư Bhatt & Saldanha. Tàu PV Oil Jupiter và tàu PV Oil Venus bị bắt giữ theo yêu cầu của First Fuel và Monjasa bởi tòa án tại Calcutta và theo yêu cầu của Bunkernet bởi toà án tại Hyderabad của Ấn Độ vào tháng 02 năm 2018 và tháng 10 năm 2018 do hai tàu này bị kiện liên quan đến công nợ cấp nhiên liệu chưa được thanh toán của người thuê tàu là Seahub Shipping & Logistics PV LTD và Stella Tankers (Sigapore) Pte Ltd. Liên quan đến các vụ bắt giữ tàu này, Công ty đã chỉ định luật sư Bhatt & Saldanha và Dzung & Associates thực hiện thủ tục bảo lãnh thả tàu. Công ty đã chuyển số tiền bảo lãnh là 275.096,52 Đô la Mỹ (cho tàu PV Oil Jupiter) và 136.265,24 Đô la Mỹ (cho tàu PV Oil Venus) để tòa giải phóng tàu thông qua luật sư Bhatt & Saldanha. Thủ tục bảo lãnh thả tàu được hoàn tất và tàu PV Oil Jupiter đã được thả vào ngày 23 tháng 02 năm 2018, tàu PV Oil Venus được thả vào ngày 31 tháng 10 năm 2018. Tại ngày báo cáo này, các vụ việc vẫn chưa được giải quyết xong bởi tòa án Ấn Độ, Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi vụ kiện. Dựa trên các thông tin mới nhất về tình hình vụ kiện, Ban Giám đốc Công ty đánh giá khoản đặt cọc này khó có khả năng thu hồi được và Công ty đã lập dự phòng 100% cho khoản tiền này.

(iii) Đây là khoản bồi thường phải thu từ các bên có liên quan đến sự cố va chạm tàu PVT Saturn tại khu neo đậu CJK, Thượng Hải, Trung Quốc vào ngày 23 tháng 11 năm 2022. Công ty đã thu được khoản này vào ngày 13 tháng 5 năm 2026 với tổng giá trị bồi thường là USD 1,000,000.

(iv) Đây là tiền cước thuê tàu của tàu PVT Flora từ ngày 26 tháng 5 năm 2026 đến ngày 26 tháng 6 năm 2026 và tàu PVT Diamond từ ngày 10 tháng 5 năm 2026 đến 10 tháng 6 năm 2026 mà Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí thu hộ Công ty từ khách hàng Stainless Tankers Inc., và Jade Alliance Shipping Pte. Ltd.

(v) Đây là khoản tiền mà Công ty đặt cọc để đảm bảo thuê tàu PVT Saturn và PVT Pearl từ Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí lần lượt theo phụ lục hợp đồng số 02 ngày 12 tháng 9 năm 2022 của hợp đồng thuê tàu số 100/HD2017/PVT-PDV và hợp đồng thuê tàu số 152/HD2023/PVT-PVTL ngày 27 tháng 9 năm 2023.

10. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC KHÓ ĐÒI

Đối tượng nợ	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị lập dự phòng	Giá gốc	Giá trị lập dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Văn phòng luật sư Bhatt & Saldanha	9.761.614.565	9.761.614.565	9.761.614.565	9.761.614.565
Các khoản phải thu khác	570.742.850	570.742.850	570.742.850	570.742.850
	10.332.357.415	**10.332.357.415**	**10.332.357.415**	**10.332.357.415**

11. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho thể hiện giá trị nhiên liệu, vật tư và phụ tùng tồn trên tàu tại ngày kết thúc kỳ hoạt động, được sử dụng trong quá trình vận hành tàu. Ban Giám đốc Công ty đánh giá hàng tồn kho không có khả năng giảm giá trị hay hư hỏng nên không cần thiết phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

12. CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỔ

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	9.112.513.972	7.719.384.222
Vật tư đội tàu	2.341.507.414	2.384.610.497
Các khoản khác	7.077.558.521	6.051.662.787
	18.531.579.907	**16.155.657.506**
b. Dài hạn		
Chi phí thuê tàu		
Cước thuê tàu trả trước 6 năm tàu Flora	9.900.075.308	12.748.904.610
Cước thuê tàu trả trước 7 năm tàu Diamond	5.976.906.868	7.620.104.833
Chi phí sửa chữa lớn		
Chi phí sửa chữa lớn tàu Pearl	26.582.306.681	35.634.707.053
Chi phí sửa chữa tàu lớn Flora	15.107.730.809	20.803.778.681
Chi phí sửa chữa lớn tàu Venus	14.780.260.819	20.193.818.975
Chi phí sửa chữa lớn tàu Diamond	6.106.324.781	9.758.338.962
Chi phí sửa chữa lớn tàu Neptune	-	2.928.666.641
Chi phí sửa chữa tàu lớn Saturn	31.621.762.680	2.796.866.414
Chi phí sửa chữa lớn tàu Jupiter	-	1.532.316.101
Các khoản khác	3.515.830.628	5.014.713.926
	113.591.198.574	**119.032.216.196**

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	1.940.172.433.441	1.754.644.535	1.941.927.077.976
Tăng trong kỳ	-	151.388.000	151.388.000
Số dư cuối kỳ	1.940.172.433.441	1.906.032.535	1.942.078.465.976
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	427.914.294.419	1.343.938.942	429.258.233.361
Khấu hao trong kỳ	102.278.083.860	129.720.395	102.407.804.255
Số dư cuối kỳ	530.192.378.279	1.473.659.337	531.666.037.616
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu kỳ	**1.512.258.139.022**	**410.705.593**	**1.512.668.844.615**
Số dư cuối kỳ	**1.409.980.055.162**	**432.373.198**	**1.410.412.428.360**

Chi tiết danh mục các tài sản cố định hữu hình đang hiện hữu có giá trị từ 10% tổng giá trị tài sản cố định hữu hình trở lên:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tàu PVT Neptune	204.943.501.469	89.601.818.062
Tàu PVT Jupiter	432.590.626.232	297.813.062.849
Tàu PVT Topaz	385.511.128.661	285.002.870.123
Tàu PVT Coral	428.923.869.334	357.793.994.332
Tàu PVT Emerald	310.854.175.471	282.609.898.240
Các tài sản khác	179.255.164.809	97.590.784.754
	1.942.078.465.976	**1.410.412.428.360**

Như trình bày tại Thuyết minh số 21, Công ty đã thế chấp phương tiện vận tải của Công ty là các tàu biển với tổng nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 lần lượt là 1.940.172.433.441 đồng và 1.409.980.055.162 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: 1.940.172.433.441 đồng và 1.512.258.139.022 đồng) dùng để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 bao gồm phương tiện vận tải và thiết bị văn phòng đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 949.260.919 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: 949.260.919 đồng).

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	518.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu kỳ	369.690.569
Khấu hao trong kỳ	35.444.443
Số dư cuối kỳ	405.135.012
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Số dư đầu kỳ	**148.309.431**
Số dư cuối kỳ	**112.864.988**

Chi tiết danh mục các tài sản cố định vô hình đang hiện hữu như sau:

	Nguyên giá VND	Giá trị còn lại VND
Phần mềm kế toán Fast business online	160.000.000	111.827.953
Hệ thống phần mềm IDOC	140.000.000	1.037.035
Phần mềm kế toán Fast	154.000.000	-
Phần mềm kế toán Bravo	64.000.000	-
	518.000.000	**112.864.988**

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 bao gồm tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 218.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: 218.000.000 đồng).

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Bên thứ ba		
Propeller Fuels Ltd.	37.302.001.281	-
Phải trả cho các đối tượng khác	131.126.677.901	90.541.483.290
b. Bên liên quan		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	12.979.647.644	6.737.959.249
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương tại TP. Hồ Chí Minh	67.095.000	75.524.400
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	9.428.400	62.792.820
	181.484.850.226	**97.417.759.759**
Trong đó: Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
Công ty Cổ phần Xăng Sơn Tùng	163.800.000	163.800.000
Công ty TNHH Dịch vụ và Kỹ thuật Biển Xanh	288.941.580	288.941.580
Công ty TNHH Thương Mại và Dịch vụ Kỹ Thuật Hàng hải	77.403.600	77.403.600
Các đối tượng khác	173.363.609	173.363.609
	703.508.789	**703.508.789**

Công ty có khả năng thanh toán toàn bộ số dư các khoản phải trả người bán ngắn hạn tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

16. PHẢI TRẢ CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01-2026/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 6 năm 2026 được thông qua ngày 25 tháng 6 năm 2026, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án chi trả cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận sau thuế năm 2025 với tỷ lệ 6%, tương ứng tổng số tiền là 47.588.955.600 đồng. Công ty dự kiến sẽ chi trả vào quý 4 năm 2026.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, số dư cổ tức còn phải trả bao gồm cổ tức phát sinh trong năm 2026 là 47.588.955.600 đồng và cổ tức phát sinh từ năm 2025 trở về trước nhưng Công ty vẫn chưa thực hiện chi trả là 4.645.059.675 đồng.

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ	Số phải thu/ nộp trong kỳ	Số đã thu/ nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	9.766.155	-	-	9.766.155
	9.766.155	**-**	**-**	**9.766.155**
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	17.048.753	17.048.753	-
Thuế thu nhập cá nhân	133.672.018	1.046.049.964	1.070.573.093	109.148.889
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.445.067.345	9.464.785.299	15.173.408.611	3.736.444.033
Thuế khác	-	161.045.195	161.045.195	-
	9.578.739.363	**10.688.929.211**	**16.422.075.652**	**3.845.592.922**

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Lãi vay phải trả	5.967.367.969	6.715.053.370
Chi phí phải trả khác	28.614.756.982	20.901.165.208
	34.582.124.951	**27.616.218.578**

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 thể hiện giá trị tiền cước thuê tàu mà Công ty đã nhận trước từ các khách hàng thuê tàu nhưng chưa ghi nhận doanh thu. Chi tiết như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Cước thuê tàu PVT Neptune	3.369.272.451	1.053.797.386
Cước thuê tàu PVT Topaz	3.077.929.993	-
Cước thuê tàu PVT Saturn	2.752.089.525	1.940.047.440
Cước thuê tàu PVT Diamond	2.641.407.591	-
Cước thuê tàu PVT Coral	-	2.907.939.886
	11.840.699.560	**5.901.784.712**

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ (Phân loại lại)
	VND	VND
a. Bên thứ ba		
Nhận ký quỹ của thuyền viên	9.484.598.418	9.620.330.586
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp	42.684.586	39.474.630
Kinh phí công đoàn	178.757.889	189.148.452
Phải trả khác	4.128.873.576	4.692.144.837
b. Bên liên quan		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	296.972.932	296.972.932
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	-	639.503.933
	14.131.887.401	**15.477.575.370**

21. VAY

	Số đầu kỳ	Phân loại lại vay dài hạn đến hạn trả	Trả vay	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối kỳ
	VND	VND		VND	VND
Vay dài hạn đến hạn trả	190.856.116.461	94.465.990.522	94.465.990.520	(55.816.488)	190.800.299.975
Vay dài hạn	803.773.285.510	(94.465.990.522)	-	(1.087.655.170)	708.219.639.818

Chi tiết các khoản vay:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn (i)		
- Vay dài hạn	143.715.960.000	167.668.620.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	47.905.320.000	47.905.320.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành (ii)		
- Vay dài hạn	8.385.994.366	16.771.988.728
- Nợ dài hạn đến hạn trả	16.771.988.727	16.771.988.725
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông (iii)		
- Vay dài hạn	36.276.835.452	44.491.826.782
- Nợ dài hạn đến hạn trả	16.122.991.248	16.178.807.736
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển - Chi nhánh Tràng Tiền (iv)		
- Vay dài hạn	361.340.850.000	401.340.850.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	80.000.000.000	80.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kì Khởi Nghĩa (v)		
- Vay dài hạn	158.500.000.000	173.500.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	30.000.000.000	30.000.000.000
	899.019.939.793	**994.629.401.971**
Trong đó:		
- Vay dài hạn	708.219.639.818	803.773.285.510
- Nợ dài hạn đến hạn trả	190.800.299.975	190.856.116.461

(i) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn được giải ngân theo Hợp đồng cho vay số 017/23/02/0085 ký ngày 17 tháng 5 năm 2023 với hạn mức tín dụng tối đa là tương đương 12.740.000 Đô la Mỹ nhưng tối đa không quá 309.523.200.000 Việt Nam đồng để đầu tư mua tàu PVT Jupiter. Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên là ngày 17 tháng 5 năm 2023. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu PVT Jupiter. Lãi suất vay được áp dụng riêng cho từng thời điểm theo thỏa thuận giữa ngân hàng và Công ty tại thời điểm nhận nợ.

(ii) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Bến Thành được giải ngân theo Hợp đồng cho vay số 570/2020/HDTD/BTA/01 ký ngày 30 tháng 11 năm 2020 với hạn mức tín dụng là 5.250.000 Đô la Mỹ để đầu tư mua tàu PVT Venus. Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là ngày 03 tháng 12 năm 2020. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu PVT Venus. Lãi suất vay được áp dụng riêng cho từng thời điểm và được xác định trên cơ sở lãi suất cơ sở dài hạn đồng USD 3 tháng cộng 2,2%/năm.

(iii) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông được giải ngân theo Hợp đồng tín dụng số 0675/2019/HĐTD-OCB-DN ký ngày 20 tháng 8 năm 2019 với số tiền vay là 5.827.000 Đô la Mỹ để đầu tư mua tàu PVT Neptune. Thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là ngày 26 tháng 8 năm 2019. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu PVT Neptune. Lãi suất vay được áp dụng riêng cho từng thời điểm và được xác định trên cơ sở SOFR 6 tháng cộng α (0,17028%/năm) cộng biên độ tối thiểu 3,2%/năm. Theo Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0675.02/SĐBS-HĐTD ký ngày 10 tháng 10 năm 2024, biên độ tối thiểu được điều chỉnh thành 1,6%/năm.

(iv) Khoản vay dài hạn từ Thương mại Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển - Chi nhánh Tràng Tiền được giải ngân theo Hợp đồng tín dụng số 01/2024/5472615/HĐTD ký ngày 15 tháng 8 năm 2024 và Hợp đồng tín dụng số 03/2024/5472615/HĐTD ký ngày 22 tháng 10 năm 2024 với hạn mức tín dụng tối đa lần lượt là 275.000.000.000 đồng và 300.000.000.000 đồng để đầu tư mua tàu PVT Topaz và PVT Coral. Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên lần lượt là ngày 29 tháng 8 năm 2024 và ngày 01 tháng 11 năm 2024. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu PVT Topaz và PVT Coral. Lãi suất vay được áp dụng cố định cho 02 năm kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên là 6,5%/năm. Đối với khoản vay mua tàu PVT Topaz, các năm tiếp theo lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ tối thiểu 2,2%/năm, trong đó lãi suất cơ sở được tính bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân bằng Việt Nam đồng kỳ hạn 12 tháng trả sau do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam công bố tại thời điểm điều chỉnh. Đối với khoản vay mua tàu PVT Coral, các năm tiếp theo lãi suất cho vay được xác định trên lãi suất cơ sở cộng biên độ 2,0%/năm, trong đó lãi suất cơ sở được tính bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân bằng Việt Nam đồng kỳ hạn 12 tháng trả sau bình quân của 04 ngân hàng TMCP Nhà nước là BIDV, Vietcombank, Vietinbank, Agribank công bố tại thời điểm điều chỉnh.

(v) Khoản vay dài hạn từ Thương mại Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa được giải ngân theo Hợp đồng tín dụng số 01/2025/5472615/HĐTD ký ngày 30 tháng 7 năm 2025 với hạn mức tín dụng tối đa là 211 tỷ đồng để đầu tư mua tàu PVT Emerald. Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là ngày 31 tháng 7 năm 2025. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu PVT Emerald. Lãi suất vay được áp dụng cố định là 6,1%/năm trong 02 năm kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên. Các năm tiếp theo lãi suất cho vay được xác định trên lãi suất cơ sở cộng biên độ 2,0%/năm, trong đó lãi suất cơ sở được tính bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân bằng Việt Nam đồng kỳ hạn 12 tháng trả sau do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam công bố tại thời điểm điều chỉnh.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trong vòng một năm	190.800.299.975	190.856.116.461
Trong năm thứ hai	182.414.305.614	190.856.116.464
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	445.964.484.204	478.076.319.046
Sau năm năm	79.840.850.000	134.840.850.000
	899.019.939.793	**994.629.401.971**
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (trình bày tại khoản mục vay ngắn hạn)	(190.800.299.975)	(190.856.116.461)
	708.219.639.818	**803.773.285.510**

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Số đầu kỳ và cuối kỳ	
	Số cổ phần	VND
Được phép phát hành	79.314.926	793.149.260.000
Đã phát hành và góp vốn đủ	79.314.926	793.149.260.000

Cổ phần	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
- Số lượng cổ phần đã chào bán ra công chúng	**79.314.926**	**79.314.926**
+ Cổ phần phổ thông	79.314.926	79.314.926
- Số lượng cổ phần đang lưu hành	**79.314.926**	**79.314.926**
+ Cổ phần phổ thông	79.314.926	79.314.926

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	**660.959.660.000**	**(406.154.545)**	**113.866.482.254**	**224.755.649.714**	**999.175.637.423**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	89.567.912.106	89.567.912.106
Công bố cổ tức bằng cổ phiếu	132.189.600.000	-	-	(132.189.600.000)	-
Công bố cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	(33.047.983.000)	(33.047.983.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(11.217.776.122)	(11.217.776.122)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	(3.365.332.837)	(3.365.332.837)
Số dư đầu kỳ này	**793.149.260.000**	**(406.154.545)**	**113.866.482.254**	**134.502.869.861**	**1.041.112.457.570**
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	36.416.291.887	36.416.291.887
Trích quỹ đầu tư phát triển (ii)	-	-	72.000.000.000	(72.000.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii)	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Công bố cổ tức bằng tiền mặt (i)	-	-	-	(47.588.955.600)	(47.588.955.600)
Số dư cuối kỳ này	**793.149.260.000**	**(406.154.545)**	**185.866.482.254**	**46.330.206.148**	**1.024.939.793.857**

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01-2026/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 6 năm 2026, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc cổ tức cho cổ đông hiện hữu bằng tiền mặt với tỷ lệ 6% vốn điều lệ, tương ứng với số tiền là 47.588.955.600 đồng. Công ty dự kiến chi trả trong quý 4 năm 2026.

(ii) Công ty thực hiện trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01-2026/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ nêu trên.

Chi tiết các cổ đông sở hữu tại ngày kết thúc kỳ hoạt động như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	411.423.280.000	51,87%	411.423.280.000	51,87%
Công ty TNHH Tân Long	180.980.430.000	22,82%	180.980.430.000	22,82%
Các cổ đông khác nắm giữ dưới 5%	200.745.550.000	25,31%	200.745.550.000	25,31%
	793.149.260.000	**100,00%**	**793.149.260.000**	**100,00%**

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Đô la Mỹ ("USD")	1.268.530	1.093.944
Euro ("EUR")	100	100

Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Prudensol Inc.	5.861.080.914	5.861.080.914
Victory Tankers Ltd.	1.201.399.233	1.201.399.233
Khác	1.861.674.645	1.861.674.645
	8.924.154.792	**8.924.154.792**

24. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Trong vòng một năm	171.606.293.513	170.545.423.500
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	274.112.891.300	440.839.746.800
Từ năm thứ năm trở đi	13.237.784.000	37.939.216.000
	458.956.968.813	**649.324.386.300**

Chi phí thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê phải trả cho các hợp đồng thuê như sau:

- Thuê văn phòng tại Lầu 8, Cao ốc Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn thuê là 03 năm đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2027;
- Thuê xe phải trả cho thời gian sử dụng trong kỳ;
- Thuê tàu từ Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí ("PVTrans"):

- Thuê tàu PVT Saturn theo hợp đồng số 100/HD2017/PVT-PĐV ký ngày 22 tháng 6 năm 2017 và phụ lục hợp đồng ký ngày 18 tháng 10 năm 2022 với thời hạn thuê là 7 (bảy) năm + 4 (bốn) năm (theo quyền lựa chọn của bên cho thuê) tính từ ngày 22 tháng 6 năm 2022. Theo phụ lục hợp đồng thuê, sau thời hạn cho thuê 07 (bảy) năm đầu, PVTrans được quyền quyết định việc bán tàu hoặc cho thuê tiếp và Công ty phải có nghĩa vụ thực hiện theo phương án do PVTrans lựa chọn. Trong trường hợp PVTrans quyết định bán tàu, PVTrans sẽ thực hiện bán theo quy định hiện hành của pháp luật và Công ty có thể tham gia mua theo giá thị trường. Việc mua bán (nếu có) sẽ tuân thủ theo quy định của pháp luật tại thời điểm thực hiện giao dịch.

- Thuê tàu PVT Diamond theo hợp đồng số 50/HD2021/PVT-PVOS ký ngày 19 tháng 4 năm 2021 và thuê tàu PVT Flora theo hợp đồng số 143/HD2021/PVT-PVOS ký ngày 29 tháng 10 năm 2021 với thời hạn thuê lần lượt là 7 năm và 6 năm tính từ ngày ký kết hợp đồng. Theo hợp đồng thuê PVTrans có quyền quyết định việc bán tàu hoặc cho thuê tiếp và Công ty phải thực hiện theo phương án do PVTrans lựa chọn. Trong trường hợp PVTrans quyết định bán tàu, Công ty sẽ tham gia mua tàu PVT Diamond với giá mua tại thời điểm năm thứ 7 sau thời điểm bàn giao tàu là 4.500.000 Đô la mỹ và mua tàu PVT Flora với giá mua tại thời điểm năm thứ 5 hoặc năm thứ 6 sau thời điểm bàn giao tàu với giá lần lượt là 6.750.000 Đô la Mỹ và 5.000.000 Đô la Mỹ. Đồng thời, trong năm 2021 Công ty cũng đã ký kết Biên bản thỏa thuận bán tàu PVT Diamond và tàu PVT Flora với cổ đông lớn là Công ty TNHH Tân Long ("Tân Long"), trong đó quy định khi Công ty có nhu cầu bán, Tân Long cam kết mua lại. Việc mua bán (nếu có) sẽ tuân thủ theo quy định của pháp luật tại thời điểm thực hiện giao dịch.

- Thuê tàu PVT Pearl theo hợp đồng số 152/HD2023/PVT-PVTL ký ngày 27 tháng 9 năm 2023 với thời hạn thuê là 7 (bảy) năm + 4 (bốn) năm (theo quyền lựa chọn của PVTrans) tính từ ngày ký kết hợp đồng. Theo phụ lục hợp đồng thuê, sau thời hạn cho thuê 07 (bảy) năm đầu, PVTrans được quyền quyết định việc bán tàu hoặc cho thuê tiếp và Công ty phải có nghĩa vụ thực hiện theo phương án do PVTrans lựa chọn. Trong trường hợp PVTrans quyết định bán tàu, PVTrans sẽ thực hiện bán theo quy định hiện hành của pháp luật và Công ty có thể tham gia mua theo giá thị trường. Việc mua bán (nếu có) sẽ tuân thủ theo quy định của pháp luật tại thời điểm thực hiện giao dịch.

Cam kết vốn

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01-2026/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 6 năm 2026, Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt các dự án đầu tư trong năm như sau:

- Dự án đầu tư tàu chuyển tiếp gồm:
  - ✓ 01 tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 19.000–26.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HC-03/23) với tổng mức đầu tư 29 triệu Đô la Mỹ, trong đó, vốn chủ sở hữu là 8,7 triệu Đô la Mỹ và vốn vay là 20,3 triệu Đô la Mỹ
  - ✓ 02 tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 19.000–26.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HC/HR-06/25 và PDV-HC/HR-07/25) hoặc 02 tàu hàng rời 55.000–75.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HC/HR-06/25 và PDV-HC/HR-07/25) với tổng mức đầu tư 58 triệu Đô la Mỹ, trong đó, vốn chủ sở hữu là 17,4 triệu Đô la Mỹ và vốn vay là 40,6 triệu Đô la Mỹ
- Dự án đầu tư tàu mới gồm
  - ✓ 01 tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 19.000–26.000 DWT hoặc tàu hàng rời 55.000–75.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HC/HR-08/26) với tổng mức đầu tư 45 triệu Đô la Mỹ, trong đó, vốn chủ sở hữu là 13,64 triệu Đô la Mỹ và vốn vay là 31,36 triệu Đô la Mỹ
  - ✓ Thuê Bareboat tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 19.000–26.000 DWT hoặc tàu hàng rời 25.000 – 75.000 DWT với tổng mức đầu tư 4,5 triệu Đô la Mỹ bằng vốn chủ sở hữu.
- Dự án đầu tư kho, cảng xăng dầu, hóa chất tổng hợp với tổng mức đầu tư là 6,5 triệu Đô la Mỹ bằng vốn chủ sở hữu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, ngoại trừ dự án PDV-HR-06/25 đã hoàn thành đầu tư, Công ty vẫn đang tiến hành triển khai, thực hiện các chủ trương đầu tư nêu trên, chưa có bất kỳ thỏa thuận nào với đối tác được ký kết.

25. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành bốn bộ phận hoạt động - Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận chuyển; Bộ phận kinh doanh thương mại; Bộ phận kinh doanh dịch vụ đại lý và Bộ phận kinh doanh các hoạt động khác. Công ty lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận theo bốn bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của bốn bộ phận kinh doanh như sau:

- Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận chuyển - kinh doanh vận tải bằng tàu. Toàn bộ doanh thu dịch vụ vận chuyển – kinh doanh vận tải bằng tàu đều là doanh thu phát sinh từ hoạt động vận tải quốc tế.

- Bộ phận kinh doanh thương mại - kinh doanh mua bán mặt hàng hạt nhựa và hàng hóa khác được thực hiện toàn bộ ở thị trường Việt Nam.

- Bộ phận kinh doanh các hoạt động khác bao gồm kinh doanh dịch vụ đại lý - kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển được thực hiện toàn bộ ở thị trường Việt Nam và kinh doanh từ cấp dầu, chuyển tải, cảng phí,.v.v. được thực hiện ở cả thị trường quốc tế và thị trường Việt Nam.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ

SỐ CUỐI KỲ	Dịch vụ vận chuyển VND	Thương mại VND	Hoạt động khác VND	Tổng VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	1.810.268.341.895	24.396.709.680	464.776.553	1.835.129.828.128
Tài sản không phân bổ				412.155.998.213
Tổng tài sản				**2.247.285.826.341**
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	1.110.526.356.299	24.471.401.766	15.115.893.184	1.150.113.651.249
Nợ phải trả không phân bổ				72.232.381.235
Tổng nợ phải trả				**1.222.346.032.484**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ

KỲ NÀY	Dịch vụ vận chuyển VND	Thương mại VND	Hoạt động khác VND	Tổng VND
Doanh thu				
Doanh thu thuần ra bên ngoài	611.370.263.650	509.921.590.700	1.449.268.514	1.122.741.122.864
Tổng doanh thu	611.370.263.650	509.921.590.700	1.449.268.514	1.122.741.122.864
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận gộp	81.504.809.415	153.903.000	72.367.356	81.731.079.771
Chi phí không phân bổ				(25.453.540.888)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				56.277.538.883
Doanh thu hoạt động tài chính				10.699.410.470
Lợi nhuận khác				14.516.102.455
Chi phí tài chính				(35.611.974.622)
Lợi nhuận trước thuế				45.881.077.186
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				(9.464.785.299)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận trong kỳ				36.416.291.887

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ

SỐ ĐẦU KỲ	Dịch vụ vận chuyển VND	Thương mại VND	Hoạt động khác VND	Tổng VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	1.873.435.391.513	-	1.108.015.133	1.874.543.406.646
Tài sản không phân bổ				359.489.350.543
Tổng tài sản				**2.234.032.757.189**
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	1.161.430.247.208	-	5.197.222.348	1.166.627.469.556
Nợ phải trả không phân bổ				26.292.830.063
Tổng nợ phải trả				**1.192.920.299.619**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ

KỲ TRƯỚC	Dịch vụ vận chuyển VND	Thương mại VND	Hoạt động khác VND	Tổng VND
Doanh thu				
Doanh thu thuần ra bên ngoài	535.770.606.953	278.504.338.440	7.354.692.024	821.629.637.417
Tổng doanh thu	535.770.606.953	278.504.338.440	7.354.692.024	821.629.637.417
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận gộp	50.529.789.400	150.870.510	1.761.029.381	52.441.689.291
Chi phí không phân bổ				(22.052.940.471)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				30.388.748.820
Doanh thu hoạt động tài chính				12.999.650.331
Lợi nhuận khác				10.762.349.938
Chi phí tài chính				(34.048.329.853)
Lợi nhuận trước thuế				20.102.419.236
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				(3.961.419.227)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận trong kỳ				**16.141.000.009**

26. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu thương mại	509.921.590.700	278.504.338.440
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	611.370.263.650	535.770.606.953
Doanh thu hoạt động khác	1.449.268.514	7.354.692.024
	1.122.741.122.864	**821.629.637.417**
Trong đó		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 35)	1.426.768.514	7.342.629.924

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn thương mại	509.767.687.700	278.353.467.930
Giá vốn dịch vụ vận chuyển	529.425.323.437	485.240.817.553
Giá vốn hoạt động khác	1.817.031.956	5.593.662.643
	1.041.010.043.093	**769.187.948.126**

28. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ trước (Phân loại lại) VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	87.771.558.190	111.125.420.526
Chi phí nhân công	86.238.558.574	68.187.717.188
Chi phí khấu hao tài sản cố định	102.443.248.698	86.919.880.126
Chi phí dịch vụ mua ngoài	194.518.023.723	164.592.533.923
Chi phí khác bằng tiền	85.724.507.096	82.061.868.904
Chi phí hàng hóa	509.767.687.700	278.353.467.930
	1.066.463.583.981	**791.240.888.597**

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi	6.068.401.290	8.377.901.380
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.631.009.180	4.621.748.951
	10.699.410.470	**12.999.650.331**
Trong đó		
Doanh thu từ hoạt động tài chính với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 35)	1.822.418.207	1.640.064.966

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	31.420.646.417	29.672.894.171
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.191.328.205	4.375.435.682
	35.611.974.622	**34.048.329.853**

31. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lương nhân viên	13.796.114.308	10.821.193.549
Chi phí khấu hao tài sản cố định	165.164.838	180.455.538
Chi phí mua ngoài	6.195.855.320	5.845.790.481
Các khoản khác	5.296.406.422	5.205.500.903
	25.453.540.888	**22.052.940.471**

32. THU NHẬP KHÁC

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập từ bảo hiểm bồi thường	13.012.122.360	9.802.132.279
Thu nhập khác	1.665.005.731	4.133.364.859
	14.677.128.091	**13.935.497.138**

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	9.464.785.299	3.961.419.227
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**9.464.785.299**	**3.961.419.227**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận trước thuế	**45.881.077.186**	**20.102.419.236**
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	3.775.621.372	220.159.835
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(2.332.772.064)	(515.482.940)
Thu nhập chịu thuế	**47.323.926.494**	**19.807.096.131**
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	**9.464.785.299**	**3.961.419.227**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế. Số thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 là số liệu tạm tính. Công ty sẽ xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp chính thức khi lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Kỳ này	Kỳ trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (VND)	36.416.291.887	16.141.000.009
Loại trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(2.000.000.000)	2.500.000.000
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	34.416.291.887	13.641.000.009
Số bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông đang lưu hành trong kỳ (cổ phiếu)	79.314.926	79.314.926
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	**434**	**172**

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khen thưởng Ban điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được trích theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01-2026/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 6 năm 2026. Theo đó, quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích theo tỷ lệ là 5,6% trên lợi nhuận sau thuế.

Quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 được ước tính dựa trên tỷ lệ trích thực tế của năm 2025 là 5,6% trên lợi nhuận sau thuế.

Cho mục đích trình bày số liệu so sánh với báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty đã thực hiện trình bày lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 căn cứ vào số quỹ khen thưởng, phúc lợi thực tế được phân phối từ lợi nhuận năm 2025. Chi tiết như sau:

	Số đã báo cáo VND	Thay đổi VND	Số sau trình bày lại VND
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	807.050.000	1.692.950.000	2.500.000.000
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	242.115.000	(242.115.000)	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.091.835.009	(1.450.835.000)	13.641.000.009
Số bình quân gia quyền của cổ phần đang lưu hành trong kỳ (cổ phiếu)	66.095.966	13.218.960	79.314.926
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	228	(56)	172

Trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính này, không có giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (trước đây là "Tập đoàn Dầu khí Việt Nam")	Cổ đông lớn của Công ty mẹ
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí - Công ty Dịch vụ Hàng hải Dầu khí	Cùng Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Hàng hải Thăng Long	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	Cùng Công ty mẹ
Chi nhánh công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương tại Thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	Cùng Công ty mẹ
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Thành viên Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam
Công ty TNHH Tân Long	Cổ đông lớn

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ hoạt động được trình bày trong các Thuyết minh số 6, 8, 14, 20 và 21.

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu quản lý tàu		
Công ty Cổ Phần Vận tải dầu khí Hà Nội	1.426.768.514	7.342.629.924
Doanh thu khác		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Khí Đông Dương	4.500.000	-
Công ty Bảo hiểm PVI Phía Nam	-	1.072.084.335
Thu nhập tài chính (lãi tiền gửi)		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	1.822.418.207	1.640.064.966
Mua hàng hóa/dịch vụ trong kỳ		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	88.781.902.642	91.968.986.561
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	115.566.853	186.474.431
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	-	256.698.000
Công ty Bảo hiểm PVI Phía Nam	9.126.853.323	7.725.339.939
Công ty CP Đầu tư xây lắp dầu khí Duyên Hải	19.932.577	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Khí Đông Dương	96.788.050	58.112.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương tại Thành phố Hồ Chí Minh	368.305.000	195.550.000

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lương, thưởng	2.475.935.700	2.586.809.511

Chi tiết thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng trong kỳ theo từng đối tượng cụ thể như sau:

Tên	Chức vụ	Kỳ này	Kỳ trước
		VND	VND
Hồ Sĩ Thuận	Chủ tịch HĐQT	473.680.000	471.000.000
Lê Trúc Lâm	Thành viên HĐQT/ Giám đốc	429.300.000	410.760.000
Đoàn Đình Hiếu	Thành viên HĐQT	15.000.000	30.000.000
Nguyễn Hoài Phương	Thành viên HĐQT	15.000.000	30.000.000
Hoàng Minh Tuấn	Thành viên HĐQT độc lập	-	30.000.000
Phan Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT độc lập	15.000.000	-
Vũ Trọng Độ	Phó Giám đốc	392.569.200	414.459.600
Nguyễn Xuân Lộc	Phó Giám đốc	398.337.600	415.512.000
Phạm Văn Nghĩa	Phó Giám đốc	366.750.000	380.401.411
Nguyễn Thái Đạo	Kế toán trưởng	343.298.900	350.676.500
Bùi Lan Anh	Trưởng Ban Kiểm Soát	12.000.000	24.000.000
Nguyễn Đức Quân	Thành viên Ban Kiểm Soát	7.500.000	15.000.000
Vũ Thị Phượng	Thành viên Ban Kiểm Soát	7.500.000	15.000.000
Tổng cộng		**2.475.935.700**	**2.586.809.511**

36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền lãi vay đã trả trong kỳ không bao gồm số tiền 5.967.367.969 đồng (kỳ trước: 4.670.477.513 đồng) là số tiền lãi vay phải trả phát sinh trong kỳ chưa được thanh toán và bao gồm số tiền 6.715.053.370 đồng (kỳ trước: 5.232.938.857 đồng) là chi phí lãi vay phát sinh trong năm trước đã thanh toán trong kỳ này.

Tiền thu lãi tiền gửi trong kỳ không bao gồm số tiền 4.367.812.250 đồng (kỳ trước: 3.236.622.639 đồng) là số tiền thu nhập lãi tiền gửi phát sinh trong kỳ nhưng chưa nhận được và bao gồm số tiền 952.205.480 đồng (kỳ trước: 3.286.863.016 đồng) là thu nhập lãi tiền gửi phát sinh trong năm trước đã nhận trong kỳ này.

Tiền chi mua tài sản cố định trong kỳ không bao gồm 80,585,396 đồng (kỳ trước: 222.932.000 đồng) là số tiền đã thanh toán trong kỳ trước để mua sắm tài sản cố định trong kỳ này và bao gồm số tiền 300.201.225 đồng (kỳ trước: 1.429.653.985 đồng) là chi phí mua sắm tài sản cố định trong năm trước được thanh toán trong kỳ này.

Tiền chi trả cổ tức đã trả cho chủ sở hữu trong kỳ không bao gồm 52.234.015.275 đồng (kỳ trước: 3.869.445.380 đồng) là số tiền dùng để chi trả cổ tức cho cổ đông phát sinh trong các năm trước mà chưa được thanh toán và bao gồm số tiền 65.514.755 đồng (kỳ trước: 4.108.580.900 đồng) là số tiền dùng để chi trả cổ tức cho cổ đông phát sinh trong các năm trước đã được chi trả một phần trong kỳ này.

37. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 28 tháng 7 năm 2026, tại Nghị quyết số 22/NQ-PĐV-HĐQT của Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt kết quả lựa chọn tàu hàng rời Ultramax trọng tải khoảng 60.000 – 68.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HR-06/25). Theo đó, ngày 14 tháng 8 năm 2026, Công ty đã hoàn tất thực hiện mua và nhận bàn giao tàu hàng rời Amis Wisdom (IMO No. 9589803, trọng tải 61.456 DWT, đóng năm 2011 tại Nhật Bản). Tàu sau khi mua đã được đổi tên thành PVT Opal.

Lê Thị Thu Hồng	**Nguyễn Thái Đạo**	**Lê Trúc Lâm**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
		Người đại diện theo pháp luật
		Phê duyệt, ngày 14 tháng 8 năm 2026

TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
Lầu 8, cao ốc Citilight, Số 45 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (84.28) 6291 1281 Fax: (84.28) 6291 1280

PVT LOGISTICS
TOGETHER WE GO FURTHER

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 03 NĂM 2026

Tp.HCM, năm 2026

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
Phòng 806, Lầu 8, Cao ốc Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, P.Tân Định, TP.HCM
Tel : (84.8)6 291 1281 Fax : (84.8)6 291 1280

(Mẫu số B 01-DN Ban hành theo Thông tư 99/2025/QĐ-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2026

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối Quý	Số đầu Năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**578,310,726,767**	**583,475,230,175**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**216,498,992,173**	**248,755,506,649**
1. Tiền	111	VII 1	41,165,451,077	38,068,287,470
2. Các khoản tương đương tiền	112	VII 1	175,333,541,096	210,687,219,179
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**31,145,972,602**	**20,264,986,301**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	VII 2	31,145,972,602	20,264,986,301
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**208,609,672,567**	**167,107,806,399**
1. Phải thu của khách hàng	131		149,931,860,778	96,705,554,865
2. Trả trước cho người bán	132		8,299,820,109	2,153,167,172
5. Các khoản phải thu khác	135	VII 3	60,710,349,095	78,581,441,777
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	136	VII 4	(10,332,357,415)	(10,332,357,415)
IV. Hàng tồn kho	**140**		**76,464,324,532**	**49,725,236,965**
1. Hàng tồn kho	141	VII 5	76,464,324,532	49,725,236,965
V. Tài sản ngắn hạn khác	**160**		**45,591,764,893**	**97,621,693,861**
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	VII 11a	18,748,548,349	16,155,657,506
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162	VII 14b	26,833,450,389	81,456,270,200
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	163	VII 14b	9,766,155	9,766,155
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**2,063,275,943,936**	**1,650,557,527,014**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**16,080,184,280**	**16,082,198,448**
6. Phải thu dài hạn khác	215		16,080,184,280	16,082,198,448
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**1,929,185,745,080**	**1,512,817,154,046**
1. Tài sản cố định hữu hình	221		1,929,080,880,093	1,512,668,844,615
- Nguyên giá	222	VII 7	2,519,566,399,136	1,941,927,077,976
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	*223*	*VII 7*	(590,485,519,043)	(429,258,233,361)
3. Tài sản cố định vô hình	227		104,864,987	148,309,431
- Nguyên giá	228	VII 8	518,000,000	518,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	*229*	*VII 8*	(413,135,013)	(369,690,569)
III. Tài sản dở dang dài hạn	**250**		**15,454,779,302**	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	VII 6	15,454,779,302	-
IV. Tài sản dài hạn khác	**270**		**102,555,235,274**	**121,658,174,520**
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	VII 11b	99,929,276,950	119,032,216,196
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		2,625,958,324	2,625,958,324
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**2,641,586,670,703**	**2,234,032,757,189**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối Quý	Số đầu Năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**1,593,046,479,081**	**1,192,920,299,619**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**590,867,976,736**	**389,147,014,109**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		199,648,363,070	97,417,759,759
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3,121,320,948	83,789,246
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		52,234,015,275	4,710,574,430
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	VII 14a	4,532,947,153	9,578,739,363
5. Phải trả người lao động	315		13,066,665,784	20,790,365,490
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	VII 15	35,417,094,110	27,616,218,578
7. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		10,928,900,562	5,901,784,712
8. Phải trả ngắn hạn khác	320	VII 16a	13,569,055,263	15,477,575,370
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	VII 12a	247,599,519,440	190,856,116,461
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		10,750,095,131	16,714,090,700
II. Nợ dài hạn	**330**		**1,002,178,502,345**	**803,773,285,510**
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	VII 12b	1,002,178,502,345	803,773,285,510
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**1,048,540,191,622**	**1,041,112,457,570**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	VII 20	**1,048,540,191,622**	**1,041,112,457,570**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		793,149,260,000	793,149,260,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(406,154,545)	(406,154,545)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		185,866,482,254	113,866,482,254
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		69,930,603,913	134,502,869,861
a. LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*420a*		9,913,914,261	44,934,957,755
b. LNST chưa phân phối kỳ này	*420b*		60,016,689,652	89,567,912,106
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**2,641,586,670,703**	**2,234,032,757,189**

TP.HCM, ngày 20 tháng 10 năm 2026

NGƯỜI LẬP	KẾ TOÁN TRƯỞNG	NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
LÊ TIẾN LONG	NGUYỄN THÁI ĐẠO	LÊ TRÚC LÂM

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
Phòng 806, Lầu 8, Cao ốc Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, P.Tân Định, TP.HCM
Tel : (84.8)6 291 1281 Fax : (84.8)6 291 1280

(Mẫu số B 02-DN (Ban hành theo Thông tư 99/2025/QĐ-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

QUÝ 03 NĂM 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý báo cáo		Lũy kế đầu năm đến kỳ báo cáo	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VIII.1	738,152,295,349	586,648,390,581	1,860,893,418,213	1,408,278,027,998
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VIII.2	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		738,152,295,349	586,648,390,581	1,860,893,418,213	1,408,278,027,998
4. Giá vốn hàng bán	11	VIII.3	683,791,907,139	546,125,471,974	1,724,801,950,232	1,315,313,420,100
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		54,360,388,210	40,522,918,607	136,091,467,981	92,964,607,898
6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VIII.4	8,338,287,688	8,005,432,369	22,494,327,678	21,005,082,700
7. Chi phí tài chính	23	VIII.5	21,704,529,501	17,135,938,423	60,773,133,643	51,184,268,276
Trong đó : Chi phí lãi vay	24		*18,084,064,226*	*16,202,479,782*	*49,504,710,643*	*45,875,373,953*
8. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		12,127,447,264	12,420,885,394	37,580,988,152	34,473,825,865
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh:	30		28,866,699,133	18,971,527,159	60,231,673,864	28,311,596,457
11. Thu nhập khác	31	VIII.6	1,606,892,625	21,903,785,305	16,284,020,716	35,839,282,443
12. Chi phí khác	32	VIII.7	1,098,883,639	376,204,354	1,259,909,275	3,549,351,554
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		508,008,986	21,527,580,951	15,024,111,441	32,289,930,889
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 30+40)	50		29,374,708,119	40,499,108,110	75,255,785,305	60,601,527,346
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VIII.9	5,774,310,354	8,049,231,658	15,239,095,653	12,010,650,885
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VIII.10	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 50-51-52)	60		23,600,397,765	32,449,876,452	60,016,689,652	48,590,876,461

Tp.HCM,ngày 20 tháng 10 năm 2026

NGƯỜI LẬP	KẾ TOÁN TRƯỞNG	NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
LÊ TIẾN LONG	NGUYỄN THÁI ĐẠO	LÊ TRÚC LÂM

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
Phòng 806, Lầu 8, Cao ốc Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, P.Tân Định, TP.HCM
Tel : (84.8)6 291 1281 Fax : (84.8)6 291 1280

(Mẫu số B 03-DN (Ban hành theo Thông tư 99/2025/QĐ-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Từ ngày 01 tháng 01 đến 30 tháng 9 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế đầu năm đến kỳ báo cáo	
			Từ 01/01/2026 đến 30/9/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/9/2025
I . Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		**75.255.785.305**	**60.601.527.346**
2. Điều chỉnh cho các khoản			**204.852.227.784**	**164.199.549.813**
- Khấu hao TSCĐ	02		161.270.730.126	135.308.868.847
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi/ lỗ chênh lệch tỷ giá hoái đoái chưa thực hiện	04		108.158.671	1.393.208.393
- Lãi/ lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.031.371.656)	(18.377.901.380)
- Chi phí lãi vay	06		49.504.710.643	45.875.373.953
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		**280.108.013.089**	**224.801.077.159**
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		13.305.014.400	3.908.552.057
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		26.739.087.567	(4.409.222.519)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay, thuế thu nhập phải nộp)	11		46.941.581.030	(1.880.598.122)
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		16.510.048.403	8.876.893.047
- Tiền lãi vay đã tra	14		(47.407.381.655)	(44.564.611.964)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(20.223.737.490)	(24.864.382.996)
- Tiền chi khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	17		(7.818.618.338)	(982.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**308.154.007.006**	**160.885.106.662**
II . Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	VII.6,7,8,9	(577.487.933.160)	(311.119.761.144)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(80.000.000.000)	(40.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		50.000.000.000	120.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.837.596.865	13.739.174.848
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(598.650.336.295)**	**(217.380.586.296)**
III . Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		401.487.450.000	211.000.000.000
4. Tiền chi tra nợ gốc vay	34		(143.017.730.078)	(108.467.026.111)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	21	(65.514.755)	(31.869.997.145)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**258.404.205.167**	**70.662.976.744**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	**50**		**(32.092.124.122)**	**14.167.497.110**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**248.755.506.649**	**220.877.351.697**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(164.390.354)	(144.666.862)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	**70**		**216.498.992.173**	**234.900.181.945**

Tp HCM,ngày 20 tháng 10 năm 2026

NGƯỜI LẬP	KẾ TOÁN TRƯỞNG	NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
LÊ TIẾN LONG	NGUYỄN THÁI ĐẠO	LÊ TRÚC LÂM

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
Phòng 806, Lầu 8, Cao ốc Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, P.Tân Định, TP.HCM
Tel : (84.8)6 291 1281 Fax : (84.8)6 291 1280

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ 03 NĂM 2026

I. Đặc điểm hoạt động của Doanh Nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn : Vốn thuộc sở hữu Công ty Cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh : Vận tải - Dịch vụ - Thương mại

3. Ngành nghề kinh doanh:

Kinh doanh vận tải biển; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ôtô; Kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Dịch vụ môi giới hàng hải; Dịch vụ cung ứng tàu biển; Đại lý hàng hải; Dịch vụ sửa chữa tàu biển (không hoạt động tại Trụ sở); Cho thuê phương tiện vận tải: tàu biển, xe ôtô, xe cơ giới; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Dạy nghề; Chuẩn bị mặt bằng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:

6. Cấu trúc doanh nghiệp

6.1 Danh sách các công ty con:

6.2 Danh sách các công ty liên doanh, liên kết:

6.3 Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng:

- Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư 99/2025/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành ngày 27/10/2025 và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2026.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Công ty báo cáo đã tuân thủ nghiêm túc và kịp thời các Chuẩn mực kế toán căn cứ vào các thông tư hướng dẫn của Bộ Tài Chính ban hành, đúng và đủ các qui định theo chế độ kế toán Việt Nam.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy tính

IV. Thông tin chung

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt (gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Dầu mỏ Phương Đông, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006478 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 4 năm 2007 và các giấy Chứng nhận điều chỉnh, giấy Chứng nhận điều chỉnh lần thứ 21 số: 0304934883, ngày 31/12/2025. Trụ sở chính của Công ty đặt tại Lầu 8, Cao ốc Citilight, Số 45 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2026 là 417 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: 449 người).

2. Hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương (Chi tiết: Kinh doanh vận tải biển)

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 01 chi nhánh, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với mã số chi nhánh 0304934883-005 ngày 18 tháng 8 năm 2023, địa chỉ của Chi nhánh đặt tại 232 Nguyễn Văn Hưởng, Phường An Khánh, TP.HCM, Việt Nam.

V. Các chính sách kế toán áp dụng:

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

- Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.

Tiền để lập báo cáo tài chính là đồng Việt Nam, các nghiệp vụ phát sinh có thu bằng ngoại tệ khác được quy đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá ngân hàng tại thời điểm phát sinh.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kiểm kê định kỳ
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất khi giá ghi sổ của chúng cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ:

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính):

TSCĐ hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá và giá trị còn lại được phân theo nhóm: Nhà cửa - vật kiến trúc; máy móc thiết bị; phương tiện vận tải và chuyên dùng; thiết bị dụng cụ quản lý.TSCĐ vô hình là chương trình phần mềm quản lý.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính):

Phương pháp khấu hao TSCĐ: phương pháp khấu hao đường thẳng, tỷ lệ khấu hao hàng năm được áp dụng phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 25/04/2013.

- Doanh nghiệp không được tiếp tục tính khấu hao đối với những TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

- Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.
- Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác :

- Chi phí trả trước dài hạn có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng hoặc sản xuất phục vụ mục đích kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ một đến ba năm kể từ ngày phát sinh.
- Phương pháp và thời gian phân bổ lợi thế thương mại:

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Việc ghi nhận doanh thu và chi phí phải phù hợp với nhau. Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng với doanh thu gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí trả trước, dự phòng:

- Chi phí trả trước được ghi nhận khi các nghiệp vụ phát sinh đã hoàn thành, có chứng từ hợp lệ, tuân thu nguyên tắc chi phí phù hợp doanh số sẽ thu.
- Các khoản dự phòng chỉ thực hiện khi có phát sinh phù hợp qui định của Bộ Tài Chính cho phép.
- Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Vốn chủ sở hữu được phản ánh trong Bảng cân đối kế toán, gồm: vốn của các nhà đầu tư, thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận giữ lại, các quỹ, lợi nhuận chưa phân phối, chênh lệch tỷ giá và chênh lệch đánh giá lại tài sản.

- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu mua lại: Căn cứ điều lệ hoạt động, cổ phiếu đang lưu hành được mua lại là cổ phiếu ngân quỹ được hạch toán giảm nguồn vốn cổ phần.

- Ghi nhận cổ tức: Cổ tức được ghi nhận trên cơ sở trích theo tỷ lệ đăng ký trên lợi nhuận sau thuế được thông qua tại kỳ họp đại hội cổ đông thường niên.

- Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Các quỹ Công ty được ghi nhận trên cơ sở trích theo tỷ lệ % trên lợi nhuận sau thuế được thông qua tại kỳ họp đại hội cổ đông thường niên.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi các giao dịch về cung cấp dịch vụ phát sinh theo yêu cầu được xác định đã hoàn thành, giá trị hợp lý, chắc chắn sẽ thu hoặc đã thu.

- Doanh thu hoạt động tài chính: là các khoản thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, lợi nhuận được chia từ việc góp vốn liên doanh.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:

- Chi phí tài chính trong kỳ : là các khoản chi phí phát sinh do chênh lệch tỷ giá trong quá trình mua hàng hóa dịch vụ và thời điểm thanh toán.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

14. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái.

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được qui đổi ra đồng Việt Nam tại thời điểm ghi nhận trong sổ sách kế toán theo tỷ giá liên ngân hàng.

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác:

- Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty được đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng thống nhất tại Công ty mẹ và các công ty con.

- Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

17. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi

18. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Vốn chủ sở hữu được phản ánh trong Bảng cân đối kế toán, gồm: vốn của các nhà đầu tư, thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận giữ lại, các quỹ, lợi nhuận chưa phân phối, chênh lệch tỷ giá và chênh lệch đánh giá lại tài sản.

- Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Các quỹ Công ty được ghi nhận trên cơ sở trích theo tỷ lệ % trên lợi nhuận sau thuế được thông qua tại kỳ họp đại hội cổ đông thường niên.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi các giao dịch về cung cấp dịch vụ phát sinh theo yêu cầu được xác định đã hoàn thành, giá trị hợp lý, chắc chắn sẽ thu hoặc đã thu.

- Doanh thu hoạt động tài chính: là các khoản thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, lợi nhuận được chia từ việc góp vốn liên doanh.

20. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

21. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

- Giá vốn hàng bán : được ghi nhận khi các giao dịch về mua bán vật tư, hàng hóa, dịch vụ phát sinh theo yêu cầu được xác định đã hoàn thành, và chuyển giao quyền sở hữu.

22. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính.

23. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

24. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

- Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

25. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

VI. Các chính sách kế toán áp dụng:

1. Có tái phân loại tài sản dài hạn và nợ phải trả dài hạn thành ngắn hạn

2. Nguyên tắc xác định giá trị từng loại tài sản và nợ phải trả (theo giá trị thuần có thể thực hiện được, giá trị có thể thu hồi, giá trị hợp lý, giá trị hiện tại, giá hiện hành...)

3. Nguyên tắc xử lý tài chính đối với:

- Các khoản dự phòng:
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá.

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1 Tiền	30/09/2026	31/12/2025
- Tiền mặt	539,029,399	261,312,432
- Tiền gửi ngân hàng	40,626,421,678	37,806,975,038
- Các khoản tương đương tiền	175,333,541,096	210,687,219,179
Cộng	**216,498,992,173**	**248,755,506,649**

2 Các khoản đầu tư tài chính

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	30/09/2026		31/12/2025	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
b1) Ngắn hạn	31,145,972,602	-	20,264,986,301	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	31,145,972,602	-	20,264,986,301	-
- Trái phiếu	-	-	-	-
- Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-
b2) Dài hạn	-	-	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn		-	-	-
- Trái phiếu	-	-	-	-
- Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-
	31,145,972,602	-	**20,264,986,301**	-

3 **Phải thu khác**

	30/09/2026		31/12/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
b1) Ngắn hạn	60,710,349,095	-	78,581,441,777	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-	-	-
- Phải thu người lao động	5,206,075,811	-	2,823,633,092	-
- Ký cược, ký quỹ	26,571,300,380	-	26,099,442,250	-
- Các khoản chi hộ	-	-	-	-
- Phải thu khác	28,932,972,904		49,658,366,435	
b2) Dài hạn	16,080,184,280	-	16,082,198,448	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia				
- Phải thu người lao động				
- Ký cược, ký quỹ	16,080,184,280		16,082,198,448	
- Các khoản chi hộ				
- Phải thu khác				
	76,790,533,375	-	**94,663,640,225**	-

4 **Nợ xấu**

DIỄN GIẢI	30/09/2026			31/12/2025		
	Giá trị trích lập	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng Nợ	Giá trị trích lập	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng Nợ
Hao hụt tàu năm 2010	263,113,139		Tàu PDS	263,113,139		Tàu PDS
Hao hụt tàu 2014-2015	307,629,711		Tàu PDS	307,629,711		Tàu PDS
Tiền bao lãnh để release tàu Jupiter	6,528,040,420		BHATT & SALDANHA	6,528,040,420		BHATT & SALDANHA
Tiền bao lãnh để release tàu Pvoil Venus	3,233,574,145		BHATT & SALDANHA	3,233,574,145		BHATT & SALDANHA
Tổng cộng	**10,332,357,415**	-		**10,332,357,415**	-	

5 **Hàng Tồn Kho**

	30/09/2026		31/12/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi trên đường	-	-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	24,143,907,421	-	18,572,276,468	-
- Vật tư, phụ tùng, công cụ, dụng cụ	52,320,417,111	-	31,152,960,497	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	-	-
- Thành phẩm	-	-	-	-
- Hàng hóa	-	-	-	-
- Hàng gửi bán	-	-	-	-
- Hàng hóa kho bảo thuế	-	-	-	-
	76,464,324,532	-	**49,725,236,965**	-

	30/09/2026	31/12/2025
6 Tài sản dở dang dài hạn		
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15,454,779,302	-

7 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	-	1,754,644,535	1,940,172,433,441	-	-	1,941,927,077,976
- Mua trong kỳ	-	151,388,000	577,487,933,160	-	-	577,639,321,160
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-		-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư (-)	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán (-)	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác (-)	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	1,906,032,535	2,517,660,366,601	-	-	2,519,566,399,136
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	-	1,343,938,942	427,914,294,419	-	-	429,258,233,361
- Khấu hao trong kỳ	-	197,434,136	161,029,851,546		-	161,227,285,682
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư (-)	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán (-)	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác (-)	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	1,541,373,078	588,944,145,965	-	-	590,485,519,043
Giá trị còn lại của TSCĐ HH						
- Tại ngày đầu kỳ	-	410,705,593	1,512,258,139,022	-	-	1,512,668,844,615
- Tại ngày cuối kỳ	-	364,659,457	1,928,716,220,636	-	-	1,929,080,880,093

8 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hoá	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình						
Số dư đầu năm	-	-	-	518,000,000	-	518,000,000
- Mua trong kỳ	-	-	-		-	-
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán (-)	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác (-)	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	518,000,000	-	518,000,000
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm		-	-	369,690,569	-	369,690,569
- Khấu hao trong kỳ	-	-	-	43,444,444	-	43,444,444
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán (-)	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác (-)	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	413,135,013	-	413,135,013
Giá trị còn lại của TSCĐ VH						
- Tại ngày đầu kỳ	-	-	-	148,309,431	-	148,309,431
- Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	104,864,987	-	104,864,987

9	**Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính:**	-	-
10	**Tăng, giảm bất động sản đầu tư**	-	-
11	**Chi phí trả trước**	**30/09/2026**	**31/12/2025**
	a) Ngắn hạn	**18,748,548,349**	**16,155,657,506**
	- Các khoản khác (nêu chi tiết nếu có thể)	18,748,548,349	16,155,657,506
181	+ Vật tư đội tàu công ty	2,613,569,866	2,384,610,497
	+ Phí bảo hiểm đội tàu công ty	8,843,656,358	7,719,384,222
	+ Khác	7,291,322,125	6,051,662,787
	b) Dài hạn	**99,929,276,950**	**119,032,216,196**
	- Một phần cước thuê tàu trả trước 6 năm tàu PVT Flora	8,452,051,575	12,748,904,610
	- Một phần cước thuê tàu trả trước 7 năm tàu PVT Diamond	5,146,279,325	7,620,104,833
	- Chi phí sửa chữa lớn tàu PVT Neptune	-	2,928,666,641
	- Chi phí sửa chữa lớn tàu PVT Diamond	4,280,317,691	9,758,338,961
	- Chi phí sửa chữa lớn tàu PVT Flora	12,259,706,873	20,803,778,681
	- Chi phí sửa chữa lớn tàu PVT Jupiter	-	1,532,316,101
	- Chi phí sửa chữa lớn tàu PVT Venus	12,191,627,569	20,193,818,975
	- Chi phí sửa chữa lớn tàu PVT Saturn	28,254,939,379	2,796,866,414
	- Chi phí sửa chữa lớn tàu PVT Pearl	21,884,139,664	35,634,707,053
	- Các khoản khác (nêu chi tiết nếu có thể)	7,460,214,875	5,014,713,926
		118,677,825,299	**135,187,873,702**

12 **Vay và nợ thuê tài chính**

	30/09/2026		Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	31/12/2025	
	Giá trị	Khả năng trả nợ			Giá trị	Khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	**247,899,519,440**	**247,899,519,440**	-	**271,722,023**	**190,856,116,461**	**190,856,116,461**
HDTD 370-2020 CTP Bank)-PVT Venus	16,771,988,727	16,771,988,727	-	-	16,771,988,725	16,771,988,725
HDTD 0675-2019 (OCB)-Neptune	15,907,085,713	15,907,085,713	-	271,722,023	16,178,807,736	16,178,807,736
HDTD 017.21.02.0085 (VCBank)-PVT Jupiter	47,905,320,000	47,905,320,000	-	-	47,905,320,000	47,905,320,000
VCB-Tay Sai Gon	-	-	-	-	-	-
HDTD 01.2025.042615 HDV NKKS PVT Emerald	30,000,000,000	30,000,000,000	-	-	30,000,000,000	30,000,000,000
HDTD 24/5475615 HDV Trang Tiền-PVT Topaz	38,000,000,000	38,000,000,000	-	-	38,000,000,000	38,000,000,000
HDTD 01.25.04.2615 HDV Trang Tiền-PVT Coral	42,000,000,000	42,000,000,000	-	-	42,000,000,000	42,000,000,000
Ngân hàng KASIKORNBANK	57,015,125,000	57,015,125,000	57,015,125,000	-	-	-
b) Vay dài hạn (Chi tiết theo kỳ hạn)	**1,002,378,502,345**	**1,002,378,502,345**	-	**143,685,533,165**	**803,773,285,510**	**803,773,285,510**
HDTD 017.21.02.0085 (VCBank)-PVT Jupiter	131,739,630,000	131,739,630,000	-	35,928,990,000	167,668,620,000	167,668,620,000
HDTD 370-2020 CTP Bank)-PVT Venus	4,192,997,185	4,192,997,185	-	12,578,991,543	16,771,988,728	16,771,988,728
HDTD 24.04.7615 HDV Trang Tiền-PVT Topaz	161,200,750,000	161,200,750,000	-	28,500,000,000	189,700,750,000	189,700,750,000
HDTD 01.25.04.2615 HDV Trang Tiền-PVT Coral	180,140,100,000	180,140,100,000	-	31,500,000,000	211,640,100,000	211,640,100,000
HDTD 01.2025.042615 HDV NKKS PVT Emerald	151,000,000,000	151,000,000,000	-	22,500,000,000	173,500,000,000	173,500,000,000
HDTD 0675-2019 (OCB)-Neptune	31,814,275,160	31,814,275,160	-	12,677,551,622	44,491,826,782	44,491,826,782
Ngân hàng KASIKORNBANK	342,090,750,000	342,090,750,000	342,090,750,000	-	-	-
	1,249,778,021,785	1,249,778,021,785	-	143,957,255,188	994,629,401,971	994,629,401,971

13 **Trái phiếu phát hành**

14 **Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	31/12/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	30/09/2026
a) Phải nộp	**9,578,739,363**	**16,628,685,265**	**21,674,477,475**	**4,532,947,153**
Thuế GTGT đầu ra hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	42,184,969	42,184,969	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	17,048,753	17,048,753	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9,445,067,345	15,239,095,653	20,223,737,490	4,460,425,508
Thuế thu nhập cá nhân	133,672,018	1,162,696,945	1,223,847,318	72,521,645
Thuế nhà thầu nộp thay	-	-	-	-
Thuế môn bài	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	167,658,945	167,658,945	-
b) Phải thu	**9,766,155**	-	-	**9,766,155**
Thuế GTGT đầu ra hàng bán nội địa	9,766,155	-	-	9,766,155
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	-	-

15 Chi phí phải trả	30/09/2026	31/12/2025
a) Ngắn hạn		
- Chi phí lãi vay	9,145,882,926	6,715,053,370
- Các khoản trích trước khác (*)	26,271,211,184	20,901,165,208
Cộng	**35,417,094,110**	**27,616,218,578**
b) Dài hạn		
- Chi phí lãi vay	-	-
- Các khoản trích trước khác	-	-
Cộng	-	-

16 Phải trả khác	30/09/2026	31/12/2025
a) Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết		
- Kinh phí công đoàn	204,494,071	189,148,452
- Bảo hiểm xã hội	-	8,205,004
- Bảo hiểm y tế	-	251,860,070
- Bảo hiểm thất nghiệp	38,650,306	31,269,626
- Phải trả về tiền giữ hộ thuyền viên	9,258,958,418	9,620,330,586
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4,066,952,468	5,376,761,632
Cộng	**13,569,055,263**	**15,477,575,370**
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	-
Cộng	-	-

17 Doanh thu chưa thực hiện	30/09/2026	31/12/2025
a) Ngắn hạn		
- Doanh thu nhận trước	10,928,900,562	5,901,784,712
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	-	-
Cộng	**10,928,900,562**	**5,901,784,712**
b) Dài hạn		
- Khả năng không thực hiện được hợp đồng với khách hàng	-	-
Cộng	-	-

18 Dự phòng phải trả	30/09/2026	31/12/2025
a) Ngắn hạn		
- Chi phí bảo hành	-	-
- Chi phí sửa chữa TSCĐ định kỳ (phân loại CP < 1 năm)	-	-
- Dự phòng phải trả khác	-	-
Cộng	-	-
b) Dài hạn		
- Chi phí bảo hành	-	-
- Chi phí sửa chữa TSCĐ định kỳ (phân loại trên 1 năm)	-	-
- Dự phòng phải trả khác	-	-
Cộng	-	-

19 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả	30/09/2026	31/12/2025
a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.625.958.324	2.625.958.324
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	-
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng	-	-
- Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	**2,625,958,324**	**2,625,958,324**
b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	-	-
- Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-

20 Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	CỘNG
Số dư đầu năm trước	660,959,660,000	(406,154,545)	-	113,866,482,254	224,755,649,714	999,175,637,423
- Tăng vốn trong kỳ	132,189,600,000	-	-	-	-	132,189,600,000
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	89,567,912,106	89,567,912,106
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong kỳ (-)	-	-	-	-	(132,189,600,000)	(132,189,600,000)
- Lỗ trong kỳ (-)	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác (-)	-	-	-	-	(47,631,091,959)	(47,631,091,959)
Số dư cuối năm trước	**793,149,260,000**	**(406,154,545)**	**-**	**113,866,482,254**	**134,502,869,861**	**1,041,112,457,570**
Số dư đầu kỳ này	**793,149,260,000**	**(406,154,545)**	**-**	**113,866,482,254**	**134,502,869,861**	**1,041,112,457,570**
- Tăng vốn trong kỳ (*)	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	60,016,689,652	60,016,689,652
- Tăng khác	-	-	-	72,000,000,000	-	72,000,000,000
- Giảm vốn trong kỳ (-)	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong kỳ (-)	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác (-)	-	-	-	-	(124,588,955,600)	(124,588,955,600)
Số dư cuối kỳ này	**793,149,260,000**	**(406,154,545)**	**-**	**185,866,482,254**	**69,930,603,913**	**1,048,540,191,622**

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	30/09/2026	31/12/2025
- Vốn góp của Công ty mẹ	411,423,280,000	411,423,280,000
- Vốn góp của các đối tượng khác	381,725,980,000	381,725,980,000
- Số lượng Cổ phiếu quỹ:	-	-
	793,149,260,000	**793,149,260,000**

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	793,149,260,000	793,149,260,000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	793,149,260,000	793,149,260,000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ tức	30/09/2026	31/12/2025
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:	-	-

đ) Cổ phiếu	30/09/2026	31/12/2025
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	79,314,926	79,314,926
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	79,314,926	79,314,926
+ Cổ phiếu phổ thông	79,314,926	79,314,926
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	79,314,926	79,314,926
+ Cổ phiếu phổ thông	79,314,926	79,314,926
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 VND/Cổ phiếu

e) Các quỹ của doanh nghiệp:	30/09/2026	31/12/2025
- Quỹ đầu tư phát triển	185,866,482,254	113,866,482,254
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

21 Nguồn kinh phí

22 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán	30/09/2026	31/12/2025
a) Tài sản thuê ngoài	-	-
b) Tài sản nhận giữ hộ	-	-
c) Ngoại tệ các loại:	-	-
- USD	1,362,400.43	1,093,944
- EUR	100.00	100
- JPY	-	-
- SGD		
d) Nợ khó đòi đã xử lý:	8,924,154,792	8,924,154,792

23 Các thông tin khác do doanh nghiệp tự thuyết minh, giải trình

- ...

VIII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý 03/2026	Quý 03/2025
- Doanh thu dịch vụ vận tải	404,339,692,724	264,378,876,268
- Doanh thu thương mại	333,543,989,050	318,935,511,125
- Doanh thu đại lý	-	-
- Doanh thu khác	268,613,575	3,334,003,188
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	-
Cộng	738,152,295,349	586,648,390,581

2 Các khoản giảm trừ doanh thu	Quý 03/2026	Quý 03/2025
- Chiết khấu thương mại	-	-
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	-	-
Cộng	-	-

3 Giá vốn hàng bán	Quý 03/2026	Quý 03/2025
- Giá vốn dịch vụ vận tải	349,846,725,806	224,309,289,553
- Giá vốn thương mại	333,443,847,750	318,843,709,000
- Giá vốn đại lý	-	69,931,408
- Giá vốn khác	501,333,583	2,902,542,013
Cộng	**683,791,907,139**	**546,125,471,974**

4 Doanh thu hoạt động tài chính	Quý 03/2026	Quý 03/2025
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3,296,503,793	2,813,047,437
- Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	2,157,397,544	5,192,384,932
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	2,884,386,351	-
Cộng	**8,338,287,688**	**8,005,432,369**

5 Chi phí tài chính	Quý 03/2026	Quý 03/2025
- Lãi tiền vay	18,084,064,226	16,202,479,782
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	3,620,465,275	1,399,159,748
- Chi phí tài chính khác	-	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	-	(465,701,107)
Cộng	**21,704,529,501**	**17,135,938,423**

6 Thu nhập khác	Quý 03/2026	Quý 03/2025
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	-
- Tiền bồi thường thu được	-	-
- Các khoản khác	1,606,892,625	21,903,785,305
Cộng	**1,606,892,625**	**21,903,785,305**

7 Chi phí khác	Quý 03/2026	Quý 03/2025
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	-
- Các khoản bị phạt	-	-
- Chi phí khác	1,098,883,639	376,204,354
Cộng	**1,098,883,639**	**376,204,354**

8 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a) Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Quý 03/2026	Quý 03/2025
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12,725,429,410	8,650,505,668
- Chi phí nhân công	33,589,933,918	30,562,576,346
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	58,819,481,427	48,297,901,617
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	588,610,913,761	467,024,851,650
- Chi phí khác bằng tiền	2,173,595,887	4,010,522,087
Cộng	**695,919,354,403**	**558,546,357,368**

b) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Quý 03/2026	Quý 03/2025
- Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa; tái cơ cấu, dự phòng khác		
- Các khoản ghi giảm khác		

9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2026	Năm 2025
- Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ báo cáo:	75,255,785,305	60,601,527,346
- Điều chỉnh trong kỳ:	4,269,932,351	(548,272,921)
+ *Thu nhập không chịu thuế*	(700,399,498)	(3,334,269,701)
+ *Các khoản chi phí không được khấu trừ*	4,970,331,848	2,785,996,780
+ *Các khoản điều chỉnh khác*	(666,047,878)	
- Thu nhập chịu thuế trong kỳ báo cáo	79,525,717,656	60,053,254,425
- Lỗ năm trước mang sang (-)	-	-
- Thuế suất trong kỳ báo cáo	20%	20%
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**15,239,095,653**	**12,010,650,885**

10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	Năm 2026	Năm 2025
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	-
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ (-)	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng:	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả:	-	-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-

IX. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	Năm 2026	Năm 2025
a) Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính:	-	-
b) Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo	-	-
c) Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện	-	-

X. Những thông tin khác

1 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:

a) Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết:	30/09/2026	31/12/2025
- Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo KQKD trong kỳ:	-	-

b) Công cụ tài chính:

b.1 Hệ số đòn bẩy tài chính :	30/09/2026	31/12/2025
+ Các khoản vay	1,249,778,021,785	994,629,401,971
Trừ : Tiền và tương đương tiền	216,498,992,173	248,755,506,649
+ Nợ thuần	1,033,279,029,612	745,873,895,322
+ Vốn chủ sở hữu	1,048,540,191,622	1,041,112,457,570
Tỷ lệ nợ thuần trên Vốn chủ sở hữu	**0.99**	**0.72**

b.2 Quản lý rủi ro thanh khoản :	30/09/2026	31/12/2025
Tài sản tài chính		
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	216,498,992,173	248,755,506,649
+ Phải thu khách hàng và phải thu khác	210,642,209,873	175,286,996,642
+ Đầu tư tài chính	-	-
Tổng cộng	**427,141,202,046**	**424,042,503,291**
Công nợ tài chính		
+ Các khoản vay	1,249,778,021,785	994,629,401,971
+ Phải trả người bán và phải trả khác	213,217,418,333	112,895,335,129
+ Chi phí phải trả	35,417,094,110	27,616,218,578
Tổng cộng	**1,498,412,534,228**	**1,135,140,955,678**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**(1,071,271,332,182)**	**(711,098,452,387)**

- Tình thanh khoản này cho thấy mức chênh lệch giữa công nợ và tài sản khi đến hạn trong kỳ (dài hạn):

- Chênh lệch trên được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

b.3 Quản lý rủi ro tỷ giá:

2 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

3 Thông tin về các bên liên quan:

Cổ tức:	-	-
	-	-

Nghiệp vụ, số dư Tổng Công ty với các đơn vị thành viên:

Quý 03/2026	Doanh thu bán hàng	Doanh thu tài chính khác	Phải thu thương mại	Phải thu khác	Phải trả thương mại	Phải trả khác
Tổng Cty CP Vận tải Dầu khí					8,700,992,409	
Cty CP Vận tải dầu khí Sài Gòn						
Cty CP Vận tải dầu khí Thị Nại	202,063,575		211,079,484			
Cty CP Hóa Dầu Dung Quất						50,000,000
Cty CP vận tải dầu khí Thái Bình Dương						
Cty CP Vận tải xăng dầu Phương Nam	43,549,800					
Cty CP vận tải sản phẩm khí Quốc tế						
Cty CP Vận tải và DV Phương Đông Việt						
Cty CP vận tải dầu khí Đông Dương	2,700,000					39,388,680
Chi nhánh Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí						
Chi nhánh Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương tại TP Hồ Chí Minh					87,311,000	
	248,613,375	-	211,079,484	-	8,788,303,409	89,388,680

Nghiệp vụ, số dư Công ty với các đơn vị của Tập đoàn Dầu khí Việt nam:	Quý 03/2026	Quý 03/2025
- Doanh thu dịch vụ - thương mại	-	-
- Chi phí lãi vay	-	-
- Phải thu thương mại	-	-
- Phải thu khác	197,157,534	197,157,534
- Phải trả thương mại	256,698,000	256,698,000
- Phải trả khác	296,972,932	296,972,932

4 Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận:

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 4 bộ phận hoạt động : a) Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải; b) Bộ phận kinh doanh dịch vụ đại lý; c) Bộ phận kinh doanh dịch vụ khác và d) Hoạt động thương mại.

a) Tài sản theo lĩnh vực kinh doanh

Tại ngày 30/09/2026	Dịch vụ vận tải	Dịch vụ OFS/FPSO	Dịch vụ khác	Thương mại	TỔNG
Tài sản bộ phận	2,517,660,366,601	-	-	-	2,517,660,366,601
Tài sản không phân bổ	-	-	-	1,906,032,535	1,906,032,535
Tổng tài sản					**2,519,566,399,136**

Nợ phải trả bộ phận	1,487,363,811,197	-	67,349,908,459	19,521,424,936	1,574,235,144,592
Nợ phải trả không bộ phận	-	-	-	18,341,746,540	18,341,746,540
Tổng nợ phải trả					**1,592,576,891,132**

Quý	Dịch vụ vận tải	Thương mại	Dịch vụ đại lý	Dịch vụ khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
1. Doanh thu gộp	404,339,692,724	333,543,989,050	-	268,613,575	738,152,295,349
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần	**404,339,692,724**	**333,543,989,050**	-	**268,613,575**	**738,152,295,349**

b) Doanh thu theo lĩnh vực bộ phận

	Quý 03/2026	Quý 03/2025
- Dịch vụ vận tải	404,339,692,724	264,378,876,268
- Dịch vụ khác	268,613,575	3,334,003,188
- Thương mại	333,543,989,050	318,935,511,125
	738,152,295,349	**586,648,390,581**

c) Giá vốn theo lĩnh vực bộ phận

	Quý 03/2026	Quý 03/2025
- Dịch vụ vận tải	349,846,725,806	224,309,289,553
- Dịch vụ khác	501,333,583	2,972,473,421
- Thương mại	333,443,847,750	318,843,709,000
	683,791,907,139	**546,125,471,974**

d) Kết quả kinh doanh theo lĩnh vực bộ phận

	Quý 03/2026	Quý 03/2025
- Dịch vụ vận tải	54,492,966,918	40,069,586,715
- Dịch vụ khác	(232,720,008)	361,529,767
- Thương mại	100,141,300	91,802,125
	54,360,388,210	**40,522,918,607**

5 **Thông tin so sánh:**

Lợi nhuận sau thuế giảm so với Quý báo cáo cùng kỳ năm trước :

Đvt: đồng Việt Nam

Nội dung	Quý 03/2026	Quý 03/2025	Chênh lệch	%CL 2026/2025
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	738,152,295,349	586,648,390,581	151,503,904,768	25.83%
- Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế	23,600,397,765	32,449,876,452	(8,849,478,687)	-27.27%

Nguyên nhân chênh lệch:

Doanh thu thuần Quý 3/2026 tăng 26% so với cùng kỳ năm 2025, chủ yếu nhờ gia tăng doanh thu từ việc đầu tư tăng thêm 01 tàu PVT Opal đưa vào khai thác và hoạt động thương mại. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế giảm 27% so với cùng kỳ 2025 do ảnh hưởng địa chính trị tại khu vực Trung Đông làm cho giá cước một số tàu giảm, trong khi chi phí nhiên liệu, dầu nhờn và vật tư phụ tùng tăng.

6 **Thông tin về hoạt động liên tục:** Không phát sinh

7 **Những thông tin khác:** Không phát sinh

Tp.HCM, ngày 20 tháng 10 năm 2026

NGƯỜI LẬP	KẾ TOÁN TRƯỞNG	NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
LÊ TIẾN LONG	NGUYỄN THÁI ĐẠO	LÊ TRÚC LÂM

Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN CHỦ SỞ HỮU TỪ 430.873.310.000 ĐỒNG LÊN 660.959.660.000 ĐỒNG

ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2026

BẢN SAO

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN CHỦ SỞ HỮU TỪ 430.873.310.000 ĐỒNG LÊN 660.959.660.000 ĐỒNG ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2026	5 - 6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN	7 - 8

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
Lầu 8, Cao ốc Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn chủ sở hữu từ 430.873.310.000 đồng lên 660.959.660.000 đồng đến ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Công ty (gọi tắt là "Báo cáo tình hình sử dụng vốn").

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty tại ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hồ Sĩ Thuận	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2025)
Ông Lê Trúc Lâm	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2025) Thành viên từ ngày 01 tháng 7 năm 2025
Ông Nguyễn Hoài Phương	Thành viên
Ông Đoàn Đình Hiếu	Thành viên
Bà Phan Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT độc lập (bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2025)
Ông Hoàng Minh Tuấn	Thành viên HĐQT độc lập (miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2025)

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Lê Trúc Lâm	Giám đốc kiêm Người đại diện pháp luật (bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2025)
Ông Hồ Sĩ Thuận	Giám đốc kiêm Người đại diện pháp luật (miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2025)
Ông Nguyễn Xuân Lộc	Phó Giám đốc
Ông Vũ Trọng Độ	Phó Giám đốc
Ông Phạm Văn Nghĩa	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2025)
Ông Nguyễn Thái Đạo	Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Bà Bùi Lan Anh	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Đức Quân	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Vũ Thị Phượng	Thành viên Ban Kiểm soát

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình sử dụng vốn của Công ty được lập phù hợp với cơ sở lập được trình bày tại Thuyết minh số 2 và các chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh số 3 phần Thuyết minh báo cáo tình hình sử dụng vốn. Trong việc lập báo cáo này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tình hình sử dụng vốn hay không;
- Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về việc phát hành thêm cổ phiếu và sử dụng vốn thu được từ phát hành cổ phiếu

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn chủ sở hữu từ 430.873.310.000 đồng lên 660.959.660.000 đồng của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tình hình sử dụng vốn tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về việc phát hành thêm cổ phiếu và sử dụng vốn thu được từ phát hành cổ phiếu phù hợp với cơ sở lập được trình bày tại Thuyết minh số 2 và các chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh số 3 phần Thuyết minh báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PDV PVT LOGISTICS PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

Lê Trúc Lâm
Giám đốc
Ngày 10 tháng 4 năm 2026

Deloitte.

Số: 0613 /VN1A-HC-BC

Chi nhánh Công ty TNHH
Kiểm toán Deloitte Việt Nam
Tầng 18, Tòa nhà Times Square
57-69F Đồng Khởi, Phường Sài Gòn
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam
Điện thoại: +84 28 710 14555
www.deloitte.com/vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát**
Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn chủ sở hữu từ 430.873.310.000 đồng lên 660.959.660.000 đồng đến ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 4 năm 2026, từ trang 5 đến trang 8, bao gồm Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn chủ sở hữu từ 430.873.310.000 đồng lên 660.959.660.000 đồng đến ngày 31 tháng 3 năm 2026 và bản Thuyết minh báo cáo tình hình sử dụng vốn (sau đây gọi chung là "Báo cáo tình hình sử dụng vốn"). Báo cáo tình hình sử dụng vốn này được lập phù hợp với cơ sở lập báo cáo tình hình sử dụng vốn được trình bày tại Thuyết minh số 2 và các chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh số 3 phần Thuyết minh báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn của Công ty phù hợp với cơ sở lập báo cáo tình hình sử dụng vốn được trình bày tại Thuyết minh số 2 và các chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh số 3 phần Thuyết minh báo cáo tình hình sử dụng vốn và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tình hình sử dụng vốn dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tình hình sử dụng vốn của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tình hình sử dụng vốn. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tình hình sử dụng vốn do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tình hình sử dụng vốn của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn chủ sở hữu từ 430.873.310.000 đồng lên 660.959.660.000 đồng đến ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Công ty phù hợp với cơ sở lập báo cáo được trình bày tại Thuyết minh số 2 và các chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh số 3 phần Thuyết minh báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Deloitte là tên gọi dùng để chỉ Deloitte Touche Tohmatsu Limited ("DTTL"), hoặc mạng lưới các hãng thành viên trên toàn cầu, và các đơn vị liên quan của các hãng thành viên (gọi chung là "Tổ chức Deloitte"). DTTL (hay còn gọi là "Deloitte Toàn cầu") và mỗi hãng thành viên cũng như các đơn vị liên quan là các pháp nhân riêng biệt và độc lập về mặt pháp lý, không chịu trách nhiệm hoặc bị ràng buộc lẫn nhau đối với các bên thứ ba. DTTL và mỗi hãng thành viên cũng như các đơn vị liên quan chỉ chịu trách nhiệm cho các hành vi và thiếu sót của riêng mình, không chịu trách nhiệm cho hành vi hoặc thiếu sót của các bên còn lại. DTTL không cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Vui lòng truy cập www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết.

Deloitte.

Cơ sở kế toán

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2 và Thuyết minh số 3 phần Thuyết minh báo cáo tình hình sử dụng vốn mô tả cơ sở lập báo cáo tình hình sử dụng vốn mà Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tình hình sử dụng vốn và tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu.

Đồng thời, chúng tôi cũng lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 5 về mục đích sử dụng báo cáo. Báo cáo tình hình sử dụng vốn này để Công ty báo cáo cho Đại hội đồng Cổ đông thường niên và đáp ứng yêu cầu của các Cơ quan quản lý Nhà nước và chỉ liên quan đến việc sử dụng vốn góp của cổ đông mà không liên quan đến toàn bộ Báo cáo tài chính của Công ty. Vì thế, Báo cáo tình hình sử dụng vốn này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

Vấn đề khác

Công ty đã lập một bộ báo cáo vốn góp của chủ sở hữu tại ngày 30 tháng 9 năm 2024 liên quan đến khoản vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn chủ sở hữu của Công ty từ 430.873.310.000 đồng lên 660.959.660.000 đồng, phù hợp với cơ sở lập báo cáo vốn góp của chủ sở hữu và chúng tôi đã phát hành báo cáo kiểm toán độc lập đề ngày 09 tháng 10 năm 2024 về báo cáo vốn góp của chủ sở hữu đó với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Nguyễn Thị Thu Sang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1144-2023-001-1

Phan Thị Hồng Nhung
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 4310-2023-001-1

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 10 tháng 4 năm 2026
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 050080 quyển số 01/2026-SCT/BS
Ngày: 16-10-2026
CÔNG CHỨNG VIÊN

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN KIM CHI

Bùi Trần Việt Hưng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

Thu được từ đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng tăng vốn chủ sở hữu từ 430.873.310.000 đồng lên 660.959.660.000 đồng đến ngày 31 tháng 3 năm 2026

Tên tổ chức phát hành:	Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt
Địa chỉ trụ sở chính:	Lầu 8, Cao ốc Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã chứng khoán:	PDV
Điện thoại:	(028) 6291 1281

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH

1. Tên cổ phiếu phát hành: cổ phiếu Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt.
2. Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông.
3. Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.
4. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán đăng ký chào bán: 23.008.635 cổ phiếu.
5. Tổng giá trị cổ phiếu đã phát hành: 230.086.350.000 đồng.
6. Mục đích phát hành: Số tiền thu được từ đợt chào bán được sử dụng để bổ sung hoặc bù đắp vốn đã sử dụng để đầu tư mua một tàu hàng rời Handysize/Ultramax có trọng tải khoảng 25.000-75.000 DWT, và mua một tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 19.000-25.000 DWT hoặc tàu hàng rời 25.000-75.000DWT. Số tiền dôi dư sau khi đầu tư tàu sẽ bổ sung cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
7. Hình thức phát hành: phát hành cho cổ đông hiện hữu.
8. Thời gian phát hành: ngày 26 tháng 8 năm 2024.
9. Ngày hoàn thành đợt phát hành: ngày 27 tháng 9 năm 2024.
10. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu: Tài khoản số 7976777879 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn (sau đây gọi chung là "tài khoản ngân hàng nhận tiền mua cổ phiếu đợt phát hành").
11. Số cổ phiếu đã phát hành thành công: 23.008.635 cổ phiếu.
12. Tổng giá trị cổ phiếu đã phát hành thành công: 230.086.350.000 đồng.
13. Số cổ phiếu còn lại: 0 cổ phiếu.

II. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG SỐ TIỀN HUY ĐỘNG TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG TĂNG VỐN CHỦ SỞ HỮU TỪ 430.873.310.000 ĐỒNG LÊN 660.959.660.000 ĐỒNG ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2026

1. Phương án đã được phê duyệt

Theo Nghị quyết số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông năm 2024 ngày 24 tháng 4 năm 2024, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 28/NQ-HĐQT ngày 01 tháng 7 năm 2024 về việc thông qua việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng, các cam kết của Công ty và phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán; Nghị quyết số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông năm 2025 ngày 26 tháng 6 năm 2025 về việc thông qua báo cáo tiến độ sử dụng vốn và đề xuất tiếp tục thực hiện phương án sử dụng vốn trong phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn chủ sở hữu đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN *(Tiếp theo)*

Thu được từ đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng tăng vốn chủ sở hữu từ 430.873.310.000 đồng lên 660.959.660.000 đồng đến ngày 31 tháng 3 năm 2026

2. Tình hình thực hiện và sử dụng vốn đến ngày 31 tháng 3 năm 2026:

		Lũy kế đến ngày 31 tháng 3 năm 2026 VND
Số tiền thu được từ đợt phát hành	**(1)**	**230.086.350.000**
Chi tiết vốn sử dụng đầu tư tài sản	**(2)**	**219.705.407.611**
a. Mua 01 tàu hàng rời trọng tải khoảng 25.000 – 75.000 DWT (Tàu PVT Topaz)		*119.830.942.145*
b. Mua 01 tàu hàng rời Handysize/Ultramax có trọng tải khoảng 25.000 – 75.000 DWT (Tàu PVT Emerald)		*99.874.465.466*
Phần vốn còn lại kết chuyển cho hoạt động sản xuất kinh doanh	**(3)=(1)-(2)**	**10.380.942.389**

Theo Phương án đầu tư đã được thông qua theo Nghị quyết số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông năm 2024 ngày 24 tháng 4 năm 2024, Công ty đã hoàn thành đầu tư mua 01 tàu hàng rời trọng tải khoảng 25.000 – 75.000 DWT (tàu PVT Topaz) với tổng giá trị là 385.511.128.661 đồng. Theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐQT ngày 01 tháng 7 năm 2024 về việc thông qua việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng, các cam kết của Công ty và phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán, Công ty đã sử dụng một phần số tiền thu được từ đợt phát hành Cổ phiếu tăng vốn chủ sở hữu từ 430.873.310.000 đồng lên 660.959.660.000 đồng (tăng 230.086.350.000 đồng) để bù đắp nguồn vốn của Công ty đã sử dụng để mua tàu PVT Topaz với giá trị sử dụng vốn là 119.830.942.145 đồng.

Vào tháng 8 năm 2025, sau khi được Đại hội đồng cổ đông năm 2025 chấp thuận và thông qua kế hoạch đầu tư chuyển tiếp tại Nghị quyết số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 6 năm 2025, Công ty đã đầu tư thêm 01 tàu hàng rời Handysize/Ultramax có trọng tải khoảng 25.000 – 75.000 DWT (tàu PVT Emerald) với tổng giá trị là 310.854.175.471 đồng từ nguồn vốn vay và một phần nguồn vốn thu được từ đợt phát hành Cổ phiếu tăng vốn chủ sở hữu từ 430.873.310.000 đồng lên 660.959.660.000 đồng (tăng 230.086.350.000 đồng) với giá trị sử dụng vốn là 99.874.465.466 đồng.

Sau khi đầu tư mua 02 tàu như báo cáo ở trên, Công ty đã sử dụng số vốn còn lại từ đợt chào bán cổ phiếu là 10.380.942.389 đồng để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

3. Những thay đổi, điều chỉnh (nếu có) và nguyên nhân, lý do điều chỉnh:

Không có.

Trần Thị Thanh Huyền	**Nguyễn Thái Đạo**	**Lê Trúc Lâm**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
		Ngày 10 tháng 4 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

1. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt (gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006478 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 4 năm 2007 và các Giấy chứng nhận điều chỉnh. Trụ sở chính của Công ty đặt tại Lầu 8, cao ốc Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết chính thức lần đầu tiên tại sàn giao dịch UpCom vào ngày 20 tháng 4 năm 2017 với mã chứng khoán là PDV. Theo Quyết định số 969/QĐ-SGDHCM ngày 24 tháng 10 năm 2025, Công ty đã hoàn tất chuyển sàn giao dịch Cổ phiếu công ty sang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là PDV và chính thức giao dịch trên sàn từ ngày 19 tháng 11 năm 2025.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động Chính

- Ngành nghề kinh doanh chính: Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Chi tiết: Kinh doanh vận tải biển. Mã ngành: 5012
- Sản phẩm/dịch vụ chính: Kinh doanh vận tải biển và kinh doanh thương mại; Khai thác tàu; Đại lý tàu biển; Quản lý và cung ứng thuyền viên; Quản lý tàu

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

Báo cáo này được lập trên cơ sở thực thu – thực chi từ nguồn vốn góp của chủ sở hữu. Báo cáo tình hình sử dụng vốn được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc, được lập phù hợp với quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về "Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán" và phù hợp các chính sách kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 3.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Ban Giám đốc Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng tăng vốn chủ sở hữu từ 430.873.310.000 đồng lên 660.959.660.000 đồng đến ngày 31 tháng 3 năm 2026.

Số tiền thu-chi từ đợt phát hành và lãi tiền gửi từ số tiền thu được từ đợt phát hành

Số tiền thu được từ đợt phát hành phản ánh số tiền thực thu mà Công ty thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn chủ sở hữu từ 430.873.310.000 đồng lên 660.959.660.000 đồng được ghi nhận theo số tiền thực tế được ghi có vào tài khoản ngân hàng nhận tiền mua cổ phiếu của đợt phát hành.

Số tiền chi từ đợt phát hành phản ánh chi phí phát sinh trong đợt chào bán cổ phiếu để tăng vốn chủ sở hữu từ 430.873.310.000 đồng lên 660.959.660.000 đồng và số vốn sử dụng để đầu tư mua tàu PVT Topaz và PVT Emerald.

Lãi tiền gửi từ số thu được từ đợt phát hành phản ánh lãi phát sinh từ khoản tiền thực tế đã chi và được ghi có trên tài khoản ngân hàng nhận tiền mua cổ phiếu đợt phát hành.

Số tiền đã sử dụng lũy kế đến ngày 31 tháng 3 năm 2026

Số tiền đã sử dụng lũy kế đến ngày 31 tháng 3 năm 2026 được ghi nhận căn cứ vào các khoản chi thực tế phát sinh từ nguồn vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu.

4. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

Không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra kể từ ngày lập báo cáo tình hình sử dụng vốn yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trên Báo cáo tình hình sử dụng vốn này.

5. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG BÁO CÁO

Báo cáo tình hình sử dụng vốn được lập cho việc phản ánh tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn chủ sở hữu từ 430.873.310.000 đồng lên 660.959.660.000 đồng đến ngày 31 tháng 3 năm 2026.

Báo cáo tình hình sử dụng vốn này được lập để Công ty báo cáo cho Đại hội đồng Cổ đông thường niên và đáp ứng yêu cầu của các Cơ quan quản lý Nhà nước và chỉ liên quan đến việc sử dụng vốn góp của các cổ đông mà không liên quan đến toàn bộ Báo cáo tài chính của Công ty. Vì thế, báo cáo này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

Trần Thị Thanh Huyền	**Nguyễn Thái Đạo**	**Lê Trúc Lâm**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
		Ngày 10 tháng 4 năm 2026